LÊ QUANG HƯNG - NGUYỄN KIẾN THỌ (Đồng chủ biên)
PHẠM THANH LÊ - NGUYỄN THỊ THANH VÂN
PHẠM THỊ LỆ MỸ - DƯƠNG TRUNG THÀNH - TRẦN VĂN THƯ

HƯỚNG DẪN

LÀM BÀI THI TỐT NGHIỆP THPT TỪ NĂM 2025

Môn Ngữ văn

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NHÀ XUẤT BẢN
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

LÊ QUANG HƯNG - NGUYỄN KIẾN THỌ (Đồng chủ biên)
PHẠM THANH LÊ - NGUYỄN THỊ THANH VÂN
PHẠM THỊ LỆ MỸ - DƯƠNG TRUNG THÀNH - TRẦN VĂN THƯ

HƯỚNG DẪN

LÀM BÀI THI TỐT NGHIỆP THPT TỪ NĂM 2025

Môn Ngữ văn

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NHÀ XUẤT BẢN
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU 5

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN NGỮ VĂN THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 6

QUAN ĐIỂM VỀ NGỮ LIỆU SỬ DỤNG TRONG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ VÀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 10

ĐỀ THI THAM KHẢO VÀ HƯỚNG DẪN LÀM BÀI 15

ĐỀ SỐ 1 15

ĐỀ SỐ 2 19

ĐỀ SỐ 3 24

ĐỀ SỐ 4 30

ĐỀ SỐ 5 34

ĐỀ SỐ 6 39

ĐỀ SỐ 7 44

ĐỀ SỐ 8 49

ĐỀ SỐ 9 55

ĐỀ SỐ 10 60

ĐỀ SỐ 11 65

ĐỀ SỐ 12 70

ĐỀ SỐ 13 75

ĐỀ SỐ 14 80

ĐỀ SỐ 15 84

ĐỀ SỐ 16 89

ĐỀ SỐ 17 93

ĐỀ SỐ 18 99
ĐỀ SỐ 19 105
ĐỀ SỐ 20 111
ĐỀ SỐ 21 117
ĐỀ SỐ 22 125
ĐỀ SỐ 23 135
ĐỀ SỐ 24 140
ĐỀ SỐ 25 146
ĐỀ SỐ 26 153
ĐỀ SỐ 27 160
ĐỀ SỐ 28 164
ĐỀ SỐ 29 169
ĐỀ SỐ 30 175

LỜI GIỚI THIỆU

Năm học 2024 - 2025, sách giáo khoa theo Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 được hoàn thành và đưa vào dạy học ở tất cả các lớp của ba cấp từ Tiểu học đến Trung học phổ thông (THPT). Từ đây, phương thức kiểm tra, đánh giá có nhiều thay đổi mạnh mẽ. Đối với môn Ngữ văn, từ năm 2025, cấu trúc đề thi Tốt nghiệp THPT cũng không còn như trước. Ngày 18 tháng 10 năm 2025 vừa qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức công bố đề thi tham khảo Tốt nghiệp THPT đối với các môn học.

Nhằm kịp thời, thiết thực phục vụ cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh, đáp ứng sự mong đợi của đông đảo thầy cô, các em, chúng tôi tổ chức biên soạn cuốn *Hướng dẫn làm bài thi Tốt nghiệp THPT từ năm 2025 môn Ngữ văn*. Cuốn sách gồm hai phần lớn. Phần I trình bày một số vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá đối với môn Ngữ văn theo Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018. Phần II là 30 đề thi tham khảo cùng hướng dẫn làm bài theo từng phần, câu cụ thể của đề thi. Đã có vài cuốn sách xuất bản được tổ chức biên soạn theo các định hướng nội dung tương tự nhưng đây là cuốn đảm bảo đúng, đủ cấu trúc định dạng đề thi Tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố đề thi tham khảo chính thức. Tương quan giữa hai phần Đọc hiểu và Viết, mối quan hệ, phân bố điểm giữa hai mảng nghị luận văn học và nghị luận xã hội, các dạng văn bản, ngữ liệu cùng cách khai thác, cách đặt yêu cầu… trong hệ thống đề tham khảo được biên soạn ở đây thể hiện sát hợp, đầy đủ cấu trúc định dạng đó. Tinh thần chung của cuốn sách là chú trọng kiểm tra, đánh giá học sinh về năng lực, kĩ năng đúng với phương hướng đổi mới giáo dục của chúng ta hiện nay.

Trân trọng giới thiệu *Hướng dẫn làm bài thi Tốt nghiệp THPT từ năm 2025 môn Ngữ văn* với các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh và đông đảo bạn đọc quan tâm. Hi vọng cuốn sách sẽ là một tài liệu bổ ích cho quá trình dạy và học nói chung và cho quá trình ôn luyện thi tốt nghiệp THPT nói riêng khi nhóm biên soạn là những giảng viên đại học, giáo viên THPT có nhiều kinh nghiệm trong công việc này.

Thay mặt nhóm tác giả

Đồng chủ biên

Lê Quang Hưng - Nguyễn Kiến Thọ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN NGỮ VĂN THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

1. Vai trò của kiểm tra, đánh giá trong môn học Ngữ văn

Kiểm tra (KT), đánh giá (ĐG) là một trong bốn thành tố quan trọng của quá trình dạy học (mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá). Theo tinh thần đổi mới giáo dục hướng đến mục tiêu phát triển năng lực của người học, các thành tố trên cần được phối hợp một cách hiệu quả trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học của giáo viên (GV), trong đó hoạt động đánh giá cần được thực hiện trong tất cả các thời điểm của quá trình giáo dục.

Đánh giá trong giáo dục nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh (HS) trong suốt quá trình học tập môn học; từ đó để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và chương trình các môn học, hoạt động giáo dục. Phạm vi đánh giá bao gồm toàn bộ nội dung chương trình môn học và các hoạt động giáo dục. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh. ĐG theo năng lực không chỉ ĐG việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS mà phải hướng tới việc ĐG khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng và thái độ của HS để thực hiện nhiệm vụ học tập theo một chuẩn/yêu cầu cần đạt nhất định. Do đó, ĐG theo NL phải dựa trên việc miêu tả rõ một sản phẩm đầu ra cụ thể mà cả hai phía GV và HS đều biết và có thể ĐG được sự tiến bộ của HS dựa vào mức độ mà các em thực hiện sản phẩm.

Hiện nay, vấn đề đổi mới đánh giá đang được đặt ra như một trong những bước đột phá của giáo dục. Mục tiêu đánh giá đã có sự thay đổi, từ việc chỉ quan tâm đến đánh giá kết quả học tập của học sinh (assessment of learning) đến việc nhấn mạnh hơn đến mục đích đánh giá như một hoạt động học tập (assessment as learning) và đánh giá vì hoạt động học tập (assessment for learning). Điều này có nghĩa là, đánh giá không chỉ nhằm đưa ra những nhận định định tính hay định lượng về kết quả học tập của học sinh mà còn được coi là một phương pháp để học sinh tự rèn luyện, tự

chiếm lĩnh tri thức, ĐG để thúc đẩy quá trình tìm kiếm và lý giải các thông tin của người học trong quá trình học tập để điều chỉnh nội dung và phương pháp học tập trong các giai đoạn giáo dục tiếp theo.

Một trong những quan điểm đánh giá hiện đại là đánh giá phát triển (hay đánh giá vì sự phát triển của người học). Quan điểm đánh giá phát triển dựa trên lý thuyết về "vùng phát triển gần" của Vư-gốp-xki, theo đó, mỗi cá nhân bằng nỗ lực của mình có thể đạt được kết quả vượt qua khả năng thực tế của chính mình. Học tập phát triển là quá trình học để kiến tạo tri thức từ đơn giản đến phức tạp bằng khả năng tiềm tàng của các em; quá trình học tập là quá trình vận động của bản thân người học để vượt qua "vùng phát triển gần" của chính mình để hướng đến "vùng phát triển mới". Đánh giá phát triển là đánh giá hướng đến "vùng phát triển gần" của người học, góp phần tác động và thúc đẩy quá trình phát triển. Đánh giá phát triển có mục đích quan trọng là đưa ra được những kết quả đáng tin cậy, qua đó khẳng định hiện trạng và tiềm năng phát triển của đối tượng so với mục tiêu đánh giá; giúp HS tự tìm ra những ưu điểm, hạn chế, biết được nguyên nhân của những điểm hạn chế và có biện pháp khắc phục, từ đó tạo ra niềm tin và động lực để giúp HS có định hướng khắc phục những điểm chưa phù hợp để có thể đạt được mức năng lực cao hơn.

Có thể nói, trong quá trình đổi mới giáo dục hiện nay, mục đích đánh giá đã được mở rộng theo hướng không chỉ dừng lại ở việc mô tả và còn có vai trò dự báo, tạo cơ hội cho các đối tượng được tham gia vào các hoạt động đánh giá vì sự thành công của mỗi học sinh.

Với môn học Ngữ văn, hoạt động kiểm tra, đánh giá cần đạt được những yêu cầu cơ bản như sau:

Thứ nhất, việc ĐG phẩm chất và NL ở môn Ngữ văn cần xuất phát từ các phẩm chất và NL đặc thù là NL ngôn ngữ và NL văn học, thể hiện thông qua 4 kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe. Cần căn cứ vào các biểu hiện của phẩm chất và NL để xác định nội dung ĐG và hình thức ĐG cho phù hợp.

Thứ hai, việc ĐG các NL chung và NL đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các nhiệm vụ học tập, các bài kiểm tra (đọc, viết, nói, trình bày), bài tập nghiên cứu với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về các mạch kĩ năng đã được quy định trong Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 đối với mỗi lớp. Cần xây dựng được câu hỏi, bài tập một cách rõ ràng, có thể đo lường chính xác, đảm bảo độ tin cậy trong đánh giá; các đề thi, kiểm tra

quan trọng (cuối kì, cuối cấp) cần yêu cầu HS vận dụng, thực hành với tình huống và ngữ liệu mới.

Thứ ba, dù ĐG theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, NL ngôn ngữ, NL văn học của chính các em, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các sản phẩm có cá tính và sáng tạo.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn 2018

- Đánh giá phẩm chất trong môn Ngữ văn chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong các mối quan hệ. Đồng thời, qua việc đọc hiểu, viết, nói và nghe từ các ngữ liệu, các vấn đề được đề cập, GV có thể đánh giá các phẩm chất của HS (yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm).

- Đánh giá các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng dựa trên yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói nghe trong Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018. Cụ thể:

+ Đánh giá kĩ năng đọc: cần tập trung vào yêu cầu đọc hiểu về nội dung (xác định đề tài, chủ đề của văn bản, quan điểm và ý tưởng của người viết,…); đọc hiểu hình thức (xác định các đặc điểm của văn bản (VB) về phương thức thể hiện, nhất là về mặt thể loại, loại văn bản và ngôn ngữ sử dụng, các biểu hiện cụ thể của từng kiểu loại VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin,…); liên hệ, so sánh, kết nối (phân tích, nhận xét về giá trị và sự tác động của văn bản đối với bản thân, thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề đặt ra trong văn bản, liên hệ giữa các văn bản với đời sống,...). Trả lời các câu hỏi theo những mức độ tư duy khác nhau (nhận biết, phân tích suy luận, đánh giá và vận dụng).

+ Đánh giá kỹ năng viết: cần tập trung vào yêu cầu tạo lập các kiểu loại văn bản được quy định theo từng lớp. Chú trọng đánh giá tiến trình tạo lập văn bản và các sản phẩm viết cụ thể. Việc đánh giá kỹ năng viết cần dựa và các tiêu chí chủ yếu như: nội dung triển khai, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ, trình bày.

+ Đánh giá kỹ năng nói và nghe: cần tập trung vào chủ đề và mục tiêu của hoạt động nói và nghe theo hướng giao tiếp. Với kĩ năng nói, chú ý đến các ngữ cảnh nói và đối tượng người nghe, qua đó thể hiện sự tự tin của người nói khi trình bày, giới thiệu, thuyết phục người nghe; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ khi

trình bày. Đối với kỹ năng nghe, cần chú ý đến yêu cầu nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt. Bên cạnh đó cần chú ý đến kĩ năng nói và nghe tương tác (thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận, tranh luận, tranh biện).

+ Đánh giá năng lực chung: thông qua các hình thức và công cụ đánh giá (đánh giá cá nhân, đánh giá theo nhóm) để đánh giá các năng lực chung (tự học và tự chủ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) ngay trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập.

Theo các quy định ở thời điểm hiện tại, trong các kì thi chuyển cấp và thi Tốt nghiệp trung học phổ thông, các đề thi môn học Ngữ văn được sử dụng là đề thi theo hình thức tự luận, với hai phần đọc hiểu và viết, HS viết câu trả lời cho các câu hỏi đọc hiểu dựa trên văn bản ngữ liệu, và tạo lập đoạn văn, bài văn theo yêu cầu. Đồng thời, môn Ngữ văn cũng là môn học được đánh giá tại các kì đánh giá năng lực nhằm xét tuyển đầu vào ở một số trường đại học, với hình thức trắc nghiệm khách quan hoặc kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận.

3. Các văn bản chỉ đạo về đổi mới kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn

- Thông tư 32 của Bộ GDĐT về Chương trình GDPT 2018 (Chương trình tổng thể và Chương trình các môn học/Hoạt động giáo dục).

- Cấu trúc định dạng đề thi môn Ngữ văn: Công bố ngày 29/12/2023.

- Quyết định 764/QĐ-BGDĐT quy định về cấu trúc định dạng đề thi kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025.

- Kế hoạch số 336 ngày 08/4/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Tập huấn xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, ra đề thi minh họa Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025.

- Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH V/v hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông, ban hành ngày 21/7/2022.

QUAN ĐIỂM VỀ NGỮ LIỆU SỬ DỤNG TRONG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ VÀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1. Cơ sở của việc sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa trong đề kiểm tra định kì và thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông

Mục tiêu của dạy học, đọc, hiểu là hình thành cho HS năng lực đọc. Cụ thể: hiểu đúng nội dung và hình thức của văn bản và biết cách đọc một văn bản theo đặc trưng thể loại.

Đọc hiểu văn bản chủ yếu là GV hướng dẫn HS làm việc với văn bản, quan sát, lắng nghe từ văn bản; từ các kí hiệu hình thức văn bản mà đọc ra ý nghĩa, thông điệp gửi gắm trong đó...

Mục tiêu của đọc hiểu tác phẩm văn chương là thông qua việc tiếp xúc với văn bản, người đọc hiểu được nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn, các biện pháp nghệ thuật, thông hiểu các thông điệp tư tưởng, tình cảm của người viết và giá trị tự thân của hình tượng nghệ thuật. Nói cách khác, đọc hiểu văn bản văn chương là quá trình thâm nhập vào văn bản với thái độ tích cực, chủ động.

Để kiểm tra định kì và thi Tốt nghiệp THPT theo định hướng phát triển năng lực, việc lựa chọn các ngữ liệu cho đề thi là hết sức quan trọng. Bởi lẽ, mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là phát huy năng lực của người học, chống văn mẫu, chống sao chép trong thực hành kiểm tra đánh giá. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề băn khoăn lớn nhất của giáo viên (THCS và THPT) trong cả nước là làm thế nào để có ngữ liệu chuẩn, ngữ liệu "ngoài sách giáo khoa" theo quy định của Bộ Giáo dục. Thực ra, yêu cầu đánh giá (theo Chương trình) là *tránh sử dụng lại ngữ liệu học sinh đã được học*. Cụm từ "ngoài sách giáo khoa" chỉ là cách nói cửa miệng, mang tính khẩu ngữ, chứ không xuất hiện trong yêu cầu về đánh giá của Chương trình. Mặc khác, hầu hết giáo viên chúng ta đang đồng nhất giữa yêu cầu *thi* với yêu cầu *kiểm tra* trong dạy học. Chính vì vậy mà gây ra lúng túng cả trong công tác chỉ đạo của các cơ sở giáo dục, cả trong thực hành dạy học và kiểm tra đánh giá của giáo viên.

Vậy, vấn đề "tránh sử dụng ngữ liệu trong sách giáo khoa" nên hiểu như thế nào cho đúng?

Thông tư số 22 ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, tại khoản 1, 2 Điều 4 (Yêu cầu đánh giá) đã ghi rõ:

- Đánh giá căn cứ vào ***yêu cầu cần đạt*** được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông.

- Đánh giá đảm bảo tính chính xác, ***công bằng***, toàn diện, trung thực và khách quan.

Chính yêu cầu về tính công bằng trong kiểm tra đánh giá dẫn tới quy định bắt buộc phải sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa trong thi và kiểm tra môn Ngữ văn. Chúng ta đang có 3 bộ sách đáp ứng được yêu cầu của Chương trình và đang được triển khai dạy học trên cả nước. Chúng ta hiện cũng đang có một kì thi tốt nghiệp bậc THPT cho tất cả học sinh. Vì vậy, trong các đề thi Tốt nghiệp, việc tránh sử dụng các văn bản đã được học trong cả 3 bộ sách chính là để đảm bảo tính công bằng cho tất cả thí sinh. Nếu ngữ liệu trong đề thi dùng trích đoạn của một tác phẩm nào đó mà chỉ xuất hiện ở một (hoặc hai) trong ba bộ sách, ngay cả trích đoạn khác của tác phẩm đã được học, cũng là sự thiếu công bằng đối với những thí sinh học các bộ sách còn lại, chính vì vậy mà phải "tránh".

2. Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu trong đề kiểm tra định kì và thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông

Đánh giá năng lực là đánh giá kiến thức và kĩ năng trong những *bối cảnh có ý nghĩa*. Đối với môn Ngữ văn, bối cảnh có ý nghĩa được hiểu là những văn bản ngữ liệu mới và nhiệm vụ đọc, viết tương đương với văn bản, nhiệm vụ đã học. Vì vậy, trong việc lựa chọn ngữ liệu cho kiểm tra đánh giá định kì, cần đáp ứng một số yêu cầu sau đây:

- *Lựa chọn các văn bản ngữ liệu tương đương:*

Khái niệm "tương đương" có thể hiểu là:

+ Tương đương về thể loại (cùng thể loại với các thể loại văn bản đã học).

+ Tương đương về dung lượng/độ dài: Trong quy định về đề thi Tốt nghiệp THPT từ sau năm 2025 đã ghi rõ, dung lượng ngữ liệu của các loại văn bản được sử dụng trong Đề thi không vượt quá 1300 chữ (cho tất cả ngữ liệu). Tuy nhiên, đó là trong trường hợp đề thi sử dụng tới 2 ngữ liệu (cho cả phần Đọc hiểu và Viết). Trường hợp chỉ sử dụng 01 ngữ liệu, và với đề thi định kì, chỉ nên dao động từ khoảng 600 đến 1000 chữ. Văn bản trên 1000 chữ có lẽ là quá dài, ảnh hưởng nhiều đến quá trình/ khả năng tiếp nhận của học sinh.

- Không trùng lặp với đoạn trích/văn bản đã học trong SGK do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành:

Trên cơ sở thực tế là hiện nay, có đến 03 bộ sách giáo khoa đang được triển khai dạy học ở cả bậc THCS và THPT, mỗi trường/ cơ sở giáo dục

(thậm chí mỗi địa phương) chỉ học 01 bộ sách, nên khi kiểm tra đánh giá định kì, Giáo viên chỉ cần tránh sử dụng lại những đoạn trích/văn bản đã học trong bộ sách giáo khoa mà học sinh của từng trường cụ thể, đang học. Chẳng hạn, đối với học sinh trường A đang học bộ sách *Cánh Diều*, Giáo viên hoàn toàn có thể sử dụng văn bản / đoạn trích tương đương ở các bộ sách khác như *Kết nối tri thức với cuộc sống* hay *Chân trời sáng tạo* làm ngữ liệu để kiểm tra đánh giá định kì cho học sinh trường mình. Như vậy, vừa vẫn đảm bảo tính khách quan, vừa thuận lợi cho việc khai thác nguồn ngữ liệu. Bởi lẽ, các bộ sách hiện hành đã có sự chọn lựa khá kĩ về các ngữ liệu cho dạy học các thể loại văn bản. Những đoạn trích/ ngữ liệu này cũng đã được thông qua bởi Hội đồng thẩm định Quốc gia khi thẩm định từng bộ sách. Có thể coi đó là những ngữ liệu tiêu biểu cho các thể loại văn bản mà học sinh đã/cần được học. Mặt khác, việc lựa chọn một Ngữ liệu phù hợp đối với phần đông các giáo viên hiện nay là điều không dễ dàng. Do đó, tận dụng ngữ liệu từ các bộ sách khác là phương án khả thi và mang tính hiệu quả cao.

- Đúng loại/ thể loại, đã được học trong Chương trình:

Thực tế cho thấy, nhiều giáo viên khi lựa chọn ngữ liệu cho đề kiểm tra đã có sự nhầm lẫn giữa các thể loại, hoặc không chọn được các ngữ liệu/đoạn trích tiêu biểu, vì cả những lí do khách quan và chủ quan. Vậy nên, nếu lựa chọn ngữ liệu trong/từ các bộ sách khác như đã nói ở trên sẽ đáp ứng được yêu cầu này.

- Chứa đựng các yếu tố tiêu biểu cho loại/thể loại cần đánh giá:

Không phải ngữ liệu nào cũng phù hợp cho các đề kiểm tra đánh giá cụ thể. Việc lựa chọn ngữ liệu cần đặc biệt chú ý tới tính phù hợp/ tiêu biểu cho từng thể loại cần đánh giá. Nhất là ngữ liệu đó phải/cần chứa đựng trong nó những yếu tố tiêu biểu cho các vấn đề được hỏi. Nói cách khác, để hỏi *đúng* và hỏi *trúng* vấn đề, người giáo viên phải chọn lựa cho được các đoạn trích/ ngữ liệu tiêu biểu. Tránh tình trạng cứ có đoạn trích đúng thể loại, đúng dung lượng rồi thì đặt câu hỏi cho đúng số lượng, đúng các mức độ chỉ báo của năng lực là được. Điều này dẫn tới việc khai thác văn bản một cách hời hợt, tùy tiện, không đáp ứng được yêu cầu đánh giá năng lực đối với học sinh.

- Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm - sinh lí của HS

Ngữ liệu cần có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ, phản ánh được các thành tựu tiêu biểu của văn học dân tộc ở các giai đoạn khác nhau; có tính nhân văn, giáo dục lòng

nhân ái, khoan dung, tình yêu chân thiện mĩ, tình yêu thiên nhiên, tinh thần hội nhập quốc tế, hướng đến những giá trị phổ quát của nhân loại.

- Hạn chế dùng văn bản thơ dịch

- Trích dẫn đúng quy cách, nguồn rõ ràng

Nếu ngữ liệu là đoạn trích văn xuôi, cần có tóm tắt bối cảnh của đoạn trích. (Lưu ý là tóm tắt bối cảnh chứ không phải là tóm tắt đoạn trích).

Làm mới các ngữ liệu trong kiểm tra đánh giá luôn luôn là điều cần thiết và cũng là điều khó khăn đối với mỗi giáo viên. Chính vì cách hiểu "tránh/không sử dụng ngữ liệu trong các bộ sách giáo khoa" thay vì "không sử dụng văn bản/ngữ liệu học sinh đã được học trong sách giáo khoa" mà giáo viên thường mặc định khi tìm văn bản/ngữ liệu cho đề kiểm tra là *tránh tất cả những ngữ liệu/văn bản đã được học ở cả ba bộ sách.* Điều này dẫn đến vô vàn những khó khăn cho giáo viên với tư cách người ra đề. Bởi lẽ, lựa chọn được văn bản/thể loại tương đương đã khó, chọn những văn bản/ ngữ liệu mới đáp ứng các yêu cầu đặt ra (như thể loại, dung lượng, chứa đựng những yếu tố tiêu biểu cho thể loại cần đánh giá,…) lại càng khó hơn. Mặt khác, rất nhiều giáo viên chưa/không phân biệt được sự khác nhau giữa truyện ngắn với tiểu thuyết, thơ hiện đại và thơ hậu hiện đại,… nên khi lựa chọn và thiết kế các câu hỏi thường rơi vào lúng túng, ngữ liệu không được chọn lọc, câu hỏi không được lớp lang, bài bản. Thậm chí, có nhiều câu hỏi chỉ là hỏi cho có lệ, cho đủ số lượng và đúng cấu trúc, mức độ năng lực, còn hỏi có đúng và trúng vấn đề không lại không thật sự được quan tâm, và với một số ít giáo viên, thậm chí đó lại còn là điều vượt quá khả năng.

Tất nhiên, trong quá trình dạy học, mỗi giáo viên cần phải thường xuyên tìm kiếm ngữ liệu, vừa để phong phú thêm cho việc dạy học trên lớp, vừa cần thiết cho việc cung cấp ngữ liệu để kiểm tra đánh giá. Lưu ý là việc lựa chọn ngữ liệu ngoài các bộ sách giáo khoa, người giáo viên cần tuân thủ những quy định cụ thể về văn bản/ngữ liệu dùng trong dạy học và kiểm tra đánh giá theo những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Lựa chọn và xử lí ngữ liệu đối với đề thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông

+ Đảm bảo đủ dung lượng theo yêu cầu định dạng đề thi Tốt nghiệp THPT từ sau năm 2025 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (tổng độ dài của các ngữ liệu không quá 1300 chữ).

+ Nếu ngữ liệu là đoạn trích (văn xuôi), cần có tóm tắt bối cảnh của đoạn trích.

+ Chú thích những từ ngữ khó (nếu cần).

** Yêu cầu đối với câu hỏi đọc hiểu:*

- Theo 3 mức độ (*Biết, Hiểu, Vận dụng*).

- Số lượng câu hỏi: 5 câu (như đề tham khảo; có ít nhất 01 câu hỏi tiếng Việt).

- Các câu hỏi đảm bảo đánh giá được năng lực hiểu của HS về những yếu tố hình thức tiêu biểu theo đặc trưng thể loại và nội dung chính của văn bản.

- Nêu ngắn gọn và chính xác yêu cầu, rõ ràng về định lượng (nếu cần).

- Hình thức trình bày câu hỏi phải nhất quán.

- Linh hoạt trong việc sử dụng các động từ để diễn đạt các mức độ cho phù hợp với kiểu văn bản.

- Không được thoát li yêu cầu của Chương trình; lệnh hỏi phải rõ ràng, không gây nhiều cách hiểu khác nhau; tránh nhầm lẫn giữa các mức độ;…

** Yêu cầu đối với câu nghị luận xã hội*

- Theo một trong hai dạng: nghị luận về một vấn đề có liên quan đến văn bản đọc hiểu hoặc một vấn đề độc lập.

- Đề tài/nội dung nghị luận nên là những vấn đề gắn với tuổi trẻ.

- Hình thức: đoạn văn (khoảng 200 chữ) hoặc bài văn (khoảng 600 chữ).

- Với yêu cầu viết bài văn: lệnh hỏi cần rõ ràng về hình thức trình bày (theo bài văn nghị luận hoặc bức thư, bài phát biểu,…).

** Yêu cầu đối với câu nghị luận văn học*

- Theo một trong các dạng: nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm (thơ, truyện, kịch, kí); so sánh, đánh giá hai đoạn trích/ tác phẩm (thơ, truyện, kịch, kí).

- Ngữ liệu: ngoài Sách giáo khoa (có thể sử dụng ngữ liệu ở phần đọc hiểu hoặc ngữ liệu khác).

- Hình thức: đoạn văn (khoảng 200 chữ) hoặc bài văn (khoảng 600 chữ).

** Soạn đáp án và hướng dẫn chấm*

- Theo đáp án và hướng dẫn chấm đề tham khảo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Lưu ý:* Đáp án phần Viết được xây dựng yêu cầu theo quy trình viết.

** Lập ma trận đối chiếu*

Mục đích: đối chiếu đề thi đã biên soạn với mục tiêu, yêu cầu đánh giá và yêu cầu về định dạng cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành.

ĐỀ THI THAM KHẢO VÀ HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

ĐỀ SỐ 1

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

DÒNG SÔNG ĐỜI MẸ

(Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Nhớ năm xưa đọc sách châu Ô
Lòng đã yêu một con sông màu ngọc
Dòng sông ấy quẫy trăm lần không đục
Lọc trăm lần nước chẳng thể trong hơn

Ngày thương yêu anh về Kiến Giang
Thấy bóng nước con đò trong truyện kể
Càng hiểu thấu dòng sông đời mẹ
Vẫn xanh hoài trong nắng trong mưa

"Làng em đây, anh đừng xa lạ
Đây là nơi em đã sinh ra"
Với anh không có gì khác cả
Nếu bảo rằng: nơi anh đã sinh ra

Nước trôi đi lồng lộng sắc trời
Sông gửi lại màu xanh trong sử sách
Ai người làm thơ, ai người giúp nước
Năm mái hò trên sóng mãi ngân nga

Anh trở về ngụp lặn trên sông
Tắm đời mình trong cội nguồn sâu thẳm
Rửa sạch hết bao nhiêu bụi lấm
Anh soi mình trên mặt nước như gương

Nguồn Kiến Giang rừng có nhiều trầm
Mẹ nói thế, trầm thơm từ vạn cổ
Điều anh mãi tự hào xứ sở
So với người, trầm đâu phải thơm hơn

Nếu bao giờ em quên đi năm tháng
Phủi nghĩa đời như phủi bụi trên tay
Em sẽ hiểu hết niềm căm giận
Của dòng sông em đã soi mày

Nếu bao giờ đời bắt anh dừng chân
Anh sống lại từng ngày sông núi
Trong cõi riêng, anh sẽ về lặn lội
Nơi dòng sông thương nhớ tới vô cùng.

(*Trăm năm còn gió heo may*,
Thơ - Lâm Thị Mỹ Dạ, Hoàng Phủ Ngọc Tường,
NXB Hội Nhà văn, 2024, tr.102 - 103)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra một số yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ.

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ sau:

Rửa sạch hết bao nhiêu bụi lấm
Anh soi mình trên mặt nước như gương

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về niềm tự hào của nhân vật trữ tình được thể hiện trong những dòng thơ sau:

Nguồn Kiến Giang rừng có nhiều trầm
Mẹ nói thế, trầm thơm từ vạn cổ
Điều anh mãi tự hào xứ sở
So với người, trầm đâu phải thơm hơn

Câu 4. Phân tích ngắn gọn hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ (khoảng 5 đến 7 dòng).

Câu 5. Nhận xét tác dụng của sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình trong bài thơ.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh dòng sông được thể hiện trong bài thơ *Dòng sông đời mẹ* (Hoàng Phủ Ngọc Tường) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Thời đại toàn cầu hóa, người trẻ có cơ hội tiếp xúc với thế giới rộng mở và không ít người trong số họ mang tư tưởng vọng ngoại.

Từ gợi dẫn trên, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về lòng tự hào dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Một số yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ: năm xưa đọc sách châu Ô, anh về Kiến Giang, thấy bóng nước con đò trong truyện kể, sông ghi lại dấu ấn sử sách về người làm thơ, người giúp nước, anh về ngụp lặn trên sông; đưa vào trong bài thơ một số yếu tố lời thoại của anh, em và mẹ,...

Câu 2. Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ: so sánh "*mặt nước như gương*".

Câu 3. Hiểu về niềm tự hào của nhân vật trữ tình được thể hiện trong những dòng thơ: sử dụng cách nói đòn bẩy trích dẫn lời của mẹ về rừng Kiến Giang có nhiều trầm để nhấn mạnh *So với người, trầm đâu phải thơm hơn*. Từ đó, nhân vật trữ tình thể hiện niềm tự hào về quê hương với vẻ đẹp con người được kết tinh từ ngàn xưa, qua bao thế hệ, con người lặng lẽ tỏa hương cho xứ sở.

Câu 4. Hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ: mến yêu, gắn bó và tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên và văn hóa, lịch sử của dòng sông Kiến Giang và xứ sở; niềm trân trọng, khẳng định vẻ đẹp lắng sâu, thâm trầm mà lan tỏa của con người quê hương được kết tinh qua bao thế hệ; thể hiện lẽ sống thủy chung, luôn khắc ghi cội rễ, thương nhớ về dòng sông và nguồn cội.

Câu 5. Nhận xét tác dụng của sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình được sử dụng trong bài thơ: các yếu tố tự sự và trữ tình được kết hợp nhuần nhuyễn, giúp gợi ra bối cảnh thời gian, không gian, những chi tiết cụ thể; góp phần làm nổi bật tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình được bộc lộ trọn vẹn khi về với dòng sông Kiến Giang, với cội nguồn; tạo nên sự sinh động, hấp dẫn cho bài thơ.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích hình ảnh dòng sông được thể hiện trong bài thơ "Dòng sông đời mẹ" (Hoàng Phủ Ngọc Tường)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

Hình ảnh con sông quê được thể hiện xuyên suốt bài thơ qua cảm nhận của nhân vật trữ tình:

- Dòng sông mang vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình, bình yên: *con sông màu ngọc, bóng nước con đò, xanh hoài trong nắng trong mưa,...*

- Dòng sông ghi dấu ấn dòng chảy lịch sử: *sông gửi lại màu xanh trong sử sách, ghi dấu người làm thơ, người giúp nước,...*

- Dòng sông là nơi để soi mình, rửa sạch những bụi lấm cuộc đời, để sống ý nghĩa, thanh sạch hơn: rửa sạch bụi lấm, soi mình trong mặt nước như gương, giả thiết nếu phủi nghĩa đời thì sẽ hiểu niềm căm giận của dòng sông nơi đã soi mày.

- Dòng sông là biểu tượng của quê hương, dòng sông như đời mẹ, cội nguồn của xứ sở, thể hiện lẽ sống uống nước nhớ nguồn: là nơi để nhân vật trữ tình tắm đẫm trong cội nguồn, dù qua bao thăng trầm vẫn dừng chân về dòng sông về lặn lội trong cõi riêng thương nhớ,...

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận về *lòng tự hào dân tộc trong bối cảnh hiện nay*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

***** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận: lòng tự hào dân tộc được hiểu là sự trân trọng, tự hào, giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc Việt Nam được thể hiện thông qua lời nói, hành động, thái độ, cảm xúc và được biểu hiện trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,...

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Hiện tượng phổ biến hiện nay: thời đại toàn cầu hóa, thế giới phẳng, giao lưu hội nhập, người trẻ có cơ hội tiếp xúc với thế giới rộng mở, thu nhận bao điều mới lạ, được mở mang hiểu biết, nâng cao tầm vóc. Tuy nhiên, việc tiếp xúc với thế giới mở dẫn đến hệ lụy không ít người người trẻ mang tư tưởng vọng ngoại bởi tuổi trẻ vốn nhanh nhạy với cái mới, dẫn đến quay lưng với dân tộc.

+ Lòng tự hào dân tộc đặt trong bối cảnh hiện nay có ý nghĩa hình thành ở người trẻ sự tự tôn dân tộc; nỗ lực gìn giữ và lan tỏa giá trị, vẻ đẹp của đất nước; có ý thức và hành động xây dựng, cống hiến cho cộng đồng; giúp nâng cao vị thế của đất nước sánh ngang với các quốc gia trong quá trình hội nhập...

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: có những người thể hiện tinh thần tự hào một cách cực đoan, chỉ biết đến dân tộc mình nên khó lòng tiếp thu cái hay, cái đẹp của dân tộc khác, của nhân loại; lòng tự hào dân tộc cần đặt đúng lúc, đúng chỗ và biểu hiện phù hợp.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.

ĐỀ SỐ 2

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

THỜI LÁ ĐỎ

(Nhớ những kỷ niệm cùng Phạm Tiến Duật)

(Bằng Việt)

Có một thời lá đỏ của chúng mình,

Thời rất lắm ước ao, thời quá thừa xúc cảm,

Thời của tình yêu bao la, thoáng đãng...

Chúng mình yêu rừng tự đấy yêu đi!

Sống với rừng nguyên thủy
Nếp nghĩ trở về quy luật thiên nhiên
Mưa với nắng đo bằng mùa đằng đẵng
Những cây số đường rừng đo bằng lớp chai chân
Tiếng hoẵng tiếng chim đo lối mòn liên lạc
Ánh lửa đo nghị lực trong ngàn ngàn hốc đá
Và mọi dự định của tương lai trĩu nặng
Chắt chiu chín dần tự đáy ba lô...

Mùa đông rét căm căm
Ý nghĩ ngợp trong một trời lá đỏ
Lá ngon mắt, như rắc giấy phong bao ngày Tết
Lá nồng nàn như thắp nến kết hoa cho lứa tuổi yêu đời,
Giữa sắc lá tưng bừng
Rừng lắm dốc lắm đèo mà vui như phố xá,
Có bao giờ và ở đâu, chúng mình còn gặp lại
Cơn say đỏ au ngày ấy của rừng?

Rừng vụng dại, cộc cằn, nhưng tuôn trào sức sống
Những bãi B.52 trụi trần, chớp mắt lại lên xanh!
Một trời bướm, một trời hoa, một trời phấn bay, thoắt một trời lá rụng,
Đều thầm lặng như không, mà mãnh liệt khôn cùng!

Chúng mình học cách sống của rừng,
vượt trăm đỉnh mù sương không biết mệt,
Người trước ngã, người sau lại tiếp,
Không ai so đo vì giới hạn của đời mình!

Chúng mình yêu rừng tự đấy yêu đi
Mang nếp sống thiên nhiên cả khi về thành phố,

Không chịu nổi những tiện nghi chật chội
Không trơn tuột, phẳng phiu trong ý nghĩ ươn lười,
Ghét cay đắng mỗi lời chai đá, vô tình,
Tiếc đứt ruột nếu từng ngày không đổi mới!

Đấy là hàng cọc tiêu chỉ đường, không bao giờ xóa nổi,
Suốt tự thời lá đỏ của chúng mình!

Tây Nguyên, 1979

(*Hoa tường vi*, Thơ, Bằng Việt, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.55- 57)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra cơ sở để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Nêu biểu hiện của phép điệp trong những dòng thơ in đậm.

Câu 3. Phân tích ngắn gọn hình ảnh rừng trong bài thơ.

Câu 4. Trình bày suy nghĩ về ý nghĩa nhan đề *Thời lá đỏ*.

Câu 5. Từ ý thơ *Chúng mình học cách sống của rừng, vượt trăm đỉnh mù sương không biết mệt*, anh/chị hãy rút ra bài học cho bản thân.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp của những người lính trẻ được thể hiện trong bài thơ *Thời lá đỏ* (Bằng Việt) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề: tuổi trẻ phải biết vượt lên những giới hạn chật chội.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Cơ sở để xác định thể thơ của văn bản:

Thời lá đỏ được viết theo thể thơ tự do. Cơ sở xác định: các dòng thơ có số tiếng không bằng nhau; các khổ thơ không đồng đều số dòng thơ.

Câu 2. Biểu hiện của phép điệp trong những dòng thơ in đậm: lặp lại từ "thời".

Câu 3. Phân tích ngắn gọn hình ảnh rừng: rừng chịu bao thương tổn bởi chiến tranh; rừng đẹp đẽ, nên thơ và căng tràn sức sống vượt qua bao thử thách; rừng gắn bó, chở che cho người lính và đem đến những bài học sống ý nghĩa.

Câu 4. Hiểu về nhan đề *Thời lá đỏ*:

+ Ý nghĩa cụ thể: sắc lá đỏ của rừng.

+ Ý nghĩa biểu tượng: thời của tuổi trẻ ra trận đầy gian lao thử thách nhưng sáng ngời lẽ sống cao đẹp, tâm hồn trong sáng, lãng mạn.

Câu 5. Thí sinh rút ra bài học từ ý thơ, phù hợp đạo đức và pháp luật. Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng: sức sống căng tràn, đầy nhiệt huyết; ý chí, bản lĩnh kiên cường vượt qua bao khó khăn thử thách của hoàn cảnh, luôn nuôi dưỡng những ước mơ đẹp…

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích vẻ đẹp của những người lính trẻ được thể hiện trong bài thơ "Thời lá đỏ" (Bằng Việt)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Người lính trải qua những năm tháng chiến tranh ác liệt, dãi dầu gian khổ: *mưa với nắng, những cây số đường rừng đo bằng lớp chai chân, ánh lửa đo nghị lực trong ngàn ngàn hốc đá, những bãi B.52 trụi trần,...*

- Người lính trải qua những năm tháng sống gắn bó với rừng, được rừng chở che nên yêu mến, biết ơn rừng: *sống với rừng nguyên thủy, rừng lắm dốc lắm đèo mà vui như phố xá, học cách sống của rừng, yêu rừng tự đấy yêu đi,...*

- Người lính mang vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn, mộng mơ, đặc trưng của tuổi trẻ ra trận: *lắm ước ao, thời quá thừa cảm xúc, tình yêu bao la, thoáng đãng, ý nghĩ rợp trong một trời lá đỏ, lứa tuổi yêu đời,...*

- Người lính chiêm nghiệm, thấm thía những bài học ý nghĩa từ những năm khói lửa để bước vững vàng trong cuộc sống đời thường, luôn kiên

định, khát khao đổi mới, vươn lên để khẳng định, để cống hiến: *nếp nghĩ trở về quy luật thiên nhiên, mang nếp sống thiên nhiên cả khi về thành phố, không chịu nổi những tiện nghi chật chội, không trơn tuột, phẳng phiu trong ý nghĩ ươn lười, ghét cay đắng mỗi lời chai đá, vô tình,...*

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *tuổi trẻ phải biết vượt lên những giới hạn chật chội*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận: tuổi trẻ phải biết vượt lên những giới hạn chật chội được hiểu là vượt ra những khuôn khổ, ranh giới giam hãm con người để không ngừng vươn lên. Những giới hạn ấy có thể do khách quan, cũng có thể do chính mình tạo nên.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Tuổi trẻ phải biết vượt lên những giới hạn chật chội bởi vì tuổi trẻ có nhiều giá trị, thế mạnh, đặc biệt là sức trẻ; tuổi trẻ có nhiều ước mơ, hoài bão khẳng định bản thân; những giới hạn kìm tỏa, không cho con người cơ hội tỏa sáng,...

+ Tuổi trẻ phải biết vượt lên những giới hạn chật chội sẽ phát huy được năng lực nội tại, đạt được thành công, khẳng định bản thân; tôi luyện ý chí, bản lĩnh, sức mạnh tinh thần, chủ động trước mọi hoàn cảnh; dám nghĩ, dám làm, không bằng lòng với điều sẵn có, không chấp nhận những điều tầm thường, không sợ hãi, tự ti, tự bằng lòng, có lý tưởng, hoài bão; cống hiến cho cộng đồng, góp phần đưa đất nước phát triển trong bối cảnh hội nhập.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: có những giới hạn không được phép vượt qua khi nó chạm đến những chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: sống có ước mơ, không ngừng học hỏi, nỗ lực hoàn thiện mình, tích cực hành động vươn tới những điều cao cả, lớn lao.

ĐỀ SỐ 3

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Chỉ một ngày sau khi Liên minh phương Bắc tiến vào thủ đô Kabul, các phương tiện truyền thông đại chúng đã truyền đi khắp thế giới một hình ảnh thật cảm động: những người phụ nữ Afghanistan đã có thể gỡ bỏ tấm mạng che gắn liền với áo choàng burqa trùm kín từ đầu đến tận gót chân, để lộ ra gương mặt khả ái với nụ cười tươi nguyên trong nắng gió.

Đã năm năm, những người đàn bà này không được phép để cho ai ngắm nhìn khuôn mặt mình và họ chỉ có thể nhìn cuộc đời qua những ô mắt cáo của tấm mạng che. Ngày và đêm, những bóng người trùm khăn lâm lũi lướt qua kinh thành hoang vắng như những bóng ma trong các câu chuyện hoang đường ở thế kỉ xa xôi nào.

Thế nhưng dù lệnh cấm có mặc nhiên bị bãi bỏ, những ngày sau đó trên các nẻo đường Kabul vẫn còn tràn ngập những chiếc burqa câm lặng như những nhà tù di động. Trong khuôn viên trường đại học, ngày trở lại sau nhiều năm phải lìa xa, phần lớn nữ sinh viên vẫn giấu mình sau nếp áo.

Những biến động khó lường của cuộc bể dâu chính trị nơi mảnh đất này đã làm người ta dè dặt chăng?[...] Hay phải chăng quán tính, sức ì muôn thuở của con người, lại một lần nữa thể hiện vai trò của nó? Vấn đề trở nên tế nhị hơn. Một thói quen, dù là thói quen khó chịu, cũng không dễ gì xóa bỏ một sớm một chiều. Huống chi, nhiều khi, trong một ngôi trường nào đó, có những người tìm thấy mình là một thú vui, dù có thể là "thú đau thương". Không thú sao, khi mình có thể quan sát bốn phía bàn dân thiên hạ mà không sợ ai bắt gặp! Giữa một xã hội đầy những đố kị, nghi ngờ, tìm được một chỗ náu mình, lại là chỗ náu mình hợp pháp như tấm mạng che, đâu phải là điều xấu nhất! Sau tấm mạng che, mọi cá tính đều tan biến và hòa làm một với đám đông. Ở đó phụ nữ ai ai cũng giống nhau, mọi người đều đồng dạng, đẹp xấu, hay dở, có duyên hay vô duyên thì cũng vậy thôi. Ấy là lúc triệt tiêu cái nhìn tán thưởng về nhan sắc và vẻ đẹp độc đáo về hình thể trên góc độ tương giao cộng đồng. Nụ cười bí ẩn về những nàng Mona Lisa bị lãng quên, và giọt nước mắt âm thầm cũng không ai chia sẻ. Một thế giới đồn nén những niềm riêng trong bề mặt bình an giả tạo, khắt khe. Chiếc burqa coi mỏng

manh vậy mà khó bề xuyên thủng. Nó như là tấm giáp sắt của một tình thế cực đoan, biểu tượng của sự an toàn, an tâm và an bài, an phận.

[...]

Cùng với hình ảnh những người phụ nữ tập bỏ mạng che, thế giới còn tiếp nhận một hình ảnh cảm động khác: sau bao năm bị cấm đoán, các thiếu niên Kabul nô nức rủ nhau đi thả diều trên một tòa thành cổ ở ngoại thành. Người ta có thể hiểu được tại sao chính quyền Taliban bắt phụ nữ phải che mạng, nhưng thật không biết làm sao giải thích việc họ cấm trẻ em thả diều. Chơi diều, điều đó lại có thể làm phương hại đến trật tự xã hội hay thuần phong mĩ tục hay sao? Những cánh diều bay vi vu trên bầu trời kia có thể gây nguy hiểm cho an ninh quốc gia sao? Hay vì tư tưởng người ta có thể bay lên theo những cánh diều? Thả diều, phải chăng đó cũng là cách con người tự thể hiện mình, nối dài sự hiện hữu của chính mình? Ôi, những cánh diều tội nghiệp! Chúng không chỉ là những trò chơi thuần túy. Và con người không che mạng, con người thả diều, con người đá bóng, con người diễn kịch và hát ca là những con người bình thường. Cấm đoán những điều đó hẳn là cách thức đặt ra những khuôn khổ giới hạn con đường thành người của con người. Cấm con người khi chơi cũng là cách giản lược chiều kích của con người, để con người chỉ còn là con người chức năng, như một phương tiện, một cỗ máy trong xã hội.

(Trích *Chiếc mạng che và cánh diều*,
in trong *Thành phố những thước phim quay chậm*,
Huỳnh Như Phương, NXB Trẻ, 2018, tr.50 - 54)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định luận đề của đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng những người phụ nữ ở thủ đô Kabul vẫn giữ mạng che mặt dù đã có lệnh gỡ bỏ được thể hiện trong đoạn trích.

Câu 3. Nêu tác dụng của sự kết hợp các phương thức tự sự và nghị luận trong đoạn trích.

Câu 4. Nêu mối liên hệ giữa hai sự việc *bỏ mạng che mặt* và *tự do thả diều* được nhắc đến trong đoạn trích.

Câu 5. Từ đoạn trích, anh/ chị hãy trình bày suy nghĩ của bản thân về *những khuôn khổ giới hạn con đường thành người của con người*. (khoảng 5 - 7 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày quan điểm của anh/chị về vấn đề: người trẻ cần được tự do phát triển cá tính của bản thân.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích cảm xúc, suy tư về đất nước được thể hiện trong bài thơ sau:

VŨ ĐIỆU TRỐNG ĐỒNG

(Nguyễn Việt Chiến)

những chiến binh gồng mình chèo thuyền trên mặt trống đồng
đất nước tôi
qua đêm dài trận mạc
dựng lên vạn mũi tên đồng như muôn vàn tia chớp không chịu khuất phục...
cuộn bay theo vũ điệu mặt trời, mặt trăng

những con chim Lạc, chim Công trên mặt trống đồng
đất nước tôi
núi sông huyền ảo như dáng người vũ nữ
thắp lên bản nhạc của khát vọng thanh bình bao đời...
trầm hùng dòng nhạc khí

những người mặc áo lông chim đang múa trên mặt trống đồng
đất nước tôi
qua đêm trường tăm tối còn vẳng tiếng khóc Mỵ Châu
dọc chân trời lông ngỗng
buốt nhức thành Cổ Loa mối tình vô thủy vô chung...
khi tất cả vùi chôn trong đất

khi tất cả từng bị lãng quên trong đất
rồi tất cả lại thức dậy sau ngàn năm quật khởi
trong tiếng trống đồng Ngọc Lũ
đất nước tôi

(Theo *https://thanhnien.vn/vu-dieu-trong-dong-tho-cua-nguyen-viet-chien-1851469933.htm)*

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Luận đề của đoạn trích: con người ta không dễ thoát khỏi tình trạng náu mình, tự bao bọc mình trong những cái vỏ an toàn. Cần phải tạo mọi điều kiện để con người được phát triển tự do; mặt khác con người cần có lòng tự tin, tinh thần dũng cảm để bộc lộ cá tính, chính kiến, để phát huy giá trị của bản thân mình.

Câu 2. Trong đoạn trích, tác giả chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng những người phụ nữ ở thủ đô Kabul vẫn giữ mạng che mặt dù cho đã có lệnh gỡ bỏ:

- Những biến động khó lường của cuộc bể dâu chính trị nơi mảnh đất này đã làm người ta dè dặt.

- Quán tính, sức ì muôn thuở của con người hoặc thói quen khó bỏ.

- Giữa một xã hội đầy những đố kị, nghi ngờ, tìm được một chỗ náu mình, lại là chỗ náu mình hợp pháp như tấm mạng che, đâu phải là điều xấu nhất.

Câu 3. Tác dụng của sự kết hợp các phương thức tự sự và nghị luận trong đoạn trích:

- Sự kết hợp giữa phương thức tự sự và nghị luận: sự việc quân giải phóng tiến vào thủ đô Kabul và lệnh gỡ bỏ mạng che mặt, sự việc thiếu niên tự do thả diều,… với trình bày quan điểm của tác giả về nguyên nhân của việc nhiều người không gỡ bỏ mạng che mặt, sự tự do thể hiện cá tính, nét riêng của mỗi người.

- Tác dụng: góp phần làm rõ tư tưởng chủ đề của đoạn trích với sự trăn trở của tác giả về thực tế con người bị ràng buộc bởi nhiều khuôn khổ, cấm đoán khắt khe, chưa dám dũng cảm sống thật với giá trị, nét riêng của bản thân; tăng tính hấp dẫn cho đoạn trích, vấn đề nghị luận không khô khan và giúp cho vấn đề được thuyết phục bởi được rút ra từ thực tế của cuộc sống.

Câu 4. Mối liên hệ giữa hai sự việc *bỏ mạng che mặt* và *tự do thả diều* được nhắc đến trong đoạn trích:

- *Bỏ mạng che mặt* là không phải giấu mình, ẩn mình sau vỏ bọc, được sống đúng với bản sắc, cá tính, được là chính mình, không sợ hãi, ràng buộc trong những cấm đoán khắt khe, những định kiến thui chột bản sắc, nét riêng của con người.

- *Tự do thả diều* là được sống với niềm vui, sự thư thái, hướng đến chân trời cao rộng, những điều mới mẻ, không bị ràng buộc bởi thực tại, hoàn cảnh xung quanh, do đó được giải phóng tư tưởng và cảm xúc.

- Hai sự việc *bỏ mạng che mặt* và *tự do thả diều* có mối liên hệ mật thiết, tác động qua lại. Con người không bị ràng buộc bởi khuôn khổ sẽ được giải phóng tư tưởng, cảm xúc và ngược lại, khi con người tự do sẽ phát huy được bản sắc, cá tính, giá trị con người cá nhân.

Câu 5. Thí sinh trình bày suy nghĩ của bản thân về *những khuôn khổ giới hạn con đường thành người của con người*; phù hợp đạo đức và pháp luật. Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng:

- Cần có *những khuôn khổ giới hạn con đường thành người của con người* vì: con người không hoàn hảo nên có thể phạm phải sai lầm, đặt ra khuôn khổ, giới hạn để tránh phạm phải sai lầm không đáng có; con người thời đại ngày nay được tự do tiếp xúc với nhiều luồng văn hóa tư tưởng nên cần có khuôn khổ định hướng; con người tồn tại trong mối quan hệ với cộng đồng nên phải tuân thủ khuôn khổ của đạo đức, pháp luật,…

- Không cần *những khuôn khổ giới hạn con đường thành người của con người* vì: con người có những giá trị, thế mạnh, cá tính, bản sắc riêng cần được tôn trọng và phát huy; con người tồn tại trong cộng đồng, tránh hòa tan vào đám đông, nhòa mờ bản sắc; thời đại toàn cầu hóa, hội nhập, cơ chế mở càng tạo điều kiện cho sự phát huy cá tính, tinh thần sáng tạo nhằm khẳng định bản thân và đóng góp cộng đồng…

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp *để trình bày quan điểm về vấn đề người trẻ cần được tự do phát triển cá tính của bản thân*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Người trẻ cần được tự do phát triển cá tính được hiểu là người trẻ được phát huy những nét riêng trong tính cách, giá trị bản thân, được sống thật với bản sắc, tính độc đáo giữa cộng đồng.

- Người trẻ cần được tự do phát triển cá tính bởi có cái tôi cá nhân nhiều màu sắc khát khao khẳng định; con người tồn tại giữa cộng đồng cần ghi dấu ấn riêng để tránh sự nhạt nhòa, hòa tan,...

- Tự do phát triển cá tính có ý nghĩa lớn đối với người trẻ:

+ Giúp tạo được dấu ấn, giá trị riêng, khẳng định chỗ đứng trong cộng đồng; tự tin, sống là chính mình, chủ động trong mọi hoàn cảnh.

+ Không bị trói buộc bởi khuôn khổ, giới hạn, định kiến khắt khe; tránh sự nhạt nhòa, hòa tan vào đám đông, tránh sự tự ti, không dám nghĩ, dám làm.

+ Đặt vào thời đại toàn cầu hóa, hội nhập, cơ chế mở, sự phát huy cá tính tạo nền tảng để con người phát triển tinh thần sáng tạo nhằm khẳng định bản thân và đóng góp cộng đồng…

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích cảm xúc, suy tư về đất nước được thể hiện trong bài thơ "Vũ điệu trống đồng" (Nguyễn Việt Chiến)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

- Cảm xúc tự hào về lịch sử đất nước: ba tiếng *"đất nước tôi"* vang lên đầy hào sảng; khẳng định truyền thống anh dũng bất khuất chống xâm lăng *dựng lên vạn mũi tên đồng như muôn vàn tia chớp không chịu khuất phục*.

- Tấm lòng gắn bó, mến yêu và rộng mở trước sông núi hữu tình *núi sông huyền ảo như dáng người vũ nữ* duyên dáng, uyển chuyển và bình yên tự bao đời.

- Suy tư, chiêm nghiệm về sự phát triển của đất nước: bừng lên khí thế anh dũng, sức mạnh quật cường bởi hành trình nghìn năm Bắc thuộc từ tiếng khóc Mị Châu đến thời kì độc lập tự chủ đầy vững vàng, khí thế.

- Cảm xúc, suy tư về đất nước được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc với thể thơ tự do, hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa mang tính ẩn dụ, biện pháp liệt kê, điệp, ngôn ngữ giản dị, chọn lọc,...

- Đánh giá: cảm xúc, suy tư về đất nước thể hiện vẻ đẹp của tình yêu đất nước thiết tha, sâu lắng rất đáng trân trọng, có ý nghĩa thức tỉnh tình yêu nước của thế hệ trẻ hôm nay.

ĐỀ SỐ 4

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Dù trong những ngày thanh thản nhất, tôi vẫn cứ thấy như là yên lòng trở lại mỗi lần bước qua cái vòm cổng kia, thấy nhô lên ở cuối sân chiếc mái ngói cổ với những nét uốn cong giống như nụ cười nhếch mép của thời gian phảng phất giữa ngàn lá xanh biếc. Một lối đi khá dài, hai bên trồng mai trắng, lá đan vòm che trên đầu người như nối dài thêm cái vòm cổng vào đến sân. Tôi vẫn dành một niềm ngưỡng mộ riêng về chất trí tuệ của lối kiến trúc dân tộc ở Huế qua các "ngõ hạnh" này ở đây, qua vài chục bước đi thong thả dưới lá xanh, nó thường mang lại cho tôi một món quà tâm hồn nửa thực nửa ảo rất khó tả - một chút hương đăng đắng của rừng mùa thu, một mảnh nhỏ xa xôi của biển. Trong phút chốc, nó đánh thức con người mơ mộng trong tôi để rủ nhau vào cuộc đối thoại với cây cỏ.

Vườn có một cây ngọc lan già năm chục tuổi, đứng sát cổng, cây cao bóng cả, đô sộ như một áng thơ dân gian. Thu tàn, đông lạnh, nó cũng chỉ rụng lác đác ít lá vàng, vẫn giữ một màu xanh lục tươi nguyên khôi không hề biết đến năm tháng; cây già mà hoa trẻ, những cánh màu ngà thon thon dáng ngón tay thiếu nữ, cầm hoa như giữ trong tay một kỉ niệm xao xuyến. Hồi tôi đến đây, cây ngọc lan vẫn còn, hoa nở không có mùa, cứ mỗi cơn mưa, cơn nắng chợt đến, lại bừng lên dễ đến hàng vạn đóa trên cây, hương bay xa mấy dặm, giống như người danh sĩ dân dã trong vùng, chưa gặp đã biết. Tiếc quá, pháo Mỹ hồi Tết Mậu Thân đã găm vào thân cây một mảnh đạn không gắp ra được, nó vẫn xanh tươi nhưng rỗng ruột đần, nấn ná bao lâu rồi, bà Lan Hữu đành phải cho đốn đi, sợ có lúc nó đổ xuống làm sập cổng. Tôi đi xa về, không còn cây ngọc lan, lòng cứ bâng khuâng như thể mùa thu đã mất đi trong trời đất. Hôm nọ, đi quanh vườn, tôi lại chợt nghe mùi hương ngọc lan thơm nồng, cứ tưởng là ảo giác. Tìm mãi, thấy ở góc vườn một cây hoa lạ, cũng là ngọc lan, nhưng hoa vàng màu đu đủ chín hườm, tôi mới biết lần đầu.

Hỏi bà Lan Hữu, mới hay đó là hoa hoàng lan, thường gọi là bông sứ vàng, giống còn lại ở Huế rất hiếm. Tôi thường đi dạo trong vườn, đưa mắt nhìn cây cối trong vẻ đẹp của nó, thế mà thỉnh thoảng cứ thấy bị bất ngờ về những bí mật ấp ủ trong hoa trái, khu vườn đối với tôi vẫn giữ mãi sức hấp dẫn của một cuốn sách hay chưa đọc hết.

Tôi đã được nghe nhiều nhận xét thực tế, và vẫn chưa được giải thích về tính tổng hợp đặc biệt của môi trường sinh thái riêng của vùng Huế. Không hiểu vì sao

đất Huế lại là nơi quần cư của các loại trái cây đặc sản của hai miền Nam - Bắc. Cây măng cụt chẳng hạn từ miền Đông Nam bộ nó nhảy băng qua suốt một dải miền Trung rồi xuất hiện trở lại ở những khu vườn Huế. Tương tự như vậy nhưng theo chiều ngược lại, có thể kể cây vải Hưng Yên hoặc nhiều thứ hoa quả khác của phong thổ miền sông Hồng. Vườn An Hiên thật là Huế, trong cái nét tổng hợp và đa dạng đó của đất nước. Nó cũng thật là Huế khi trong phòng tiếp khách của bà Lan Hữu vào cuối mùa đông, người ta có thể nhìn thấy trên một đĩa cắm hoa, những bông mai trắng điểm xuyết bên cạnh mấy nụ đào hồng mới chớm. Đó là bóng dáng của mùa đông đang ra đi trong âm vang xa xôi của mùa xuân sẽ về. Và đó cũng chính là cái nhìn hướng vọng của tâm hồn mà bà nuôi dưỡng lặng lẽ qua bao nhiêu cái bi và cái hài, cái ảo và cái thực, cái thiện và cái đẹp, giữa tháng năm, đất nước, đời người...

Mùa xuân lên vườn An Hiên, đầu óc tôi không còn muốn bận bịu gì, để buông mình giữa cuộc sống sôi động của cây cối. Sau Tết trở đi, mọi cây lớn trong thành phố nối tiếp nhau rụng lá, thì chính trong khu vườn này, tôi mới cảm nhận hết cái sức sống kỳ diệu của "Người Mẹ tạo vật". Từ mặt đất ướt lạnh và quạnh hiu kia, mùa xuân chợt như đánh thức dậy cả một thế giới lộng lẫy, rạo rực, như một khúc múa rối loạn xiêm áo.

(Trích *Hoa trái quanh tôi*, Hoàng Phủ Ngọc Tường,
Hoàng Phủ Ngọc Tường tuyển tập, Tập 1, NXB Trẻ, 2024, tr 8 - 10)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Nêu cảm xúc của nhân vật tôi đối với khu vườn Huế trong đoạn văn mở đầu.

Câu 2. Chỉ ra các dẫn chứng mà tác giả sử dụng để làm nổi bật *về tính tổng hợp đặc biệt của môi trường sinh thái riêng của vùng Huế.*

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong những câu văn: *Dù trong những ngày thanh thản nhất, tôi vẫn cứ thấy như là yên lòng trở lại mỗi lần bước qua cái vòm cổng kia, thấy nhô lên ở cuối sân chiếc mái ngói cổ với những nét uốn cong giống như nụ cười nhếch mép của thời gian phảng phất giữa ngàn lá xanh biếc.*

Câu 4. Phân tích vẻ đẹp của khu vườn Huế trong đoạn trích.

Câu 5. Nhận xét cái tôi Hoàng Phủ Ngọc Tường trong đoạn trích.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích đặc trưng của thể tùy bút được thể hiện trong đoạn trích *Hoa trái quanh tôi* (Hoàng Phủ Ngọc Tường) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Sau Tết trở đi, mọi cây lớn trong thành phố nối tiếp nhau rụng lá, thì chính trong khu vườn này, tôi mới cảm nhận hết cái sức sống kỳ diệu của "Người Mẹ tạo vật".

Từ gợi dẫn trên, viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trả lời câu hỏi: Phải chăng, con người trong cuộc đời cũng cần phải có sức sống kì diệu như thiên nhiên?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Cảm xúc của nhân vật tôi đối với khu vườn Huế trong đoạn văn mở đầu: *yên lòng trở lại, niềm ngưỡng mộ riêng về chất trí tuệ của lối kiến trúc dân tộc Huế, món quà tâm hồn nửa thực nửa ảo, đánh thức con người mơ mộng trong tôi.*

Câu 2. Các dẫn chứng mà tác giả sử dụng để làm nổi bật *về tính tổng hợp đặc biệt của môi trường sinh thái riêng của vùng Huế*: Cây măng cụt từ miền Đông Nam Bộ; cây vải Hưng Yên hoặc nhiều thứ hoa quả khác của phong thổ miền sông Hồng; vào cuối mùa đông, người ta có thể nhìn thấy trên một đĩa cắm hoa, những bông mai trắng điểm xuyết bên cạnh mấy nụ hồng đào mới chớm.

Câu 3. Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh: Nhấn mạnh vẻ đẹp cổ kính, trầm mặc, in đậm dấu ấn thời gian của mái ngói cổ uốn cong thấp thoáng trong màu xanh cây lá của khu vườn; tạo hình ảnh và diễn đạt sinh động cho đoạn trích.

Câu 4. Vẻ đẹp của khu vườn Huế trong đoạn trích: Khu vườn nên thơ, bình yên, đầy sức sống và được sự chăm sóc cẩn thận, nâng niu bởi bàn tay con người; khu vườn mang vẻ đẹp cổ kính, trầm mặc, yên tĩnh, in đậm dấu ấn thời gian; không gian này trở thành nơi đem lại sự lắng đọng, mộng mơ và nâng đỡ tâm hồn cho nhân vật "tôi".

Câu 5. Nhận xét cái tôi Hoàng Phủ Ngọc Tường trong đoạn trích: cái tôi tinh tế, tâm hồn rộng mở, tràn đầy cảm xúc mến yêu đối với thiên nhiên và xứ Huế; cái tôi tài hoa, đậm chất trí tuệ và suy tư trữ tình sâu lắng.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu

cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích đặc trưng của thể tùy bút được thể hiện trong đoạn trích "Hoa trái quanh tôi" (Hoàng Phủ Ngọc Tường)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Văn bản được bố cục linh hoạt, nghiêng hẳn về tính trữ tình, lấy điểm tựa là cái tôi của tác giả: cấu trúc tự do, theo mạch cảm xúc và suy tư; vẻ đẹp, chất Huế trong kiến trúc, cây trái của khu vườn được hiện lên qua cảm nhận của cái tôi trữ tình.

- Miêu tả vẻ đẹp của khu vườn để giãi bày cảm xúc mến yêu, tâm hồn rộng mở với thiên nhiên cũng như mảnh đất xứ Huế; suy tư trữ tình lắng đọng về khu vườn Huế, sức sống của thiên nhiên, gợi suy ngẫm đến con người.

- Các yếu tố nghệ thuật: ngôn ngữ, hình ảnh chọn lọc; giọng điệu mềm mại, suy tư sâu lắng; sử dụng các biện pháp tu từ liệt kê, so sánh,...

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để trả lời câu hỏi *Phải chăng, con người trong cuộc đời cũng cần phải có sức sống kì diệu như thiên nhiên?*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

***** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

***** Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận: Câu văn của Hoàng Phủ Ngọc Tường cảm nhận và khẳng định sức sống kì diệu của thiên nhiên, điều này gợi liên tưởng đến con người trong cuộc sống, cần phải có sức sống nội tại, ý chí kiên cường bản lĩnh, không ngừng vươn lên sống có ý nghĩa.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Con người cần phải bản lĩnh, nghị lực bởi cuộc sống nhiều khó khăn thử thách; mỗi người phải tự chịu trách nhiệm về cuộc đời mình; con người có nhiều giá trị, thế mạnh tạo nên sức sống, bản lĩnh sống.

+ Sức sống giúp con người chiến thắng khó khăn và thử thách, vững vàng chủ động trước những biến động của hoàn cảnh; phát huy được giá trị bản thân, không ngừng vươn lên, khẳng định vị trí trong cộng đồng; tràn đầy năng lượng, nhiệt huyết, sự tự tin, tình yêu đời; giúp cá nhân tỏa sáng và đóng góp ý nghĩa cho cộng đồng.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: có những người yếu đuối, thiếu sức sống, ý chí, dễ khuất phục, đầu hàng.

(Thí sinh chọn bằng chứng trong quá trình triển khai các ý)

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: con người cần bằng nhiều cách bồi dưỡng, rèn luyện cho mình sức mạnh bên trong, cần không ngừng hoàn thiện bản thân; tôi luyện ý chí, bản lĩnh trong cuộc sống.

ĐỀ SỐ 5

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

LÀ VIỆT

(Nguyễn Phan Quế Mai)

Trăm trứng mẹ Âu Cơ, những quả trứng vũ trụ
Và một ngày nở ta
Ta đẫm hương ban mai sen xanh mướt
Mẹ ru ta ngàn xưa tiếng Việt

Hạt gạo trắng nuôi ta từ nhọc nhằn châu thổ
Tóc ta bay cùng phấp phới cánh cò
Gom rơm mục đồng về lót gối
Hành trình dài, thao thức cơn mơ

Gặt mùa nắng chín
Châu thổ Cửu Long nghiêng bến
Trường Sơn điệp trùng cuộn lời
Hồng Hà phù sa ta

Ta đã qua bao phố phường tráng lệ
Paris ánh sáng hay Luân Đôn cổ kính
Lòng vẫn trôi về bến
Cội nguồn văng vẳng à ơi
Mái đình cong trăng khuyết
Triền sông mướt câu hò
Đường làng rơm thơm vào trí nhớ
Rặng tre già măng non ta

Về dòng thác người cuộn về muôn hướng
Chảy không nguôi dòng máu Lạc Hồng
Giấc mơ nào từng tát cạn Biển Đông?
Ta là ta ngàn Việt dòng sông
Dẫu khúc khuỷu bờ dâu hay ghềnh xiết cũng chảy về lòng biển

Chảy về với cánh đồng lúa chín
Rặng tre nghiêng chiều
Bến nước nghiêng trăng

Và tất cả ta gọi tên Tổ quốc

Một Tổ quốc thiêng liêng màu sắc Việt
Luôn dâng đầy muôn nẻo bến bờ xa
Luôn dâng đầy muôn nẻo bến bờ xa...

(*Tổ quốc gọi tên mình*,
Nguyễn Phan Quế Mai, NXB Phụ nữ, 2015, tr.14-16)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra cơ sở để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Liệt kê những hình ảnh gợi lên vẻ đẹp bình dị, mộc mạc của quê hương được thể hiện trong những dòng thơ sau:

Hạt gạo trắng nuôi ta từ nhọc nhằn châu thổ

Tóc ta bay cùng phấp phới cánh cò

Gom rơm mục đông về lót gối

Hành trình dài, thao thức cơn mơ

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong những dòng thơ in đậm.

Câu 4. Nêu cảm nhận về nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 5. Trình bày suy nghĩ của anh/chị về thông điệp được gợi ra từ ý thơ:

Ta đã đi qua bao phố phường tráng lệ

Paris ánh sáng hay Luân Đôn cổ kính

Lòng vẫn trôi về bến

Cội nguồn văng vẳng à ơi

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh Tổ quốc qua cảm nhận của nhân vật trữ tình trong bài thơ *Là Việt* (Nguyễn Phan Quế Mai) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Là một người trẻ trong thời đại hội nhập, bạn có suy nghĩ gì về câu hỏi được cất lên trong bài thơ *Là Việt* của Nguyễn Phan Quế Mai: *Giấc mơ nào từng tát cạn biển Đông?*

Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trả lời câu hỏi trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Cơ sở để xác định thể thơ của văn bản:

Văn bản *Là Việt* được viết theo thể thơ tự do. Cơ sở xác định: các dòng thơ có số tiếng không bằng nhau; các khổ thơ không đồng đều số dòng thơ.

Câu 2. Những hình ảnh gợi lên vẻ đẹp bình dị, mộc mạc của quê hương: hạt gạo trắng, cánh cò phấp phới, rơm mục đồng.

Câu 3. Tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê:

- Nhấn mạnh vẻ đẹp truyền thống, đậm đà bản sắc của quê hương cùng lòng yêu mến, tự hào của tác giả.

- Khẳng định tấm lòng nhân vật trữ tình: Dù đi muôn phương vẫn hướng về nguồn cội thủy chung, ân nghĩa.

- Tô đậm cảm xúc và tạo giọng điệu cho đoạn thơ.

Câu 4. Cảm nhận về nhân vật trữ tình: Yêu mến, gắn bó với quê hương, mang lẽ sống ân nghĩa thủy chung, uống nước nhớ nguồn; trân trọng, tự hào về những giá trị, bản sắc của quê hương, xứ sở; suy tư, chiêm nghiệm về hành trình thực hiện những ước mơ, hoài bão đưa đất nước đi xa.

Câu 5. Suy nghĩ về thông điệp được gợi ra từ ý thơ:

Thí sinh trình bày suy nghĩ về thông điệp được gợi ra từ ý thơ, phù hợp đạo đức và pháp luật. Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng: con người dù đi đâu, đến những miền đất xa xôi, phát triển, vẫn luôn hướng về quê hương, không được lãng quên gốc rễ, cội nguồn; điều này càng có ý nghĩa quan trọng đối với người trẻ trong bối cảnh thời đại hội nhập toàn cầu hóa hiện nay.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích hình ảnh Tổ quốc qua cảm nhận của nhân vật trữ tình trong bài thơ "Là Việt" (Nguyễn Phan Quế Mai)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Tổ quốc có nguồn gốc thiêng liêng, dân tộc cùng chung nguồn cội từ "trăm trứng mẹ Âu Cơ", đẫm hương ban mai sen xanh mướt, khúc mẹ ru tiếng Việt từ ngàn xưa, dòng máu Lạc Hồng.

- Tổ quốc mang vẻ đẹp bình dị, mộc mạc mà vững chãi qua không gian, thời gian với hạt gạo, đường làng rơm thơm, rặng tre già măng non, cánh cò, rặng tre, bến nước, châu thổ Cửu Long nghiêng bến, Trường Sơn điệp trùng, Hồng Hà phù sa,...

- Tổ quốc thấm đẫm vẻ đẹp cổ kính, đậm đà bản sắc với mái đình cong trăng khuyết, triền sông mướt câu hò,... làm nên "Tổ quốc thiêng liêng màu sắc Việt".

- Tổ quốc là cội nguồn, là chốn về của mỗi người dù cho tung cánh muôn phương. Vì thế dù qua bao phố phường tráng lệ, lòng vẫn xuôi về bến, dòng thác người cuộn về muôn hướng vẫn không nguôi dòng máu Lạc Hồng.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để trình bày *suy nghĩ về câu hỏi được cất lên trong bài thơ "Là Việt" của Nguyễn Phan Quế Mai: Giấc mơ nào từng tát cạn biển Đông?*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận: Câu thơ "Giấc mơ nào từng tát cạn Biển Đông?" nhấn mạnh ước mơ, hoài bão, làm nên những điều phi thường, cao cả không chỉ cho bản thân mà còn đóng góp cho cộng đồng. Đây là vấn đề đặt ra đối với người trẻ trong bối cảnh hội nhập: phải nghĩ lớn, ước mơ lớn và làm những điều lớn lao.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Thời đại hội nhập, toàn cầu hóa, thế giới phẳng, người trẻ được tiếp xúc với thế giới rộng lớn; điều này đặt ra nhiều thách thức và cả những cơ hội vươn lên cho nên phải có ước mơ, hoài bão, dám nghĩ lớn và nỗ lực hành động.

+ Người trẻ có ước mơ, hoài bão lớn lao sẽ có động lực thôi thúc hành động, phát huy năng lực nội tại của bản thân, vươn tới các giá trị, thành tựu, khẳng định bản thân; bản lĩnh, mạnh mẽ vượt lên những thử thách và quy luật cạnh tranh; nâng cao tầm vóc, tự tin, nhiệt huyết; phát triển bản thân và cộng đồng.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: ước mơ, hoài bão lớn lao không phải là hướng đến những gì viển vông, xa rời thực tế, không phù hợp với năng lực của bản thân.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: biết ước mơ, hoài bão hướng đến những chân trời cao rộng;

không ngừng học hỏi, hoàn thiện bản thân để nỗ lực hành động biến ước mơ trở thành hiện thực.

ĐỀ SỐ 6

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

MUA NHÀ

(Nam Cao)

Giới thiệu: Nhân vật tôi là một trí thức nghèo, căn nhà xiêu vẹo, rồi đến một đợt bão, nó bị đổ sập hẳn, cả gia đình rơi vào tình cảnh không nhà. Anh được giới thiệu mua một căn nhà với giá cả rất "hời" từ một người góa vợ, nuôi hai đứa con, mang nhiều công nợ, lại mê xóc đĩa... Anh vội thuê thợ đến dỡ căn nhà bởi sợ mình chậm chân, người khác sẽ hớt trên...

Ngày hôm sau... Chúng tôi đến nhà hắn thì thấy hắn đang nằm thườn trên một cái giường tre, chiếu rách và bẩn thỉu. Đứa con bé ngồi ngay dưới đất, ôm lấy cái chân giường, rên. Nó đau bụng từ sáng sớm. Đứa con lớn vừa cạu nhạu vừa đấm cho em thùm thụp. Tôi chào hắn. Hắn khẽ hé môi đáp lại. Chúng tôi nhìn nhau ngượng nghịu như hai kẻ thù nhìn nhau. Sao lại thế? Tôi không dám nhìn lâu hai đứa con của hắn. Hình như tôi thẹn với lòng tôi thế nào….

Tôi nhìn xuống đất mà bảo hắn:

- Bác làm ơn cho tôi dọn đồ đạc ra để người ta dỡ…

Hắn cười chua chát:

- Đồ đạc thì có gì mà dọn? Chỉ có một cái giường này. Cứ quăng bố nó ra ngoài kia cho tôi, rồi dỡ đi.

Hắn đứng dậy mà bảo con:

- Chúng mày cũng đứng lên. Sang nhà bác Vi nằm nhờ.

Con chị phải quát, gắt gỏng với em một lúc, hai đứa mới lếch thếch cõng được nhau sang nhà bác Vi. Vẫn một đứa lạu bà lạu bạu, một đứa oằn oại và rên la. Thợ trèo lên mái, dỡ gianh quăng xuống. Tôi ngồi ở sân, trông họ…

Một lúc sau, chẳng biết đã gửi em cho ai được, đứa con gái lân la gần tôi, xem dỡ nhà. Tôi có dịp trông gần nó. Nó gầy ốm quá. Cổ tay, cổ chân chỉ con con. Mặt chau chau. Quần áo rách lượt thượt. Hàm răng của nó cứ nhe ra một cách trông thương hại lắm. Tự nhiên tôi ngán ngẩm. Tôi thở dài một tiếng. Rồi tôi buột mồm hỏi nó:

- Từ sáng tới giờ, em đã có gì ăn chưa?

Nó không đáp, chỉ lắc đầu uể oải. Hình như nó đang bận nghĩ ngợi điều gì. Mắt nó nheo lại. Cái mặt nó cau cau. Có lẽ vì nắng quáng. Nhưng tôi thấy nó có vẻ thù ghét tôi lắm lắm. Tôi nhắc thầm trong trí: ta không mua thì người khác mua…

Những mè, rui đã dỡ xong rồi. Người thợ mộc bắt đầu tháo gỗ. Tiếng dùi đục kêu chan chát. Những tiếng rắn chắc vang lên, lọng óc. Tôi thấy con bé con đỏ bừng mặt. Nó không nhe răng ra nữa. Đôi môi nó bụm lại. Hai má nó phình ra một chút. Cứ thế, nó chẳng nói chẳng rằng, chạy bình bịch sang nhà hàng xóm. Nó định làm gì vậy? Lòng tôi thắc mắc nỗi lo không rõ rệt. Bỗng tôi nghe một tiếng trẻ con khóc nức nở và hờ:

- Mẹ ơi!…

Tim tôi động một cái giống như bước hụt. Rồi nó đập loạng choạng. Tôi hơi lảo đảo. Bây giờ thì tôi không lẩn trốn những ý nghĩ của tôi được nữa.

Tôi ác quá! Tôi ác quá! Tôi phải thú với tôi nhiều rồi…

Phải, tôi ác quá, anh Kim nhỉ. Rồi đây, hối hận sẽ toả một bóng đen vào trong cái nhà mới của tôi, rộng rãi và sạch sẽ hơn cái trước. Những chiều đông lạnh lẽo, một con thạch sùng nấp trên một cái xà ngang, sẽ tắc lưỡi nhắc cho tôi biết: Tôi ác quá! Tôi ác quá!… Nhưng mà thôi anh Kim ạ! Nghĩ ngợi làm gì nữa? Ở cảnh chúng ta lúc này, hạnh phúc chỉ là một cái chăn quá hẹp. Người này co thì người kia bị hở. Đâu phải tôi muốn tệ? Nhưng biết làm sao được? Ai bảo đời cứ khe khắt vậy? Giá người ta vẫn có thể nghĩ đến mình mà chẳng thiệt gì đến ai!…

(Trích *Mua nhà*, Nam Cao,

Truyện ngắn Nam Cao, NXB Văn học, 2023, tr.71-73)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của câu chuyện trong đoạn trích.

Câu 2. Nhân vật tôi mua nhà trong hoàn cảnh nào?

Câu 3. Trình bày cảm nhận về hình tượng nhân vật tôi trong đoạn trích.

Câu 4. Anh/ Chị hiểu như thế nào về hiện thực cuộc sống được thể hiện qua những dòng suy tư *Ở cảnh chúng ta lúc này, hạnh phúc cũng chỉ là một cái chăn hẹp. Người này co thì người kia bị hở*?

Câu 5. Anh/Chị hãy trình bày suy nghĩ của bản thân về đời sống và mong ước của con người được gợi ra từ suy tư của nhân vật tôi *Giá người ta vẫn có thể nghĩ đến mình mà chẳng thiệt gì đến ai*.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ vai trò của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ sau:

LÒNG MẸ

(Nguyễn Bính)

Gái lớn ai không phải lấy chồng
Can gì mà khóc, nín đi không!
Nín đi, mặc áo ra chào họ
Rõ quý con tôi! Các chị trông!

Ương ương dở dở quá đi thôi
Cô có còn thương đến chúng tôi
Thì đứng lên nào! Lau nước mắt
Mình cô làm khổ mấy mươi người!

Này áo đông lâm, quần lĩnh tía
Này gương, này lược, này hoa tai
Muốn gì tôi sắm cho cô đủ
Nào đã thua ai đã kém ai?

Ruộng tôi cày cấy, dâu tôi hái
Nuôi dạy em cô tôi đảm đương
Nhà cửa tôi coi, nợ tôi giả
Tôi còn mạnh chán! Khiến cô thương!

Đưa con ra đến cửa buồng thôi
Mẹ phải xa con, khổ mấy mươi!
Con ạ! Đêm nay mình mẹ khóc
Đêm đêm mình mẹ lại đưa thoi.

(Thơ Nguyễn Bính, NXB Kim Đồng, 2019, tr.18-19)

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/ Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600) chữ trả lời cho câu hỏi: Phải chăng, việc thể hiện trách nhiệm với cộng đồng sẽ mâu thuẫn với quyền lợi của cá nhân?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Người kể chuyện ngôi thứ nhất. Ở đây, nhân vật "tôi" kể chuyện mua nhà của chính mình.

Câu 2. Hoàn cảnh nhân vật "tôi" mua nhà: Căn nhà của gia đình mình đã bị đổ sập bởi một trận bão; người bán nhà góa vợ, nợ nần, nuôi hai đứa con, mê xóc đĩa, phải bán nhà với giá rẻ. Vì thế cho nên nhân vật tôi rất day dứt khi đối mặt với tình cảnh tội nghiệp của mấy đứa trẻ khi đến dỡ nhà.

Câu 3. Cảm nhận về nhân vật tôi: Một người trí thức nghèo; có lương tâm, tình yêu thương; người trí thức luôn đấu tranh với chính mình, nhiều suy tư trăn trở về cuộc đời, về hạnh phúc của con người.

Câu 4. Hiện thực cuộc sống được thể hiện qua lời chiêm nghiệm rất sâu sắc và thấm thía: Hoàn cảnh khó khăn, cơ cực, không phải ai cũng có thể có được niềm vui; hạnh phúc được so sánh với một cái chăn hẹp, niềm vui của người này đôi khi là nỗi buồn của người khác.

Câu 5. Thí sinh trình bày bài học sống được rút ra, phù hợp đạo đức và pháp luật. Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng: Câu văn/ý nghĩ này chứng tỏ một bi kịch của cuộc sống, của con người, thể hiện ước mong cuộc đời hạnh phúc, con người đừng làm khổ nhau thêm; mỗi người phải biết hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng; tránh lối sống ích kỉ, chỉ chăm chăm lợi ích của bản thân;...

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *làm rõ vai trò của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ "Lòng mẹ" (Nguyễn Bính)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Yếu tố tự sự được sử dụng xuyên suốt bài thơ: lời dỗ dành, thúc giục, giãi bày của người mẹ khi có con gái đi lấy chồng; những chi tiết, sự việc mẹ chuẩn bị cho con như áo đồng lầm, quần lĩnh tía, gương, lược, hoa tai; những công việc mẹ đảm đương như cày cấy ruộng, hái dâu, nuôi dạy em,...

- Yếu tố tự sự có ý nghĩa làm nổi bật hình tượng người mẹ tảo tần, hi sinh, lo lắng chu toàn cho con trong sự kiện trọng đại của đời người; tình yêu thương con thấm vào chiều sâu từ những việc làm nhỏ bé đến những nỗi niềm, nỗi buồn lo cố kìm nén để con cất bước về nhà chồng; yếu tố tự sự trở thành nền cảnh, trở thành nguyên cớ để thể hiện tình cảm, nỗi lòng các nhân vật, khiến cho bài thơ đi vào lòng người một cách tự nhiên, gần gũi.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để trả lời câu hỏi *Phải chăng, việc thể hiện trách nhiệm với cộng đồng sẽ mâu thuẫn với quyền lợi của cá nhân?*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận: câu hỏi đặt ra vấn đề mối quan hệ giữa trách nhiệm và quyền lợi của cá nhân với cộng đồng; trách nhiệm với cộng đồng là nghĩa vụ, vai trò của bản thân đối với tập thể; quyền lợi cá nhân là những giá trị mà bản thân thu được.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

Không có sự mâu thuẫn giữa việc thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và quyền lợi của cá nhân, bởi lẽ:

+ Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng: Cá nhân tồn tại trong cộng đồng nên phải có nghĩa vụ với cộng đồng; điều này giúp cá nhân phát huy được năng lực nội tại để đóng góp cho cộng đồng; có ý thức và hành động thiết thực, hình thành lối sống có trách nhiệm. Khi thực hiện tốt nghĩa vụ,

có cống hiến nhiều cho tập thể, cho xã hội thì quyền lợi cá nhân càng được đáp ứng, được nâng cao.

+ Quyền lợi của cá nhân: Con người có nhiều giá trị, thế mạnh và xứng đáng được hưởng những quyền lợi cho bản thân; giúp con người có cơ hội để vươn lên, khẳng định vị trí trong cộng đồng; được hưởng thụ những cái hay cái đẹp từ cuộc sống; hình thành lòng biết ơn và lẽ sống cống hiến,...

+ Mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại: Quyền lợi và trách nhiệm là hai yếu tố không thể tách rời, có thực hiện trách nhiệm mới được thụ hưởng quyền lợi và ngược lại khi có quyền lợi, bản thân phải biết cống hiến để xứng đáng với những gì đã được đón nhận.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: Có những người xem việc thực hiện trách nhiệm với cộng đồng sẽ làm ảnh hưởng tới quyền lợi của cá nhân nên trốn tránh việc chung, chỉ chăm lo quyền lợi bản thân, rơi vào lối sống ích kỉ, hưởng thụ, tách biệt với số đông.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Cần biết hài hòa giữa trách nhiệm và quyền lợi, giữa cá nhân và cộng đồng.

ĐỀ SỐ 7

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Tôi thực sự tin rằng sự thanh thản và niềm vui trong cuộc sống của chúng ta không phụ thuộc vào việc chúng ta ở đâu, làm gì hay là ai, mà chỉ phụ thuộc vào thái độ tinh thần của chúng ta. Những điều kiện ngoại cảnh thường có tác động rất ít. Chẳng hạn như trường hợp của John Brown, người bị kết án treo cổ vì tội chiếm giữ kho vũ khí Liên bang tại Harper Ferry và xúi giục nô lệ nổi loạn. Trên đường đến nơi thi hành án, trong khi người cai tù đi bên cạnh lo lắng và căng thẳng, ông vẫn giữ thái độ hết sức bình tĩnh và điềm đạm. Ngồi trên nóc chiếc quan tài đóng sẵn cho mình, ông thốt lên lúc nhìn thấy rặng núi Blue của Virginia: "Miền đất này tươi đẹp quá! Trước đây, tôi chưa bao giờ có cơ hội được thực sự ngắm nhìn nó".

Hay như câu chuyện về Robert Falcon Scott và đoàn người của ông - những người Anh đầu tiên đặt chân tới Nam Cực. Hành trình trở về của họ là một trong những hành trình gian khổ nhất trong lịch sử nhân loại. Thức ăn và nhiên liệu đã

cạn kiệt nhưng họ không thể đi tiếp do một cơn bão tuyết dữ dội đã quét qua vòng địa cực suốt 11 ngày đêm, đem theo những cơn gió sắc buốt làm lẹm đứt cả những ngọn núi băng ở đó. Đoàn thám hiểm của Scott biết mình sẽ chết; trước đó họ có mang sẵn một ít thuốc phiện để dùng trong những trường hợp khẩn cấp. Chỉ một liều lớn thôi, tất cả có thể nằm xuống với những giấc mơ thiên đường và không bao giờ tỉnh dậy nữa. Nhưng như chúng ta đã biết, họ không làm thế, họ đã ca hát vui vẻ cho đến hơi thở cuối cùng. Tám tháng sau, một đội tìm kiếm đã phát hiện dưới thi thể đóng băng của những con người can đảm ấy một lá thư từ biệt kể lại điều này.

Đúng vậy, nếu biết suy nghĩ bình tĩnh và can đảm, chúng ta vẫn có thể thưởng ngoạn cảnh đẹp ngay cả khi đang ngồi trên quan tài của mình để đi đến giá treo cổ; vẫn có thể ca hát rộn vang những căn lều cho tới khi từ giã cuộc đời vì đói khát và rét mướt.

Ba trăm năm trước đó, trong cảnh mù lòa, Milton cũng phát hiện ra chân lí đó:

Chỉ tâm hồn là nơi duy nhất
Có thể biến thiên đường thành địa ngục
Và địa ngục hóa thiên đường

Napoleon và Helen Keller là minh họa điển hình cho câu thơ của Milton. Napoleon có mọi thứ mà một người đàn ông hằng khao khát: vinh quang, quyền lực, sự giàu sang - thế nhưng ông vẫn nói tại đảo Saint Helen: "Cả đời tôi chưa có lấy 6 ngày sống trong hạnh phúc"; trong khi đó Helen Keller - mù lòa và câm điếc bẩm sinh - lại thốt lên: "Cuộc đời này tươi đẹp biết bao".

Nếu tôi có rút ra điều gì sau gần nửa thế kỉ sống trên đời, hẳn đó là: "Không gì có thể mang lại sự bình yên cho bạn ngoại trừ bản thân bạn".

(Trích *Quẳng gánh lo đi và vui sống*,
Dale Carnegie, NXB Trẻ, 2020, tr.65- 66)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Đoạn trích trên đề cập đến vấn đề gì?

Câu 2. Theo đoạn trích, *sự thanh thản và niềm vui trong cuộc sống của chúng ta* phụ thuộc vào điều gì?

Câu 3. Anh/ Chị hiểu như thế nào về ý thơ *Chỉ tâm hồn là nơi duy nhất/ Có thể biến thiên đường thành địa ngục/ Và địa ngục hóa thiên đường*?

Câu 4. Các dẫn chứng được sử dụng trong đoạn trích trên có tác dụng gì?

Câu 5. Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm *Không gì có thể mang lại sự bình yên cho bạn ngoại trừ bản thân bạn* không? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề: ý nghĩa của thái độ sống đối với con người trong cuộc đời.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ:

THƠ MÙA XUÂN ĐỌC LẠI GIỮA MÙA THU

(Anh Ngọc)

Những câu thơ anh viết giữa mùa xuân
Anh dành dụm để mùa thu đem đọc
Mùa xuân
Có một bận trong đời anh nhìn thấy Trường Sơn thật thấp
Tuổi hai mươi chân đi không bén đất
Đám mây trời bay dưới ba lô

Hoa cỏ bên đường phút chốc hóa thành thơ
Anh đứng hát một mình trong khe núi
Những vui buồn mãnh liệt và nông nổi
Của một thời liều lĩnh đam mê

Những vui buồn cứ đòi được hát lên
Trước đông đội bạn bè không giấu giếm
Câu thơ đến thường tình và đột biến
Như cánh rừng bất chợt phủ đầy hoa...

(Theo https://www.bienphong.com.vn/may-bai-tho-hay-ve-mua-xuan-post12656.html)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Đoạn trích đề cập đến vấn đề: Thái độ, tinh thần tích cực là yếu tố quyết định ý nghĩa cuộc sống, cảm nhận hạnh phúc của con người.

Câu 2. Theo đoạn trích, *sự thanh thản và niềm vui trong cuộc sống của chúng ta* phụ thuộc vào thái độ, tinh thần của chúng ta.

Câu 3. Khẳng định vai trò quyết định của tâm hồn đối với cuộc sống con người: Tâm hồn, thái độ sống tác động tới cách sống, lối sống của mỗi con người. Tâm hồn với cảm xúc tiêu cực sẽ khiến cuộc sống trở thành địa ngục và ngược lại tâm hồn với những ánh sáng tích cực, lạc quan sẽ khiến người ta cảm thấy hạnh phúc dù đang trong tình trạng khó khăn, tăm tối.

Câu 4.

- Các dẫn chứng được sử dụng: John Brown, người bị kết án treo cổ vì tội chiếm giữ kho vũ khí Liên bang tại Harper Ferry và xúi giục nô lệ nổi loạn, trên đường đến nơi thi hành án thốt lên lúc nhìn thấy rặng núi Blue của Virginia: "Miền đất này tươi đẹp quá! Trước đây, tôi chưa bao giờ có cơ hội được thực sự ngắm nhìn nó"; Robert Falcon Scott và đoàn người của ông - những người Anh đầu tiên đặt chân tới Nam Cực, Thức ăn và nhiên liệu đã cạn kiệt nhưng họ không thể đi tiếp do một cơn bão tuyết dữ dội nhưng họ đã ca hát vui vẻ cho đến hơi thở cuối cùng; Napoleon có mọi thứ vinh quang, quyền lực, sự giàu sang nhưng ông vẫn nói tại đảo Saint Helen: "Cả đời tôi chưa có lấy 6 ngày sống trong hạnh phúc"; trong khi đó Helen Keller - mù lòa và câm điếc bẩm sinh cho rằng: "Cuộc đời này tươi đẹp biết bao".

- Tác dụng: nhấn mạnh tầm quan trọng của thái độ sống đối với mỗi người, thái độ sống tích cực khiến cuộc sống tươi đẹp ngay trong hoàn cảnh khó khăn, cơ cực nhất; tăng tính thuyết phục cho vấn đề nghị luận.

Câu 5.

Thí sinh trình bày quan điểm đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần; phù hợp đạo đức và pháp luật. Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng:

- Đồng tình với quan điểm.

- Bởi vì: câu nói khẳng định tầm quan trọng của sự tích cực, chủ động của mỗi cá nhân trong cuộc đời. Con người giữ vai trò quyết định về cuộc đời mình, bản thân mỗi người có những giá trị, thế mạnh để làm chủ cuộc sống của bản thân, không ai là chỗ dựa cho ta mãi mãi mà tự bản thân ta phải nỗ lực vươn lên chiến thắng hoàn cảnh, khẳng định dấu ấn, sự nghiệp bản thân trong cộng đồng bằng cuộc đời ý nghĩa.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *ý nghĩa của thái độ sống đối với con người trong cuộc đời*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Thái độ sống của con người chi phối mọi sự lựa chọn của người ấy, chi phối cảm nhận của con người về niềm vui và nỗi khổ, về hạnh phúc trong cuộc sống.

- Thái độ sống quyết định hành động, quyết định sự thành bại của mỗi cá nhân; con người phải tự chịu trách nhiệm về cuộc đời mình cho nên phải có thái độ sống đúng đắn, tích cực; con người tồn tại trong mối quan hệ với cộng đồng phải tránh sự nhạt nhòa và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp bằng thái độ sống tích cực.

- Thái độ sống tích cực giúp con người giữ được động lực để không ngừng vươn lên, đạt được thành công và các giá trị, khẳng định bản thân một cách ý nghĩa; biết sống có mục tiêu, lí tưởng và nhận thức được bản thân để không ngừng vươn tới sự hoàn thiện; vượt lên hoàn cảnh khó khăn thử thách và cám dỗ; xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với những người xung quanh; tránh sự nhạt nhòa, ỷ lại, dựa dẫm; góp phần hình thành môi trường xã hội văn minh, tốt đẹp.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *phân tích nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ "Thơ mùa xuân đọc lại giữa mùa thu" (Anh Ngọc)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Phân tích, đánh giá nội dung tư tưởng. Có thể theo hướng: bài thơ tái hiện không khí, hoàn cảnh đất nước trong chiến tranh chống Mỹ trên dải Trường Sơn đầy gian khổ. Từ đây nổi bật lên vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm tháng đó: lý tưởng chiến đấu vì Tổ quốc cao cả, tình cảm chân thật và nồng nàn, tinh thần lạc quan phơi phới, tâm hồn tràn đầy mộng mơ, ước vọng.

- Phân tích, đánh giá đặc sắc nghệ thuật. Có thể theo hướng: thể thơ tự do, nhịp điệu linh hoạt; xây dựng các hình ảnh sinh động, gợi cảm, có khả năng gây ấn tượng mạnh; sử dụng các biện pháp tu từ hoán dụ, nhân hóa, điệp; ngôn ngữ giản dị, giọng thơ say mê, phấn chấn.

* Đánh giá:

- Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- Tác động tới người đọc trong hoạt động tiếp nhận: hiểu thêm vẻ đẹp tuổi trẻ Việt Nam trong chiến tranh và ý thức lẽ sống ý nghĩa trong hiện tại.

ĐỀ SỐ 8

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

SỢI TÓC

(Thạch Lam)

Giới thiệu: nhân vật Thành có một người anh họ tên là Bân rất giàu. Bân cho rằng Thành khôn ngoan hơn mình nên động việc gì hay mua bán gì cũng đều tìm đến Thành để hỏi han...

Hôm ấy, Bân đến rủ tôi cùng đi mua một cái đồng hồ. Anh ta muốn mua hạng thật tốt, và nhờ tôi xem hộ. […] Lúc trả tiền, tôi thấy hắn giở ra một cái ví da lớn, phồng chặt. Hắn đếm giấy bạc thong thả và cẩn thận. Thoáng nhìn qua, tôi cũng biết trong ví nhiều tiền lắm: ngoài số tiền bạc lẻ mà hắn mang ra trả, tôi còn thấy gấp ở ngăn trên đến năm, sáu cái giấy bạc một trăm nữa, những giấy bạc mới, màu còn tươi nguyên. "Quái, thằng cha này làm gì mà lắm tiền thế? Mình thì chả bao giờ có đến được một trăm bạc bỏ túi!".

Tôi nghĩ thầm và so sánh thế.

Mua xong đồng hồ. Bân rủ tôi đi ăn:

- Ta lên hiệu chén, rồi lát nữa làm một chầu chứ. - Hắn vỗ vào túi - Tôi có đủ tiền đây!

Chúng tôi vào hiệu. Bân ăn vui vẻ lắm, có lẽ hắn vừa ý vì cái đồng hồ mua rẻ. Tôi thì trong óc cứ vơ vẩn cái ý nghĩ sao một thằng ngốc như hắn - tôi thấy hắn càng ngốc - có lắm tiền thế, còn mình...

Tuy vậy, ý nghĩ cũng không làm tôi ăn mất ngon. Tôi tỏ mặt sành, gọi những thức ăn quý và đắt tiền, và hai chúng tôi uống rượu say sưa.

Cơm xong, Bân đưa tôi xuống Vạn Thái, vào nhà một người nhân tình của hắn. […]. Hắn không quên - tính cẩn thận của anh kiệt! - đem cả cái áo tây trong có ví tiền vào chỗ nằm, vắt trên thành đầu giường.

Một mình tôi ở ngoài đâm chán. Nằm một lát rồi tôi cũng đứng dậy sửa soạn ra về, Bân vẫn ở trong màn, nói vọng ra giữ lại:

- Anh hãy ở chơi đã, về làm gì vội. Ngày mai chủ nhật cơ mà.

- Thôi tôi phải về. Sáng mai còn có việc.

Vừa nói tôi vừa với cái áo tây của tôi treo trên mắc. Bỗng nhiên có cái gì chuyển mạnh qua tim: tay tôi yên hẳn lại, tôi vừa mới nhận ra rằng cái áo tôi đương cầm không phải là áo của tôi. Thì ra lúc mang áo vào giường nằm, Bân đã mang nhầm áo. Hai thằng tôi cùng mặc thứ hàng len giống màu, như vậy dễ lẫn lắm. Tôi ghé nhìn vào phía trong áo thấy cái ví tiền ở túi thò ra ngoài một ít. Cái ví tiền... mấy tờ giấy bạc...

- Ở chơi đã anh. Ở chơi sáng sớm mai về với tôi một thể.

Tôi điềm nhiên treo cái áo vào chỗ cũ, quay ra. Mấy chị em cũng phụ họa vào lời mời của Bân, nài nỉ:

- Tội gì mà về bây giờ anh, khuya và lạnh chết.

Tôi chỉ thoáng nghe thấy, trong trí như còn bận sự gì. Bâng khuâng tôi lại gần giường, một chị nâng chén mời:

- Anh uống chén nước nóng. Rồi nằm xuống đây có hơn không?

- Ờ thì hẵng nằm một lát đã.

Tiếng Bân trong màn đưa ra:

- Phải đấy, đến mai hẵng về. Tôi bảo chị Lan phải làm thế nào giữ anh ấy lại thì làm...

- Không... thể nào tôi cũng phải về, anh ạ...

Những lời đối đáp ấy cứ tự nhiên buột miệng ra, tôi không để ý đến. Trước mắt tôi, mấy tờ giấy bạc một trăm gấp trong ngăn ví, hiện ra rất rõ rệt. Lấy mấy

tờ, độ hai tờ - tại sao lại hai? Tôi không biết - thật dễ dàng quá. Tôi cứ việc điềm nhiên với lấy áo, mở ví rút ra hai tờ, rồi khoác áo ở trên vai, ra ý sắp sửa về. Rồi chọn lúc mọi người vô ý - mà dẫu có ý cũng không ai biết được - tôi đổi lấy áo của tôi vắt ở đầu giường Bân... Thế là xong, và gọn. Mai dậy, Bân biết mất chắc chẳng bao giờ dám nghi ngờ cho tôi. Mà nghi ngờ thế nào được?

[...]

Tôi bước một bước lùi ra. Thế là hết. Bây giờ thì không sao đụng đến ví được nữa. Tôi bần thần ngơ ngác, mặc lấy chiếc áo của tôi, và đội mũ... Vừa gài khuy, tôi vừa nói mấy câu bông đùa vô vị với cô ả đứng ở chân giường sắp tiễn tôi về. Tôi chùng chình uống nước và hút thuốc, muốn cái thời khắc này cứ kéo dài mãi ra.

Đến khi ngồi trên xe về qua những phố khuya vắng vẻ, tâm trí tôi mới dần bình tĩnh lại. Gió lạnh thổi mát trên vừng trán nóng, và cái cảm giác mát ấy khiến tôi dễ chịu. Tôi nghĩ lại đến những cử chỉ và dự định của tôi lúc nãy, thật vừa như một người khôn khéo lại như một người mất hồn. Tất cả những cái đó bây giờ xa quá. Tâm trí tôi giãn ra, như một cây tre uốn cong trở lại cái thẳng thắn lúc thường. Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thầm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cám dỗ, mà cũng có lẽ cái khoái lạc đã đè nén được sự cám dỗ. Và một mối tiếc ngấm ngầm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng cố ý không nghĩ đến, khiến cho cái cảm giác ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc.

(Trích *Sợi tóc*,

Thạch Lam, *Hai đứa trẻ - Danh tác Việt Nam*, NXB Văn học, tr. 53- 62)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của câu chuyện trong đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra thành phần phụ chú được sử dụng trong câu văn sau:

Hắn không quên - tính cẩn thận của anh kiệt - đem cả cái áo tây trong có ví tiền vào chỗ nằm, vắt trên thành đầu giường.

Câu 3. Nêu ý nghĩa của tình huống truyện.

Câu 4. Phân tích ngắn gọn diễn biến tâm lí nhân vật Thành trong đoạn trích (khoảng 5- 7 dòng).

Câu 5. Từ đoạn trích, anh/chị hãy rút ra bài học ý nghĩa nhất đối với bản thân.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ý nghĩa của nhan đề truyện ngắn *Sợi tóc* (Thạch Lam) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (6,0 điểm)

Vào mỗi khúc quanh của cuộc đời mình, tôi đã tìm đường để rồi chẳng thấy. Suốt cuộc đời tôi đã mầy mò, giống như người khiếm thị phải đi trong cảnh sương mù. Nhưng rồi mãi tới lúc cao tuổi, tôi mới hiểu được rằng chẳng bao giờ mình sẽ tới, vì cuộc đời, trên bản chất, phải là một hành trình dài vô tận. Đi đường nào rồi cũng có thể thành công, chọn lối nào cũng có khả năng đạt hạnh phúc, vì hạnh phúc và thành công không tùy thuộc vào con đường chúng ta đi, mà vào tâm trạng tự tại của chúng ta, cũng như vào những giá trị mà chúng ta gieo ngay trên những nẻo đường đã đi qua.

(*Một đời như kẻ tìm đường* –
Phan Văn Trường, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2022, tr.34)

Đoạn văn trên gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về sự chủ động của con người trong hành trình vươn tới cuộc sống có ý nghĩa?

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ đó.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Người kể chuyện ngôi thứ nhất.

Câu 2. Thành phần phụ chú được sử dụng trong câu văn: *tính cẩn thận của anh kiệt*.

Câu 3. Ý nghĩa của tình huống truyện:

- Tình huống truyện: Nhân vật Thành được đặt trong tình huống thử thách. Thành nghèo khổ, túng thiếu mà lại đối diện với chiếc ví đầy tiền của một người giàu có như Bân. Việc rút lấy vài tờ tiền có thể thực hiện rất dễ. Trong Thành diễn ra cuộc đấu tranh nội tâm phức tạp và cuối cùng, nhân vật đã trụ vững lương tri, sự tử tế.

- Ý nghĩa của tình huống:

+ Tạo điều kiện để đi sâu khám phá, diễn tả tâm trạng, tâm lí nhân vật.

+ Làm nổi bật vẻ đẹp nhân phẩm của nhân vật Thành trong tình thế thử thách thật mong manh, chân thực: dù ranh giới mong manh nhưng Thành vẫn giữ được bản thân không phạm vào đạo đức và giữ bản lĩnh trước những ranh giới thiện - ác, tốt - xấu,...

+ Giúp người đọc nhận thức một cách thấm thía ý nghĩa của câu chuyện: Con người ta trong cuộc đời có những khi đứng trước ranh giới thật mong manh giữa nhân phẩm và đánh mất nhân phẩm mà chỉ một mình mình biết, một mình mình hay. Những lúc ấy, con người cần có lương tri để bảo toàn nhân phẩm của mình.

Câu 4. Diễn biến tâm lí nhân vật Thành trong đoạn trích:

- Đấu tranh nội tâm giằng xé khi thấy chiếc ví, nghĩ đến cảnh nghèo của mình, trong khi đối với Bân, việc mất cái ví vài trăm bạc cũng chẳng là bao; thậm chí, Thành còn nghĩ đến việc bản thân sẽ không bị nghi ngờ, sẽ vô can trong mắt Bân.

- Trụ vững lại bằng sự đàng hoàng, trung thực, không bước qua ranh giới mong manh như sợi tóc.

Tóm lại, tâm lí nhân vật Thành vừa hụt hẫng và có chút nuối tiếc vì không thể quay lại lấy chiếc ví, bù đắp lại sự nghèo khó của bản thân, lại vừa tự hào, nhẹ nhõm, cảm thấy vui khi bản thân đã vượt qua được ranh giới mong manh giữa cái xấu và cái tốt, bảo toàn được nhân cách. Vừa muốn quên đi chuyện vừa qua lại vừa muốn giữ mãi trong tâm trí niềm vui đã tự chiến thắng bản thân…

Câu 5. Thí sinh rút ra bài học có ý nghĩa nhất đối với bản thân, phù hợp đạo đức và pháp luật. Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng: cần phải giữ gìn lương tri, sự trung thực, phẩm chất trong sáng ngay trong hoàn cảnh ngặt nghèo nhất; ranh giới giữa cái tốt và cái xấu nhiều khi rất mong manh nên phải bản lĩnh, vững vàng để không bước qua;...

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích ý nghĩa của nhan đề truyện ngắn "Sợi tóc" (Thạch Lam)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- *Sợi tóc* mang ý nghĩa biểu tượng cho ranh giới nhiều khi thật mong manh giữa thiện và ác, tốt và xấu, đạo đức và dục vọng,... Con người thiếu bản lĩnh sẽ bước qua ranh giới ấy. Giữ được bản thân trong những tình huống ấy là sự biểu hiện của nhân cách, phẩm chất người.

- *Sợi tóc* xuất hiện ở nhan đề của câu chuyện, nhấn mạnh tư tưởng chủ đề đầy tính nhân văn: khẳng định vẻ đẹp của nhân vật Thành, dù trải qua nội tâm phức tạp, dù có lúc dao động nhưng vẫn giữ được lương tri, đạo đức; nhắn nhủ con người trong cuộc đời phải giữ vững bản thân, sự tử tế để sống trung thực, không hổ thẹn với những người xung quanh và chính bản thân mình.

- Nhan đề "Sợi tóc" có ý nghĩa tạo hình ảnh và liên tưởng sâu lắng, phù hợp với phong cách viết truyện ngắn trữ tình của Thạch Lam.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ gì về sự chủ động của con người trong hành trình vươn tới cuộc sống có ý nghĩa*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

***** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

***** Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận:

+ Những dòng chữ viết bằng sự chiêm nghiệm, trải nghiệm của tác giả từ chính cuộc đời của mình: sự chủ động của con người trong hành trình sống và vươn đến hạnh phúc, những điều ý nghĩa.

+ Trong cuộc đời dài, con người trải qua hành trình tìm đường đầy khó khăn nhưng cần có niềm tin con đường nào cũng đem đến thành công, hạnh phúc bởi điều đó không phụ thuộc vào con đường ta chọn mà vào thái độ sống, sự chủ động của chính chúng ta.

+ Gửi gắm thông điệp đầy ý nghĩa: Nhắn nhủ con người cần tin tưởng vào giá trị bản thân, sự làm chủ của chính mình trong cuộc sống, chính bạn là người mang đến hạnh phúc và thành công cho mình.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Con người giữ vai trò chủ động trong hành trình vươn tới hạnh phúc và cuộc sống ý nghĩa: Cuộc đời là một hành trình dài, nhiều khó khăn, thử thách, đòi hỏi con người phải có sự chủ động, bản lĩnh trên hành trình đó; mỗi con người đều có những giá trị, thế mạnh nhất định về trí tuệ, phẩm chất, kinh nghiệm sống; con người phải tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình.

+ Khẳng định vai trò chủ động của con người trong hành trình vươn tới hạnh phúc có ý nghĩa với cá nhân và cộng đồng: giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách, vững vàng trước những đổi thay của hoàn cảnh; hình thành lối sống chủ động, có trách nhiệm; kiên định mục tiêu, lí tưởng, từng bước vươn lên đạt được thành công và các giá trị, khẳng định vị trí bản thân trong cộng đồng; góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng và hình thành môi trường xã hội văn minh, tốt đẹp.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: khẳng định tính tích cực của vấn đề, đem đến cho mỗi người bài học sống ý nghĩa; tuy nhiên, cũng cần nhận thức hành trình vươn tới hạnh phúc thành công vẫn phụ thuộc vào con đường ta chọn; đề cao sự chủ động của bản thân không có nghĩa là tuyệt đối hóa cá nhân mà phải biết lắng nghe, học hỏi và cần có sự hỗ trợ của những người xung quanh trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: không ngừng học hỏi, hoàn thiện bản thân, đề cao vai trò chủ động, tích cực của cá nhân nhưng cũng phải biết học hỏi, lắng nghe những người xung quanh.

ĐỀ SỐ 9

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

CHUNG BỌC ĐỒNG BÀO

(Lê Minh Quốc)

Ngay từ trong nhịp thở
Tiếng Việt đã dậy mầm
Đan bền theo mạch máu

Ròng rã bốn ngàn năm
Oa oa từ lọt lòng
Đến tròn vành rõ chữ
Tiếng Việt đã ăn nằm
Cùng núi sông tình tự
Câu ca dao, tục ngữ
Lẫn trong lúa, ngô, khoai
Lặn trong hồn đất nước
Lắng đọng máu, mồ hôi…
Lời mẹ hát đưa nôi
Vượt non cao vực thẳm
Băng qua mọi thác ghềnh
Vẫn còn nhen lửa ấm
Qua nhọc nhằn cay đắng
Dẫu đồng hóa, binh đao
Một linh hồn tiếng Việt
Vẫn gìn giữ cho nhau
Bền lòng tin mùa sau
Hạt mầm xanh biếc lá
Dẫu va chạm nháo nhào
Nổi chìm theo tiếng lạ
Dẫu người đi muôn ngả
Vạn nẻo khắp địa cầu
Tiếng Việt mình nhắc nhớ
Vẫn chung bọc đồng bào

(Theo https://baovannghe.vn/chung-boc-dong-bao-tho-le-minh-quoc-15950.html, ngày 01/09/2024)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Nhân vật trữ tình trong văn bản là ai?

Câu 2. Những thể loại nào của văn học dân gian được nhắc đến trong văn bản?

Câu 3. Việc liên tưởng tiếng Việt với hạt mầm trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 4. Nhan đề *Chung bọc đồng bào* thể hiện thái độ, tình cảm gì của tác giả?

Câu 5. Theo anh/ chị, điểm giống nhau trong cảm nhận về tiếng Việt của hai nhân vật trữ tình trong hai đoạn thơ sau là gì?

Dẫu người đi muôn ngả
Vạn nẻo khắp địa cầu
Tiếng Việt mình nhắc nhớ
Vẫn chung bọc đồng bào

(Trích *Chung bọc đồng bào*, Lê Minh Quốc)

Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết
Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi
Như vị muối chung lòng biển mặn
Như dòng sông thương mến chảy muôn đời.

(Trích *Tiếng Việt*, Lưu Quang Vũ, in trong *Thơ Việt Nam 1945-1985*, NXB Giáo dục, 1987, tr.298)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp của *Tiếng Việt* qua cảm nhận của nhân vật trữ tình trong văn bản *Chung bọc đồng bào* (Lê Minh Quốc) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Thời đại 4.0 mang đến nhiều thử thách về văn hóa, nhưng nó cũng mở ra nhiều cơ hội nếu chúng ta biết tận dụng được sức mạnh của công nghệ, kỹ thuật. Dưới sức ảnh hưởng của truyền thông và mạng xã hội, những giá trị truyền thống sẽ được lan tỏa rộng khắp. Đó là sứ mệnh là trách nhiệm của người trẻ.

(Theo cand.com.vn, Thứ Sáu, 06/10/2023)

Từ gợi dẫn trên, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) với chủ đề: Bản sắc dân tộc và người trẻ trong thời đại 4.0.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Nhân vật trữ tình trong văn bản là người dân nước Việt yêu tiếng Việt.

Câu 2. Những thể loại văn học dân gian được nhắc đến trong văn bản: ca dao, tục ngữ.

Câu 3. Việc liên tưởng tiếng Việt với hạt mầm trong văn bản có tác dụng:

- Tạo cách diễn đạt giàu hình ảnh, sinh động và biểu cảm cho văn bản.

- Nhấn mạnh sức sống mãnh liệt của tiếng Việt; từ đó, bộc lộ tình yêu và niềm tự hào về tiếng mẹ đẻ.

Câu 4. Nhan đề *Chung bọc đồng bào* thể hiện:

- Thái độ trân trọng, tự hào về nguồn cội của dân tộc;

- Tình cảm yêu thương, gắn bó với tiếng mẹ đẻ nói riêng, với đất nước và dân tộc nói chung.

Câu 5. Điểm giống nhau trong cảm nhận về tiếng Việt của hai nhân vật trữ tình trong hai đoạn thơ:

- Tiếng Việt không chỉ là phương tiện giao tiếp, mà còn là nơi gặp gỡ, kết nối, hội tụ của tình đồng bào, tình dân tộc.

- Cảm nhận về tiếng Việt sâu sắc, chân thành, vừa gần gũi thân thiết, vừa cao quý thiêng liêng.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *vẻ đẹp của Tiếng Việt qua cảm nhận của nhân vật trữ tình trong văn bản "Chung bọc đồng bào" (Lê Minh Quốc)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Tiếng Việt có vẻ đẹp giản dị, thân thuộc: quyện vào dáng hình của đất nước; hiện hữu trong đời sống sinh hoạt đời thường của đồng bào (tiếng Việt gắn bó với con người từ thuở lọt lòng đến khi khôn lớn, từ câu *hát đưa nôi* của mẹ đến *câu ca dao, tục ngữ*; tiếng Việt *ăn nằm*, *tình tự* cùng *núi sông*).

- Tiếng Việt có vẻ đẹp bền bỉ, mãnh liệt: trải bao biến cố thăng trầm của lịch sử, tiếng Việt vẫn vẹn nguyên hồn dân tộc, vẫn trường tồn với thời gian (vượt qua mọi cách trở của không gian, của thời gian; vượt mọi nỗi *cay đắng* của *đồng hóa, binh đao* vẫn vẹn nguyên *linh hồn tiếng Việt*).

- Tiếng Việt - vẻ đẹp kết nối hồn dân tộc: dù ngược xuôi trăm ngả, con người vẫn nhớ tiếng mẹ đẻ và hướng về nguồn cội (Dẫu *va chạm nháo nhào*

với bao *tiếng lạ*, dẫu con người có đi *vạn nẻo khắp địa cầu*, người con đất Việt vẫn trân quý tiếng mẹ đẻ và hướng về nguồn cội, tổ tiên).

Câu 2.

a. **Yêu cầu chung:** xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *bản sắc dân tộc và người trẻ trong thời đại 4.0*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận:

+ Bản sắc dân tộc: tổng hòa các đặc điểm làm nên nét riêng, độc đáo, giúp nhận diện và phân biệt dân tộc này với dân tộc khác.

+ Thời đại 4.0: thời kì hiện tại, khi mà các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, máy học, dữ liệu lớn,… đang thay đổi nhanh chóng cách chúng ta sống và làm việc.

Từ đó, vấn đề đặt ra mối quan hệ giữa người trẻ và bản sắc dân tộc; nhấn mạnh sứ mệnh của người trẻ trong việc giữ gìn, phát huy và lan tỏa bản sắc dân tộc trong thời đại mới.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Người trẻ cần có trách nhiệm với bản sắc dân tộc trong thời đại 4.0 bởi:

++ Mỗi người sinh ra đều thuộc về một dân tộc cụ thể. Bên cạnh những đặc điểm do di truyền và rèn luyện còn mang dấu ấn của dân tộc mình thuộc về.

++ Có trách nhiệm với bản sắc dân tộc là biểu hiện của lòng biết ơn nguồn cội, ý thức tự hào, tự tôn dân tộc. Từ đó, người trẻ ra sức hoàn thiện chính mình để đóng góp tích cực vào việc giữ gìn, xây dựng và phát triển đất nước.

++ Người trẻ là lực lượng nòng cốt đóng góp quan trọng vào sự phát triển, tạo ra sự thay đổi vượt bậc của dân tộc; thích ứng nhanh nhạy với các ứng dụng khoa học công nghệ của thời đại 4.0. Chính vì vậy, đây là đối tượng phù hợp

nhất để sử dụng hiệu quả thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 vào việc xây dựng, phát triển đất nước nói chung, bản sắc dân tộc nói riêng.

+ Cần phải làm gì để thể hiện trách nhiệm của người trẻ với bản sắc dân tộc trong thời đại 4.0?

++ Nâng cao nhận thức về bản sắc dân tộc và các thành tựu khoa học, công nghệ.

++ Không ngừng học hỏi, hoàn thiện bản thân, thích ứng tốt với các thay đổi của thời đại mới.

++ Có ý thức tự hào, tự tôn dân tộc; khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ để lan tỏa bản sắc dân tộc trên toàn thế giới.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: Không phải cái gì riêng và lâu đời của dân tộc cũng phù hợp và có ý nghĩa trong bối cảnh thời đại ngày nay. Vì vậy, cần đấu tranh chống lại các hủ tục lạc hậu, các quan niệm sai lầm. Bên cạnh đó, cần lên án các hành vi sính ngoại, quay lưng lại với các giá trị truyền thống của dân tộc.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Bản sắc cá nhân có mối quan hệ mật thiết với bản sắc dân tộc, vì vậy, cần hoàn thiện chính mình, trở thành công dân toàn cầu hòa nhập nhưng không hòa tan,…

ĐỀ SỐ 10

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

HỒI SINH

(Vân Phi)

Đêm qua, khi cây bàng già trút những phiến lá cuối cùng
Người đàn bà với chiếc xe đạp cà tàng và mớ ve chai
lầm lũi đi về hẻm phố
Chiếc nón méo xệ méo xệch che gần nửa khuôn mặt
của một đời người khắc khổ
Đôi dép mòn mỏng dính vào chân

Người đàn bà chẳng biết đến mùa xuân
Ở nơi đó, có gì vui khi đứa con của mình
hai mươi năm không tìm được
Ở nơi đó, nước mắt đã đóng băng và nụ cười
chỉ còn là điều ước
Có trang cổ tích nào dành cho người phụ nữ thất lạc con?

Người đàn bà dưới cơn mưa đêm
Ánh đèn đường hắt nghiêng mỏi mòn chiếc bóng
Có một đứa trẻ bị người đời bỏ quên dưới gốc cây ướt đẫm
Chẳng hiểu sao, đứa bé lẽo đẽo theo người đàn bà
và chiếc xe chất đầy những mảnh ve chai

Lần đầu tiên trong đời, một buổi sớm nay
Những đôi mắt ngoài kia dõi theo người đàn bà
đang cười rất khẽ
Bàn tay của người đàn bà nắm chặt bàn tay
của một đứa bé
Họ dắt nhau ra hẻm phố đón bình minh.
Bên gốc bàng già trụi lá, những mầm nắng đã hồi sinh.

(*Ngày mắc cạn*, NXB Hội Nhà văn, 2020, tr.62-63)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra điểm tương đồng về cảnh ngộ của *người đàn bà* và *đứa trẻ* trong văn bản.

Câu 3. Nêu sự chuyển biến tâm trạng của *người đàn bà* trong văn bản.

Câu 4. Trình bày hiệu quả của biện pháp tu từ tương phản được sử dụng trong dòng thơ: *Bên gốc bàng già trụi lá, những mầm nắng đã hồi sinh.*

Câu 5. Từ ý nghĩa nhan đề *Hồi sinh*, anh/chị hãy nêu suy nghĩ về điểm tựa tinh thần của mỗi người trong cuộc sống (trả lời khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản *Hồi sinh* ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm).

Trong bài viết *Vẻ đẹp của người đứng một mình*, tác giả Đặng Hoàng Giang chia sẻ:

Mê man với nhau trên mạng, chúng ta đang có nguy cơ đánh mất khả năng kết nối với những cái lớn hơn trong cuộc sống, khả năng cảm nhận thế giới. Thay vì bình tâm ngắm buổi hoàng hôn lộng lẫy, chúng ta điên cuồng tìm những cái lọc khác nhau để chụp mấy chục cái ảnh, rồi bận rộn chọn một cái "đạt" nhất để post lên, băn khoăn nghĩ một lời tựa hấp dẫn. Thay vì sống trong thế giới thật, người ta bị ám ảnh bởi thế giới ảo.

(Dẫn theo *Tuổi trẻ cuối tuần*, số ra 6/8/2015).

Từ gợi dẫn trên, anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về vẻ đẹp của những khoảng lặng trong cuộc sống.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Thể thơ tự do.

Câu 2. Điểm tương đồng về cảnh ngộ của *người đàn bà* và *đứa trẻ* trong văn bản: Đều là những người cô độc, bất hạnh trong cuộc sống (*người đàn bà* thất lạc con, *đứa trẻ* bị người đời bỏ quên).

Câu 3. Nêu sự chuyển biến tâm trạng của *người đàn bà* trong văn bản.

- Trước khi gặp đứa trẻ: Tâm trạng lầm lũi, chai sạn, thiếu vắng sinh khí, không thiết tha với cuộc sống.

- Sau khi gặp đứa trẻ: Tâm trạng vui vẻ, yêu đời, nguồn vui sống trong tâm hồn được hồi sinh.

Câu 4. Trình bày hiệu quả của biện pháp tu từ tương phản được sử dụng trong dòng thơ: *Bên gốc bàng già trụi lá, những mầm nắng đã hồi sinh.*

- Tương phản về hình ảnh: Gốc bàng già trụi lá (hình ảnh khô cằn, già cỗi, trơ trụi) >< mầm nắng hồi sinh (hình ảnh trong trẻo, tươi sáng, tràn đầy sức sống).

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh sức sống mới đang trỗi dậy mạnh mẽ trong tâm hồn của đối tượng trữ tình (người đàn bà); bộc lộ niềm tin yêu mãnh liệt với con người và cuộc đời.

+ Giúp dòng thơ giàu hình ảnh, sinh động, biểu cảm.

Câu 5. Từ ý nghĩa nhan đề *Hồi sinh*, nêu suy nghĩ về điểm tựa tinh thần của mỗi người trong cuộc sống:

- Ý nghĩa nhan đề: diễn tả sức sống mới, gợi liên tưởng về sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, tốt đẹp.

- Từ ý nghĩa nhan đề của văn bản, học sinh được tự do bày tỏ suy nghĩ của cá nhân về điểm tựa tinh thần của mỗi người trong cuộc sống. Thí sinh nêu suy nghĩ về điểm tựa tinh thần của mỗi người trong cuộc sống; phù hợp đạo đức và pháp luật. Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng:

Điểm tựa tinh thần của mỗi người có thể đến từ người thân yêu trong gia đình, có thể đến từ người cho ta tình thương và sự bình yên. Điểm tựa tinh thần giúp con người tìm thấy động lực, mục đích, ý nghĩa của sự sống; từ đó, cuộc sống trở nên lạc quan, có giá trị hơn.

II. VIẾT

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản "Hồi sinh" (Vân Phi)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Yếu tố miêu tả: *người đàn bà lầm lũi đi về hẻm phố, chiếc nón méo xệ méo xệch, đôi dép mòn mỏng dính vào chân, ánh đèn đường hắt nghiêng mỏi mòn chiếc bóng, đứa bé lẽo đẽo*.

- Vai trò của yếu tố miêu tả:

+ Yếu tố miêu tả khắc họa sinh động, cụ thể dáng vẻ của con người và bối cảnh không gian; từ đó, tô đậm hoàn cảnh khắc khổ, cô độc của người đàn bà và sự côi cút, tội nghiệp của đứa trẻ. Sự đồng cảnh đã tạo nên mối đồng cảm giữa người đàn bà và đứa trẻ, giúp họ nương tựa vào nhau, mang đến yêu thương và nguồn vui sống cho nhau.

+ Yếu tố miêu tả giúp văn bản giàu hình ảnh, sinh động, tăng tính biểu cảm.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *vẻ đẹp của những khoảng lặng trong cuộc sống*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận: *Khoảng lặng* là nơi chốn hoặc khoảnh khắc con người tách mình ra khỏi sự xô bồ tấp nập, đặc biệt là thế giới ảo, để lắng nghe, cảm nhận thấu đáo, tinh tế mọi âm vọng của cuộc sống và thế giới nội tâm của chính mình.

Những khoảng lặng, khoảnh khắc một mình trong thế giới thật vô cùng quan trọng trong việc tạo nên vẻ đẹp cho cuộc sống mỗi người nói riêng, thế giới thật nói chung.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Cuộc sống quanh ta rất diệu kì. Mỗi một khoảnh khắc trôi qua là biết bao giá trị cuộc sống được hình thành, cần con người khám phá, thưởng thức. Việc thưởng thức, khám phá cuộc sống thật sẽ giúp con người mở mang trí tuệ, bồi đắp tâm hồn, di dưỡng tinh thần …

+ *Khoảng lặng* rất cần thiết cho con người, nhất là trong bối cảnh con người phải đối mặt với quá nhiều áp lực, căng thẳng từ nhịp sống hiện đại và từ những cám dỗ trên thế giới ảo. Đó là lúc con người tĩnh tại để cân bằng lại cảm xúc, nhìn lại chặng đường đã qua, suy ngẫm về tương lai phía trước. Từ đó, con người làm mới mình, tái tạo năng lượng, sức khỏe, nhận thức rõ hơn giá trị của bản thân để tiếp tục theo đuổi ước mơ và xây dựng tương lai.

+ *Khoảng lặng* còn giúp tâm hồn và trí tuệ của mỗi người trở nên thư thái, thâm trầm, sâu sắc, chín chắn và trưởng thành hơn, biết tận hưởng cuộc sống, biết nghĩ cho mình và cho người.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: Phê phán những người chìm đắm mê man vào thế giới ảo,

tự đánh mất khả năng kết nối với thế giới thực và khả năng cảm nhận, tận hưởng cuộc sống; k*hoảng lặng* là cần thiết nhưng không có nghĩa là tự tách mình, cô lập mình ra khỏi cuộc sống hoặc ù lì, thụ động, phí hoài thời gian, đặc biệt là tuổi trẻ.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Cần tỉnh táo và nhận thức đúng đắn vai trò, ý nghĩa và những nguy cơ từ thế giới ảo trên mạng xã hội để không bị cuốn vào thế giới ảo mà quên đi thế giới thực; cần tăng cường kết nối, cảm nhận và sống hết mình trong từng phút giây để cảm nhận và tạo nên những vẻ đẹp cho chính tâm hồn mình và cho cuộc đời thực.

ĐỀ SỐ 11

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

TẤT CẢ CHO ĐIỆN BIÊN PHỦ

(Xuân Phượng)

Từ năm 1953, tình hình thay đổi rõ rệt. Những xưởng in bắt đầu ra khỏi hang, làm việc cật lực đêm ngày. Truyền đơn, áp phích, báo chí đua nhau xuất hiện khắp nơi. Chúng tôi cũng ra khỏi rừng và sống với dân. Dọc đường đến nhà in, tôi thấy nhiều người bắt đầu sửa lại những căn nhà bị bom bắn phá. Tại cơ quan, ở giữa phòng có treo một bản đồ, gắn chi chít những lá cờ đỏ sao vàng ở những vùng quân ta thắng trận. Tờ Công Tác Thóc Gạo tăng thêm số trang. Các bạn trong tòa soạn và tôi hầu như liên tục đi trên đường. Lần này đi giữa ban ngày, chúng tôi náo nức chào những đoàn dân công dắt xe đạp thồ gạo, thồ vũ khí cho mặt trận. Vẫy tay chào nhau, hò hát, chúc tụng, cười đùa vang khắp khu rừng. Các kho thóc nhộn nhịp hẳn lên. Có chị vừa thồ 50 kí gạo đến, mặt hồng lên, mắt long lanh, vừa phẩy nón, quạt lấy quạt để: "Em đi một mạch hai chục cây số liền mà không nghỉ đấy chị ạ". Chưa dứt lời đã thấy sáu bảy cô khác đẩy xe đến, những gùi gạo buộc chằng chịt bằng dây cao su đen.

Những con đường ngoằn ngoèo đào nham nhở đã được san lấp. Một chiếc xe tải vượt lên. Chiếc xe đầu tiên tôi thấy sau những năm ở rừng. Xe chạy qua, xăng tỏa ra một mùi thơm đặc biệt. Tôi tựa vào gốc cây, tay giữ chiếc xe đạp và hít lấy hít để hơi xăng.

Đầu năm 1954, anh Hoàng nghỉ phép được hơn một tuần trước khi chuẩn bị vào một trận chiến đặc biệt quan trọng. Vừa tự hào vừa lo lắng cho người sắp ra mặt trận, hai mẹ con tôi nhìn theo chiếc xe command-car đưa anh và hai cần vụ trở về Sư đoàn 351.

Từ nay, vì "Tất cả cho Điện Biên Phủ", mỗi tháng chúng tôi chỉ nhận 8 kilô gạo thay cho 13 kilô trước kia.

Sau này, anh Hoàng kể lại tường tận về cuộc chiến đấu ác liệt này. Anh đã tặng cho tôi một nắm đất của đồi A1, đất màu đen lổn nhổn những mảnh đạn màu xám chì. Bọc đất gói giấy đỏ có chữ màu đen "Đồi A1" luôn được đặt vào vị trí trân trọng nhất trong nhà chúng tôi.

Ngày mùng 8 tháng 5 năm 1954, tôi đang làm việc với hai công nhân in, bỗng tiếng loa vang lên: "Quân ta chiến thắng rồi! Hôm qua chúng ta đã chiến thắng ở Điện Biên Phủ!". Mọi người chạy ùa ra đường. Vài anh dân công đang thồ gạo bỗng vứt cả sọt và đòn gánh, quay xe tức tốc đạp ngược lại. Trên một cung đường nhỏ, chúng tôi nhặt được mấy chục gánh gạo và ba chiếc xe đạp thồ. Tiếng reo hò không biết từ đâu vẳng lại. Tiếng hát vang lên. Tiếng cười và tiếng khóc xen nhau.

Tôi gấp rút hoàn thành tờ báo với dòng chữ được in to, đậm, ngay trang đầu: "Chiến thắng Điện Biên Phủ muôn năm! Quân đội Nhân dân Việt Nam anh hùng muôn năm!". Báo được ra hai số đặc biệt.

(*Gánh gánh… gồng gồng…* - Xuân Phượng,
NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2024, tr.87-89)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc được nhắc đến trong văn bản.

Câu 2. Liệt kê những chi tiết trong văn bản thể hiện tính xác thực của thể loại hồi kí.

Câu 3. Nêu thái độ, tình cảm của tác giả được thể hiện qua đoạn văn:

Sau này, anh Hoàng kể lại tường tận về cuộc chiến đấu ác liệt này. Anh đã tặng cho tôi một nắm đất của đồi A1, đất màu đen lổn nhổn những mảnh đạn màu xám chì. Bọc đất gói giấy đỏ có chữ màu đen "Đồi A1" luôn được đặt vào vị trí trân trọng nhất trong nhà chúng tôi.

Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong những câu văn sau:

Ngày mùng 8 tháng 5 năm 1954, tôi đang làm việc với hai công nhân in, bỗng tiếng loa vang lên: "Quân ta chiến thắng rồi! Hôm qua chúng ta đã chiến thắng ở

Điện Biên Phủ!". Mọi người chạy ùa ra đường. Vài anh dân công đang thồ gạo bỗng vứt cả sọt và đòn gánh, quay xe tức tốc đạp ngược lại. Trên một cung đường nhỏ, chúng tôi nhặt được mấy chục gánh gạo và ba chiếc xe đạp thồ. Tiếng reo hò không biết từ đâu vẳng lại. Tiếng hát vang lên. Tiếng cười và tiếng khóc xen nhau.

Câu 5. Từ sự kiện lịch sử của dân tộc trong văn bản, anh/ chị hãy rút ra một bài học về lẽ sống cho bản thân và thế hệ trẻ hôm nay. (Trả lời khoảng 5-7 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/ chị về một chi tiết trong văn bản *Tất cả cho Điện Biên Phủ* ở phần Đọc hiểu khiến bản thân xúc động nhất.

Câu 2 (4,0 điểm)

Trong cuốn *Lịch sử nước ta* (1942), Hồ Chí Minh có viết:

Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

Từ nội dung của hai dòng thơ trên, anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về trách nhiệm với lịch sử dân tộc của thế hệ trẻ hiện nay.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc được nhắc đến trong văn bản: Chiến thắng Điện Biên Phủ.

Câu 2. Những chi tiết trong văn bản thể hiện tính xác thực của thể loại hồi kí:

- Xác thực về sự kiện: Sự kiện chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Xác thực về nhân vật: Nhân vật "tôi" cũng chính là tác giả, là người công tác tại tòa soạn báo Công Tác Thóc Gạo; nhân vật Hoàng là chồng của nhân vật "tôi". Đây đều là những người thật, việc thật.

- Xác thực về thời gian: tác giả liệt kê cụ thể các mốc thời gian ứng với những sự kiện đi kèm: từ năm 1953, từ đầu năm 1954, ngày 8 tháng 5 năm 1954.

Câu 3. Thái độ, tình cảm của tác giả:

- Xúc động trước nắm đất gợi nhắc cuộc chiến đấu ác liệt, in đậm dấu ấn của sự kiện lịch sử trọng đại: Đồi A1, những mảnh đạn màu xám chì trộn lẫn trong đất.

- Trân trọng, biết ơn sự hi sinh của bao chiến sĩ trong các trận đánh và tự hào trước chiến thắng vẻ vang của dân tộc.

Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong những câu văn:

- Liệt kê được thể hiện qua những câu văn ngắn: tiếng reo hò, tiếng hát, tiếng cười, tiếng khóc.

- Tác dụng: tạo giọng điệu hồ hởi, say mê; tô đậm niềm hạnh phúc lớn lao của dân tộc trong ngày vui chiến thắng.

Câu 5. Học sinh bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của sự kiện lịch sử được nêu trong văn bản và rút ra được bài học về lẽ sống cho bản thân và thế hệ trẻ hôm nay. Có thể theo hướng:

- Văn bản gợi nhắc trang sử vàng vẻ vang về Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", khơi dậy niềm tự hào dân tộc trong mỗi người.

- Bài học về lẽ sống cho bản thân và thế hệ trẻ hôm nay: kiên cường trước khó khăn, thử thách; biết ơn cội nguồn; trách nhiệm với cộng đồng; kế tục xứng đáng sự nghiệp vẻ vang của thế hệ trước;…

(Thí sinh trình bày khoảng 5 - 7 dòng)

II. VIẾT

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày cảm nhận về một chi tiết trong văn bản "Tất cả cho Điện Biên Phủ"*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Nêu chi tiết khiến bản thân xúc động. Có thể chọn một trong các chi tiết sau: chiếc xe tải lần đầu tiên tác giả thấy sau nhiều năm ở rừng; nắm đất Đồi A1;…

- Phân tích, đánh giá ý nghĩa của chi tiết đối với bản thân nói riêng, đối với thế hệ trẻ hôm nay nói chung.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *trách nhiệm với lịch sử dân tộc của thế hệ trẻ hiện nay*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận: lịch sử là những sự kiện trọng đại trong quá khứ, có ý nghĩa đối với đời sống hôm nay; trách nhiệm của thế hệ trẻ với lịch sử dân tộc thể hiện qua nhận thức, ý thức, thái độ, hành động đúng đắn, kế tục truyền thống lịch sử của dân tộc.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Sự hình thành, phát triển của một dân tộc luôn có sự tiếp nối, kế thừa, đồng hiện của quá khứ - hiện tại - tương lai. Vì vậy, lịch sử là một phần không thể thiếu để tạo nên sự tồn tại và phát triển của dân tộc.

+ Việc *dân ta phải biết sử ta* giúp người trẻ - những công dân toàn cầu của thế giới phẳng - giữ được hồn cốt, bản sắc của dân tộc trong tiến trình hội nhập thế giới. Đó là giá trị tinh thần khơi dậy ý thức tự hào, tự cường dân tộc, giúp mỗi người nỗ lực hết mình để khẳng định giá trị bản thân trong sự phát triển của dân tộc.

+ Thế hệ trẻ hôm nay cần phải có nhiều cách thể hiện lòng yêu mến, tự hào đối với lịch sử dân tộc.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: phê phán những người bội bạc quá khứ, quay lưng với lịch sử dân tộc.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: nhận thức được tầm quan trọng của lịch sử đối với việc tạo nên sức sống bất diệt của dân tộc; từ đó, bản thân thêm yêu và tự hào về nguồn cội dân tộc, có kế hoạch rèn luyện, hoàn thiện nhân cách để xứng đáng với truyền thống của dân tộc.

ĐỀ SỐ 12

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

AI BIỂU XẤU

(Nguyễn Ngọc Tư)

"... Bạn diễn đạt hơi thiếu biểu cảm. Giọng bạn đuối đi khi đến cao trào. Một điểm nữa là ngoại hình bạn bị hạn chế. Mà đây là thi Tiếng hát truyền hình chứ không phải tiếng hát phát thanh...". Lời nhận xét này của một thành viên ban giám khảo cuộc thi tiếng hát truyền hình tỉnh trong đêm chung kết. Tôi thấy một chút điếng dại đi thoáng qua trên gương mặt thí sinh, khi giữa sân khấu lấp lóa ánh đèn, trước hàng ngàn người và đông đảo bạn xem truyền hình trực tiếp, anh bị chê... xấu.

Hẳn anh không muốn mình xấu. Hẳn cha mẹ anh cũng không muốn sinh con xấu. Nhưng vào cái lúc vị giám khảo đến từ thành phố văn minh kia "âu yếm" (quả thật vẻ mặt ông rất hồn nhiên) nhận xét về ngoại hình mình, anh sẽ oán giận cuộc đời, oán giận mẹ cha đã tạo ra anh giữa đời này, làm cho anh tới nông nỗi này, chết đứng trên sân khấu. Mà anh vẫn phải gượng gạo cười, chờ người ta chê xong, cảm ơn, và rời sân khấu trên đôi chân không phải của mình, gương mặt không còn là của mình, di chuyển một thân xác đã khô những máu, thân xác cũng không còn là của anh.

Tôi bỗng nghĩ mình may, phải biết hát hò, có khả năng tôi cũng đi thi. Và cái cô Hà Há Ha mang số báo danh Không Không Có cũng bị trời trồng bởi "ngoại hình hạn chế" hay "tên bạn rất không hợp để làm... ca sĩ". Bất ngờ? Không, ta vẫn biết vậy khi nhìn vào gương, khi nghĩ về mình, nhưng ta vẫn đau một cách không kiềm chế. Và ánh đèn đêm đó, vẻ mặt vô tư của vị giám khảo đó, biển người đó, bài ca đó... mãi mãi là nỗi ám ảnh không nguôi được. Chỉ muốn làm cát, làm nước, làm giun dế cho rồi...

Sao ngay từ đầu, trong thể lệ cuộc thi, người ta không đưa ra điều kiện "ngoại hình đẹp" như mấy nhà hàng vẫn thường dán thông báo tuyển tiếp viên. Nhất thiết phải dán mấy cái hình mẫu Jude Law, Lương Triều Vỹ hay Mai Phương Thúy để người ta hiểu đẹp là phải như thế này. Bởi mỗi người có một quan niệm khác nhau về cái đẹp, như tôi, lam lũ, đen đúa, bụi bặm... là đẹp, thì bạn nói bạn thích vẻ dịu dàng, thuần khiết, mỏng manh, sang trọng... Người dự thi, sau khi ngó qua tiêu chí và mấy tấm hình mẫu thì dù có giọng đẹp như Lê Dung, Tuấn

Ngọc, Mỹ Linh cũng ngó lại cái "ngoại hình hạn chế" mà rút lui không nuối tiếc. Để không phải trút tâm huyết gan ruột mình hát cả chục bài, vượt qua bốn năm vòng thi; để không nuôi chút vui, chút hy vọng, khát vọng gì khi qua mỗi ải; để không phải xót lòng nghe người đời hỏi, "ê, sao ba má bạn đẻ bạn xấu vậy?". Để đi qua một giấc mơ dài, chợt tỉnh bất ngờ vì bị dội vào người thứ nước lấy lên từ những dòng sông băng, buốt nhức, cắt da cắt thịt. Tỉnh dậy, để thấy đời buồn vì những chuyện không đâu.

Cảm giác và nói ra cảm giác là hai chuyện khác nhau, một cái là của riêng mình và cái kia tác động đến người khác. Ai cũng nghĩ như vị giám khảo kia, nhưng không phải ai cũng thiếu tế nhị, thừa tàn nhẫn để thể hiện nó bằng lời, công khai giữa đám đông.

Tôi nhớ có lần, bạn bè hỏi tôi sao mà lúc này quan tâm quá nhiều tới nhan sắc. Tôi cười thầm, ngoài miệng nói vậy thôi, chứ thật ra tôi tin là mình cũng... có chút duyên ngầm. Nhưng tin cũng chẳng làm gì, vì tôi biết với "ngoại hình hạn chế", chắc chắn tôi không thể thi "tiếng hát truyền hình" (nếu có giọng ca khá), không thể làm nhân viên tiếp thị (nếu chẳng còn viết văn được nữa), và nếu khó khăn hơn nữa, để nuôi đám con ăn học, tôi cũng không tìm được một chân bưng bê trong quán bia.

Ai biểu xấu?!

(Theo ttps://isach.info/story.php?story=ai_bieu_xau_nguyen_ngoc_tu)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Câu chuyện trong văn bản trên được kể theo ngôi kể thứ mấy?

Câu 2. Trong văn bản, sự kiện nào đã tác động đến tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật *anh* và nhân vật *tôi*?

Câu 3. Anh/ Chị có nhận xét gì về lời văn trần thuật trong đoạn trích sau?

Sao ngay từ đầu, trong thể lệ cuộc thi, người ta không đưa ra điều kiện "ngoại hình đẹp" như mấy nhà hàng vẫn thường dán thông báo tuyển tiếp viên. Nhất thiết phải dán mấy cái hình mẫu Jude Law, Lương Triều Vỹ hay Mai Phương Thúy để người ta hiểu đẹp là phải như thế này. Bởi mỗi người có một quan niệm khác nhau về cái đẹp, như tôi, lam lũ, đen đúa, bụi bặm... là đẹp, thì bạn nói bạn thích vẻ dịu dàng, thuần khiết, mỏng manh, sang trọng... Người dự thi, sau khi ngó qua tiêu chí và mấy tấm hình mẫu thì dù có giọng đẹp như Lê Dung, Tuấn Ngọc, Mỹ Linh cũng ngó lại cái "ngoại hình hạn chế" mà rút lui không nuối tiếc. Để không phải trút tâm huyết gan ruột mình hát cả chục bài, vượt qua bốn năm vòng thi; để không nuôi chút vui, chút hy vọng, khát vọng gì khi qua mỗi ải; để

không phải xót lòng nghe người đời hỏi, "ê, sao ba má bạn để bạn xấu vậy?". Để đi qua một giấc mơ dài, chợt tỉnh bất ngờ vì bị dội vào người thứ nước lấy lên từ những dòng sông băng, buốt nhức, cắt da cắt thịt. Tỉnh dậy, để thấy đời buồn vì những chuyện không đâu.

Câu 4. Việc trích dẫn trực tiếp lời nhận xét của *thành viên ban giám khảo cuộc thi tiếng hát truyền hình* trong phần mở đầu văn bản có tác dụng gì?

Câu 5. Những suy tư của nhân vật *tôi* trong văn bản gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về thái độ cần có của mỗi người khi giao tiếp trong cuộc sống? (trả lời khoảng 5-7 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích điểm nhìn trần thuật trong văn bản *Ai biểu xấu* (Nguyễn Ngọc Tư) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Trong bộ phim *Nhà Bà Nữ* của đạo diễn Trấn Thành, khi bày tỏ quan điểm với mẹ, nhân vật Ngọc Nhi thẳng thắn nói: *Con thà thất bại trong ước mơ của con, còn hơn thành công trong ước mơ của mẹ*.

Câu nói trên gợi cho anh/ chị suy nghĩ gì về khoảng cách thế hệ trong gia đình qua góc nhìn của người trẻ?

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày những suy nghĩ đó.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Câu chuyện trong văn bản trên được kể theo ngôi thứ nhất (người kể chuyện: nhân vật *tôi*).

Câu 2. Sự kiện tác động đến tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật *anh* và nhân vật *tôi*: vị giám khảo đã chê ngoại hình của thí sinh thi hát trong đêm chung kết, trước sự chứng kiến của đông đảo khán giả có mặt trực tiếp và khán giả xem truyền hình.

Câu 3. Nhận xét về lời văn trần thuật trong đoạn trích:

- Lời văn trần thuật xuất hiện dưới dạng lời độc thoại, giọng điệu trữ tình, có sự đan xen, giao thoa giữa tự sự và biểu cảm, giữa lời của người kể chuyện với lời của nhân vật *anh*.

- Lời văn trần thuật bộc lộ rõ tâm tư nặng trĩu, thể hiện thái độ bất bình trước ứng xử thiếu tế nhị, không nhân văn của vị giám khảo trong câu chuyện.

Câu 4. Tác dụng của việc trích dẫn trực tiếp lời nhận xét của *thành viên ban giám khảo cuộc thi tiếng hát truyền hình* trong phần mở đầu văn bản:

- Tạo tình huống bất ngờ, gây ấn tượng mạnh cho người đọc về hành động thiếu tế nhị nơi công cộng của vị giám khảo.

- Bày tỏ thái độ thương cảm của nhân vật *tôi* với nhân vật *anh*; khiến người đọc thấy rõ lối ứng xử vô cảm, thiếu tế nhị của vị giám khảo trong câu chuyện.

Câu 5. Học sinh nêu được suy tư của nhân vật *tôi* trong văn bản và bày tỏ suy nghĩ về thái độ cần có của mỗi người khi giao tiếp trong cuộc sống, đảm bảo đúng yêu cầu về dung lượng (khoảng 5-7 dòng). Suy nghĩ không đi ngược lại với những giá trị nhân văn, đạo đức và pháp luật. Có thể theo hướng sau:

- Suy tư của nhân vật *tôi*: ngoại hình của một người không phải là đối tượng để mang ra đánh giá, miệt thị, nhất là giữa chốn đông người; việc nói ra suy nghĩ khiến người khác bị tổn thương là hành xử kém tinh tế.

- Thái độ cần có của mỗi người khi giao tiếp trong cuộc sống: chân thành, tôn trọng, biết đặt mình vào vị trí của người khác để thấu hiểu, sẻ chia; đừng bao giờ làm tổn thương người khác.

II. VIẾT

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *phân tích điểm nhìn trần thuật trong văn bản "Ai biểu xấu"(Nguyễn Ngọc Tư)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Điểm nhìn trần thuật chủ yếu trong văn bản là điểm nhìn từ nhân vật *tôi*. Đồng thời ở đây có sự dịch chuyển linh hoạt điểm nhìn:

+ Điểm nhìn bên ngoài: miêu tả dáng vẻ của nhân vật *anh* khi bị giám khảo cuộc thi hát công khai chê ngoại hình (*Tôi thấy một chút điếng dại đi thoáng qua trên gương mặt thí sinh, khi giữa sân khấu lấp lóa ánh đèn, trước hàng*

ngàn người và đông đảo bạn xem truyền hình trực tiếp). Đó là dáng vẻ của một người rơi vào trạng thái hụt hẫng, ngơ ngác, ê chề, tổn thương.

+ Điểm nhìn bên trong: nhân vật *tôi* đặt mình vào nhân vật *anh* để thấu hiểu và diễn tả những tâm trạng, cảm xúc của nhân vật; giả định mình vào tình huống tương tự để nói hộ nỗi lòng của người bị phán xét (*Hẳn anh không muốn mình xấu*; *anh sẽ oán giận cuộc đời, oán giận mẹ cha đã tạo ra anh giữa đời này, làm cho anh tới nông nỗi này, chết đứng trên sân khấu*;…). Điểm nhìn bên trong đã khắc họa rõ nét tâm trạng thất vọng, đau đớn của nhân vật *anh*, giúp người đọc thương cảm và đồng cảm với nỗi tê tái trong tâm hồn của nhân vật *anh*.

- Sự dịch chuyển điểm nhìn trần thuật mang đến tính đa thanh đa điệu cho văn bản, góp phần thể hiện rõ nét hoàn cảnh, tâm trạng của nhân vật và thông điệp của văn bản.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ về khoảng cách thế hệ trong gia đình qua góc nhìn của người trẻ*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận:

+ Câu nói của nhân vật Ngọc Nhi: thể hiện thái độ quyết liệt từ chối việc bị áp đặt quan điểm, suy nghĩ của mẹ lên bản thân.

+ Khoảng cách thế hệ: sự cách biệt về tuổi tác, đặc điểm tâm lí, lối sống, nếp nghĩ, tính cách… của những người thuộc các thế hệ khác nhau.

Vấn đề nghị luận: suy nghĩ và hành động của người trẻ trước vấn đề thường gặp trong gia đình - khoảng cách thế hệ giữa ông bà, cha mẹ, con cháu.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Mỗi thế hệ sinh ra và lớn lên trong những bối cảnh khác nhau sẽ có những khác biệt về quan điểm, tính cách. Khi cùng chung sống trong một

gia đình, thường xuyên có những tương tác với nhau, sự khác biệt thế hệ càng thể hiện rõ.

+ Mỗi thế hệ có những điểm mạnh riêng: thế hệ ông bà, cha mẹ giàu kinh nghiệm sống thực tế; thế hệ con cháu nhanh nhạy thích ứng với sự thay đổi của thời đại mới. Mọi sự áp đặt, "đồng hóa" về quan điểm, tư tưởng lên cuộc sống của người khác, thế hệ khác dễ tạo ra những xung đột, mâu thuẫn, khiến khoảng cách thế hệ ngày càng lớn hơn.

+ Để xóa bỏ khoảng cách thế hệ, các thành viên trong gia đình cần tôn trọng, lắng nghe, chia sẻ cùng nhau; có thể tham gia tư vấn, gợi ý nhưng không nên bắt buộc người khác phải làm theo, bởi ai cũng có một cuộc đời để sống và khát khao được sống theo cách bản thân mong muốn.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: mục tiêu của cha mẹ không phải lúc nào cũng mâu thuẫn với mục tiêu của con cái. Vì vậy, không nên chọn góc nhìn cực đoan, phiến diện, phủ định nhau mà cần hướng tới lắng nghe, dung hòa, phát huy điểm mạnh của từng thành viên, vừa tạo sự kế thừa, vừa phát triển những giá trị mới.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: nhận thức được khoảng cách thế hệ trong gia đình là điều khó tránh khỏi nhưng có thể dung hòa được trên cơ sở tình thương và sự tôn trọng, thấu hiểu; chủ động chia sẻ nhiều hơn với thế hệ đi trước để kế thừa kinh nghiệm, tạo cơ hội để các thế hệ thấu hiểu nhau,…

ĐỀ SỐ 13

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Con người đang sống trong thời đại công nghệ, khi mọi thứ thay đổi chóng mặt, điều đó đòi hỏi chúng ta phải linh hoạt trong cách tư duy để bắt kịp xu hướng toàn cầu. Hay nói cách khác, chúng ta cần có một tư duy mở để đón nhận và khai phá kiến thức mới, bởi nếu chúng ta cứ khăng khăng giữ định kiến của mình thì sự phát triển sẽ đi vào ngõ cụt. Vậy làm thế nào để biết được chúng ta đang có loại tư duy nào, đóng hay mở? Và làm thế nào chúng ta nhận ra chúng?

Đã có rất nhiều định nghĩa về một khái niệm định danh nào đó, được các nhà nghiên cứu hoặc những người có kinh nghiệm đúc kết từ xa xưa. Tư duy đóng, tư duy mở là một trong những khái niệm như vậy.

Theo một số nguồn đáng tin cậy, mà chỉ cần một cú click chuột, bạn có thể thấy được đáp án về hai loại tư duy này như sau:

Tư duy đóng (fixed mindset) là tin trí thông minh có sẵn nên có khuynh hướng tránh né thử thách, từ bỏ dễ dàng khi gặp khó khăn, xem việc nỗ lực là vô ích, xem thường những lời phản biện mặc dù có ích cho công việc, cảm thấy bị đe dọa với thành công của người khác. Tư duy đóng còn là dạng tư duy một mực giữ nguyên quan điểm cá nhân và ít khi chấp nhận quan điểm của người khác. Cho dù thông tin có được thay đổi đi chăng nữa, với họ những gì họ biết mãi bất biến.

Trái với tư duy đóng, tư duy mở (growth mindset) là tin trí thông minh có thể phát triển, khuynh hướng của loại tư duy này là chấp nhận thử thách, nếu thất bại sẽ xem như một bài học, xem nỗ lực là con đường dẫn đến thành công, học hỏi từ những phê phán, học hỏi và lấy cảm hứng từ thành công của người khác. Vì vậy, khi bạn có tư duy mở, bạn sẽ thấy sự nỗ lực là cần thiết và phần thưởng là kiến thức (chứ không phải vì điểm số hay để qua môn).

Tư duy mở là tư tưởng tích cực, sẵn sàng tiếp thu những ý tưởng, lập luận và thông tin theo nhiều hướng, có thể khác biệt hoặc mâu thuẫn với quan điểm vốn có của bạn. Khi sở hữu khả năng này, bạn sẽ có cái nhìn đa chiều, từ đó dễ dàng nắm bắt vấn đề cũng như đưa ra những giải pháp hiệu quả. Có được tư duy mở, bạn sẽ mở ra một cánh cửa mới, bước ra khỏi vùng an toàn của bản thân và tạo ra những điều tuyệt vời nhất.

(Nguyễn Anh Dũng, *Tư duy mở*,
NXB Dân trí, 2024, tr.11-13)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Vấn đề trọng tâm được đề cập đến trong đoạn trích là gì?

Câu 2. Các luận điểm trong đoạn trích được sắp xếp theo trật tự nào?

Câu 3. Thao tác lập luận so sánh được sử dụng trong đoạn trích có tác dụng gì?

Câu 4. Đoạn trích thể hiện quan điểm gì của người viết?

Câu 5. Vấn đề nghị luận trong đoạn trích có ý nghĩa như thế nào đối với giới trẻ hiện nay (trả lời khoảng 5-7 dòng)?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1(2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về sự cần thiết phải thích ứng với những thay đổi của cuộc sống.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh tâm trạng của chủ thể trữ tình trong hai đoạn trích sau:

Tương tư thức mấy đêm rồi,
Biết cho ai, hỏi ai người biết cho!
Bao giờ bến mới gặp đò?
Hoa khuê các, bướm giang hồ(1) *gặp nhau*

Nhà em có một giàn giầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng(2)*.*
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?

(Trích *Tương tư*, Nguyễn Bính,
Tuyển tập Nguyễn Bính, NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

Và: *Hằng ngày em nói bao lời*
Với cha, với mẹ, với người xung quanh,
Với đường phố, với cây xanh;
Sao em chưa nói với anh một lời?

Tương tư ăn phải miếng mồi,
Đứng đi trên lửa, nằm ngồi trong sương.
Phải duyên, phải lứa thì thương,
Để chi đêm thẳm ngày trường, hỡi em!

(Trích *Hỏi*, Xuân Diệu,
in trong tập *Tình bạn tình yêu - Thơ*,
NXB Giáo dục, 1987, tr.162)

(1) *Khuê các*: nơi ở của phụ nữ nhà giàu sang, quyền quý; *giang hồ*: chỉ người phiêu dạt nay đây mai đó.

(2) *Cau liên phòng*: giống cau thấp và có quả quanh năm.

Nguyễn Bính và Xuân Diệu là hai nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới. Nguyễn Bính là "thi sĩ của đồng quê", Xuân Diệu là nhà thơ "mới nhất trong các nhà thơ mới" (Hoài Thanh).

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Vấn đề trọng tâm được đề cập đến trong đoạn trích là hai kiểu tư duy của con người (tư duy mở, tư duy đóng) và sự tác động của chúng đối với cuộc sống mỗi người.

Câu 2. Các luận điểm trong đoạn trích được sắp xếp theo trật tự từ khái quát đến cụ thể.

Câu 3. Thao tác lập luận so sánh được sử dụng trong đoạn trích có tác dụng:

- Tạo sự tương phản rõ rệt giữa hai kiểu tư duy để nhấn mạnh vai trò của tư duy mở và tác hại của tư duy đóng.

- Tăng tính thuyết phục cho đoạn trích.

Câu 4. Quan điểm của người viết được thể hiện trong đoạn trích:

- Khuyên mỗi người cần có tư duy mở để thay đổi và phát triển.

- Phê phán kiểu tư duy đóng dễ khiến con người trở nên thiên kiến hẹp hòi, ù lì, chậm phát triển.

Câu 5. Học sinh bày tỏ suy nghĩ cá nhân về ý nghĩa của vấn đề nghị luận trong đoạn trích đối với giới trẻ hiện nay, miễn đảm bảo yêu cầu về dung lượng (trả lời khoảng 5-7 dòng) và nhấn mạnh được tầm quan trọng của tư duy mở. Có thể theo hướng: Thời đại 4.0 chứng kiến sự thay đổi nhanh chóng, mau lẹ của đời sống trên nhiều lĩnh vực. Con người cần có sự thay đổi, linh hoạt, thích ứng nhanh nhạy để hòa nhập và làm chủ được cuộc sống của chính mình. Vì thế, tư duy mở được bàn luận trong đoạn trích có giá trị thiết thực trong việc nâng cao nhận thức của con người, đặc biệt là giới trẻ, về bản thân và cuộc sống.

II. VIẾT

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *sự cần thiết phải thích ứng với những thay đổi của cuộc sống*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Cuộc sống luôn vận động, thay đổi. Con người muốn tồn tại và phát triển cần phải biết thích ứng với guồng quay vận động, thay đổi của cuộc sống.

- Thích ứng với thay đổi giúp con người luôn có bản lĩnh vững vàng, tâm thế chủ động trước những biến động của cuộc sống. Sự thích ứng còn đồng thời đặt ra thử thách đòi hỏi con người không ngừng hoàn thiện, phát huy sức mạnh nội tại, kiến tạo và khẳng định giá trị của bản thân trong cuộc sống.

- Nếu không thích ứng với thay đổi của cuộc sống, con người trước sau gì cũng sẽ bị "đào thải".

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *so sánh, đánh giá tâm trạng của chủ thể trữ tình trong hai đoạn trích "Tương tư" (Nguyễn Bính) và "Hỏi" (Xuân Diệu)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

- Điểm giống nhau: đều thể hiện nỗi nhớ nhung, mong ước hạnh phúc lứa đôi trong tình yêu của chàng trai.

- Điểm khác nhau:

+ Chủ thể trữ tình trong đoạn trích *Tương tư* của Nguyễn Bính sử dụng cách nói xa xôi, bóng gió qua đại từ phiếm chỉ "ai", cặp hình ảnh *bến - đò*, *hoa khuê các - bướm giang hồ*, *giầu - cau* để giãi bày nửa trực tiếp, nửa gián tiếp nỗi nhớ mong, mơ ước về tình yêu và hạnh phúc.

+ Chủ thể trữ tình trong đoạn trích *Hỏi* của Xuân Diệu chọn cách giãi bày trực tiếp, vừa hờn trách vừa thổ lộ mong ước chung đôi và thuyết phục người mình thương nên duyên đôi lứa (*Sao em chưa nói với anh một lời*?; *Phải duyên, phải lứa thì thương/ Để chi đêm thẳm ngày trường, hỡi em!*)

- Lí giải sự tương đồng và khác biệt:

+ Sự tương đồng về tâm trạng của chủ thể trữ tình bắt nguồn từ khát vọng muôn thuở về tình yêu của nhân loại - khát vọng hạnh phúc lứa đôi.

+ Sự khác biệt bắt nguồn từ cảm hứng, phong cách sáng tác của hai nhà thơ: Nguyễn Bính là nhà thơ mang đậm hồn quê, tình quê nên tâm tình

lẫn bối cảnh bộc bạch tâm tình đều in đậm chất quê, tình quê; Xuân Diệu là "nhà thơ mới nhất trong những nhà thơ mới" (chữ dùng của Hoài Thanh) nên có sự táo bạo, mới mẻ, trực tiếp khi giãi bày tình yêu đôi lứa.

ĐỀ SỐ 14

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Mỗi mùa xong Tết, con rời núi
Mang cả mùa xuân xuống thị thành
Con là đứa trẻ lo bến cuối
Thế nào nước mắt cũng vòng quanh.

Tạ ơn cuộc sống, con còn đó
Một mảnh quê hương để trở về
Để mai trong lúc bơ vơ nhất
Điện thoại đầu kia có người nghe.

Ngày mai xa núi, câu mẹ nhắc
Đổi hết khôn ngoan, giữ lấy lòng
Đời coi vậy chứ bao dung lắm
Tâm thành, ai nỡ để về không.

Ngày mai xa núi, ba không nói.
Ba chỉ im thinh. Nói cả rồi.
Bây giờ con lớn, thôi con bước
Có té đau thì gọi "ba ơi!"

Con đi chắc cũng qua dăm bể
Cũng mấy trăm sông, vạn núi rồi
Trước ba mẹ vẫn như đứa trẻ
Đi mà bịn rịn mãi vành nôi.

(Nguyễn Thiên Ngân, *Có người sực tỉnh cơn mơ…*,
NXB Văn hóa - Văn nghệ, 2018, tr.95)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những dòng thơ trong văn bản có sử dụng biện pháp tu từ so sánh.

Câu 3. Nêu tác dụng của việc sử dụng các yếu tố tự sự trong văn bản.

Câu 4. Nhận xét sự vận động của mạch cảm xúc ở nhân vật trữ tình trong văn bản.

Câu 5. Từ cảm xúc của nhân vật trữ tình khi rời quê, anh/chị hãy nêu suy nghĩ về vai trò của nguồn cội đối với mỗi người trong cuộc sống (trả lời khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tình cảm của nhân vật trữ tình trong văn bản sau:

Ta đi sắp hết nửa đường khôn lớn
Mới nhận ra thơ ấu quá nhiệm màu
Những câu hát quen từ thời bé dại
Có ai ngờ che chở suốt mai sau

(Nguyễn Thiên Ngân, *Có người sực tỉnh cơn mơ…*,
NXB Văn hóa - Văn nghệ, 2018, tr.93)

Câu 2 (4,0 điểm).

Bàn về sự không hoàn hảo của con người và cuộc sống, cổ nhân có câu: *Kim vô túc xích, nhân vô thập toàn* (vàng chẳng thể thuần khiết, con người không có ai hoàn hảo).

Leonard Norman Cohen, huyền thoại âm nhạc và là tiểu thuyết gia nổi tiếng của Canada cũng chia sẻ: *Vạn vật đều có vết nứt, đó chính là nơi ánh sáng chiếu vào*.

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về thái độ cần có trước những điều không hoàn hảo của con người và cuộc sống.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Nhân vật trữ tình trong văn bản: người con của vùng rừng núi rời quê xuống phố.

Câu 2. Những dòng thơ trong văn bản có sử dụng biện pháp tu từ so sánh:

Con đi chắc cũng qua dăm bể
Cũng mấy trăm sông, vạn núi rồi
Trước ba mẹ vẫn như đứa trẻ
Đi mà bịn rịn mãi vành nôi.

Câu 3.

- Yếu tố tự sự trong văn bản: có sự kiện, nhân vật và lời của nhân vật (sự kiện: người con rời quê xuống phố; nhân vật: người con, mẹ và cha; lời của nhân vật: những lời dặn dò của mẹ, cha với con).

- Tác dụng của các yếu tố tự sự trong văn bản:

+ Tái hiện chân thực, sinh động những lời dặn dò của mẹ cha với người con rời nhà, rời quê lên phố.

+ Tô đậm tình yêu thương của cha mẹ với con và niềm mong mỏi về sự trưởng thành, chân thật, tự lập của con khi xa nhà; bộc lộ tình thương yêu, kính trọng của con đối với mẹ cha.

Câu 4. Nhận xét sự vận động của mạch cảm xúc ở nhân vật trữ tình trong văn bản.

- Sự vận động của mạch cảm xúc ở nhân vật trữ tình trong bài thơ:

+ Rưng rưng xúc động khi rời núi xuống thị thành;

+ Thấm thía những lời dạy bảo, căn dặn của mẹ cha;

+ Bịn rịn, luyến lưu không nỡ rời xa;

+ Cảm thấy mình đã đi nhiều, đã từng trải nhưng luôn bé nhỏ trước ba mẹ.

- Sự vận động của mạch cảm xúc ở nhân vật trữ tình tạo được đồng cảm nơi người đọc, khơi lên ở người đọc tình thương yêu dành cho gia đình, quê hương.

Câu 5.

- Cảm xúc của nhân vật trữ tình: biết ơn, yêu thương, gắn bó với gia đình, quê hương.

- Suy nghĩ về vai trò của nguồn cội đối với mỗi người trong cuộc sống: học sinh tự do bày tỏ suy nghĩ cá nhân, miễn đảm bảo về dung lượng (khoảng 5-7 dòng) và không trái với đạo đức, pháp luật. Có thể theo hướng: nguồn cội cho ta sự sống và chốn bình yên để hướng về; nguồn cội nâng đỡ, chở che và tiếp thêm sức mạnh tinh thần để mỗi người vượt qua

những khó khăn trong cuộc sống; nguồn cội góp phần quan trọng tạo nên bản sắc cá nhân;…

II. VIẾT

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích tình cảm của nhân vật trữ tình trong văn bản*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Hoài niệm, tiếc nuối về một thời tuổi thơ đã trôi xa; nâng niu vẻ nhiệm màu của quãng đời thơ ấu. Khi đã *đi sắp hết nửa đường khôn lớn*, đã nếm trải những cảm xúc vui buồn của một người trưởng thành, nhân vật trữ tình *ta* mới *nhận ra thơ ấu quá nhiệm màu*. Những kỉ niệm của một thời thơ bé càng đẹp, càng lung linh hơn trong nỗi nhớ và niềm tiếc của nhân vật *ta*. Càng tiếc nuối những điều không thể trở lại, con người càng trân trọng, nâng niu từng kỉ niệm đã qua.

- Cảm giác bình an khi quay về nương náu trong những kí ức của thời thơ bé. *Những câu hát quen từ thời bé dại/ Có ai ngờ che chở suốt mai sau*. Những kí ức trong veo, ngây thơ từ thời bé dại như điểm tựa tinh thần vững chắc để con người "vịn" vào những khi lòng hoang hoải, giúp con người tìm thấy được cảm giác bình an và sự chở che.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị *luận thái độ cần có trước những điều không hoàn hảo của con người và cuộc sống*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

***** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận:

+ Ý kiến của cổ nhân: mọi thứ trên đời đều không hoàn hảo.

+ Ý kiến của Leonard Cohen: những khiếm khuyết, hạn chế của vạn vật sẽ là cơ hội để vạn vật khao khát hoàn thiện mình.

Thông điệp cuộc sống: hãy biết chấp nhận, tận hưởng vẻ đẹp không hoàn hảo của cuộc sống nói chung, của chính bản thân mình, trong mọi khoảnh khắc của đời sống.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ "Nhân vô thập toàn", vạn vật trên đời đều không hoàn hảo, không toàn mĩ, toàn thiện. Mọi thứ luôn vận động, biến đổi không ngừng trong dòng chảy trôi âm thầm của thời gian. Khát vọng chạm đến vẻ đẹp vĩnh cửu, tuyệt đối, vĩnh viễn hóa những khoảnh khắc tươi đẹp thăng hoa của con người là điều không thể.

+ Biết chấp nhận, tận hưởng vẻ đẹp không hoàn hảo giúp con người sẽ dễ dàng tìm thấy cảm giác hài lòng với mọi thứ xung quanh, an hòa với mọi người, làm bạn với chính mình, an nhiên trong cuộc sống. Từ đó, con người có được hạnh phúc bình yên.

+ Trân trọng vẻ đẹp không hoàn hảo giúp con người có cái nhìn thấu hiểu, bao dung, đồng cảm với khuyết điểm, sai lầm của người khác. Từ đó, mối quan hệ giữa người với người bền chặt, chân thành.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: Chấp nhận, trân trọng vẻ đẹp không hoàn hảo không có nghĩa là an phận thủ thường, thiếu tinh thần cầu thị, cầu tiến, thiếu ý thức hoàn thiện bản thân,…

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: chấp nhận con người mình, kể cả những điểm chưa hoàn hảo; bao dung với người; nỗ lực hoàn thiện chính mình; không chạy theo vẻ đẹp hào nhoáng, hư ảo;…

ĐỀ SỐ 15

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

CƠN CUỒNG NỘ CỦA THIÊN NHIÊN HAY THẢM HỌA 'NHÂN TAI'?

Khi bão lũ đi qua, để lại cho chúng ta những cảm nhận nồng ấm của tình người, nhưng cũng để lại bộn bề âu lo trong tái thiết cuộc sống. Và, còn để lại những câu hỏi đau đáu, đòi hỏi phải được trả lời một cách sòng phẳng, vì sao thiên nhiên nổi giận?

Đó có thực sự chỉ là thiên tai, hay là hậu quả tất yếu của một chuỗi liên hoàn những tác động tiêu cực lâu nay?

Một tháng với người miền Trung dài hơn cả một cơn ác mộng. Khi chúng ta ngồi bình tĩnh cùng nhau, để nhìn lại xem vì sao thiên nhiên lại giận dữ, thì nhiều người miền Trung vẫn chưa thể quay trở lại cuộc sống bình thường, sau những gì đã diễn ra.

Sự dị thường của thời tiết là một thực tế. Kết cấu đặc biệt của địa chất đã được giải thích, nhưng có mối liên hệ nào ở đây, khi chỉ trong trong tháng 9 và tháng 10 năm 2020, bão lũ, sạt lở đất ở các tỉnh miền Trung đã làm 242 người chết và mất tích, gây thiệt hại tới 28.800 tỷ đồng; còn theo số liệu mới công bố của tổ chức hợp tác phát triển Đức GIZ về môi trường, biến đổi khí hậu, nông nghiệp, trên toàn lãnh thổ Việt Nam, những cánh rừng nguyên sinh còn nguyên chỉ vỏn vẹn 0,25%?

Không phải khi lũ chồng lũ và sạt lở đất liên tiếp xảy ra ở miền Trung, câu chuyện về rừng, về thủy điện mới được bàn đến, mà trước đó, nó đã tốn không ít giấy mực, gây ra nhiều cuộc tranh luận nảy lửa. Và trong khi những giải pháp quyết liệt vẫn chưa thấy rõ, thì cái giá phải trả đã quá sức chịu đựng của con người.

Trong 20 năm qua, Việt Nam đón không biết bao nhiêu cơn bão, trận lũ lớn nhỏ. Đó cũng là khoảng thời gian mà các dự án thủy điện nhỏ ồ ạt được cấp phép, xây dựng ở các quy mô khác nhau; cùng với nhu cầu phát triển của hạ tầng và tình trạng chặt phá rừng chưa được ngăn chặn triệt để, đã khiến hàng chục nghìn hecta rừng đầu nguồn biến mất.

[…]

Rồi nước lũ cũng tạm rút. Rồi người dân cũng phải gượng dậy làm lại cuộc đời, dẫu mất mát đau thương. Nhưng, bão lũ đi qua, bình tĩnh nhìn lại, có một thực tế sòng phẳng cần được nhìn nhận: đó là, con người đã tàn phá, xâm hại tới thiên nhiên quá nhiều, gây tổn thương cho thiên nhiên quá nhiều, để rồi cơn thịnh nộ của thiên nhiên có thể giáng xuống bất cứ lúc nào.

Và, như lời đại biểu Dương Trung Quốc, sẽ không chỉ là thảm họa của ngày hôm nay mà còn là "di họa" cho đời sau, nếu chúng ta không thay đổi./.

(Dẫn theo https://vovgiaothong.vn/con-cuong-no-cua-thien-nhien-hay-tham-hoa-nhan-tai-d14296.html, 11/02/2021)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định nội dung chính của sa pô trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra dữ liệu thứ cấp được sử dụng trong văn bản.

Câu 3. Nêu thái độ và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản.

Câu 4. Nêu tác dụng của phép điệp được sử dụng trong đoạn văn sau:

Rồi nước lũ cũng tạm rút. Rồi người dân cũng phải gượng dậy làm lại cuộc đời, dẫu mất mát đau thương. Nhưng, bão lũ đi qua, bình tĩnh nhìn lại, có một thực tế sòng phẳng cần được nhìn nhận: đó là, con người đã tàn phá, xâm hại tới thiên nhiên quá nhiều, gây tổn thương cho thiên nhiên quá nhiều, để rồi cơn thịnh nộ của thiên nhiên có thể giáng xuống bất cứ lúc nào.

Câu 5. Nhận xét ý nghĩa của nội dung thông tin trong văn bản đối với bối cảnh hiện nay (trả lời khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về những việc cần làm để bảo vệ môi trường.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ sau:

Có cô bé ngồi bên cửa sổ
Ngắm sáng mùa hè đi qua
Mùa hè xanh thẳm trên tầng lá
Ve kêu ran cây ổi trước hiên nhà.

Có thiếu nữ ngồi bên cửa sổ
Ngắm trưa mùa hè đi qua
Mùa hè đỏ rực như màu lửa
Biết bao nhiêu lời say đắm thật thà.

Có thiếu phụ ngồi bên cửa sổ
Ngắm chiều mùa hè đi qua
Mùa hè vàng úa như xác rạ
Biết bao nhiêu trang nhật ký đã nhòa.

Có bà lão ngồi bên cửa sổ
Ngắm tối mùa hè đi qua
Mùa hè ngọn gió màu rất lạ
Biết bao người yêu dấu đã rời xa.

(Tạ Anh Thư, *Mùa hè*,
dẫn theo https://voh.com.vn/song-dep/tho-ve-mua-he-427191.html)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Nội dung chính của sapo trong văn bản:

- Tình người nồng ấm và bộn bề âu lo của con người khi bão lũ đi qua;
- Câu hỏi lớn về nguyên nhân gây ra tình trạng thiên tai.

Câu 2. Dữ liệu thứ cấp được sử dụng trong văn bản: *theo số liệu mới công bố của tổ chức hợp tác phát triển Đức GIZ về môi trường, biến đổi khí hậu, nông nghiệp, trên toàn lãnh thổ Việt Nam, những cánh rừng nguyên sinh còn nguyên chỉ vỏn vẹn 0,25%.*

Câu 3. Thái độ và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản:

- Lên án những hành động tàn phá môi trường thiên nhiên.
- Kêu gọi mọi người phải chung tay bảo vệ thiên nhiên để tránh hậu họa khôn lường do thiên nhiên gây ra cho con người hôm nay và mai sau.

Câu 4.

- Phép điệp: *Rồi… Rồi…; quá nhiều…, quá nhiều…*
- Tác dụng của phép điệp: nhấn mạnh sự tổn thương và cuồng nộ của thiên nhiên trước các hành động tàn phá, xâm hại thiên nhiên của con người; tạo giọng điệu, tăng tính biểu cảm cho đoạn trích.

Câu 5. Học sinh tự do bày tỏ suy nghĩ cá nhân, miễn đảm bảo dung lượng (khoảng 5-7 dòng) và làm rõ ý nghĩa của nội dung thông tin trong văn bản đối với bối cảnh hiện nay. Có thể theo hướng: những tác hại nghiêm trọng của hành động tàn phá, xâm hại thiên nhiên đã gióng lên hồi chuông cảnh báo con người về sự cần thiết phải dừng ngay các hành động tàn phá ấy, phải chung tay bảo vệ môi trường để tránh hậu họa. Đây là vấn đề có ý nghĩa thời sự.

II. VIẾT

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm

bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *về những việc cần làm để bảo vệ môi trường*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Nâng cao nhận thức của con người về vai trò của môi trường thiên nhiên đối với sự sống của con người.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường bằng hành động thiết thực, ý nghĩa: không xả rác nơi công cộng; phân loại rác tại nguồn; trồng thêm nhiều cây xanh; hạn chế rác thải nhựa;…

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích, đánh giá chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ "Mùa hè" (Tạ Anh Thư)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát về đề tài, mạch cảm xúc của bài thơ.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

Thể hiện cảm nhận, đánh giá vê bài thơ trên hai phương diện: chủ đề và đặc sắc nghệ thuật. Có thể trình bày theo hướng:

- Chủ đề: Qua bức tranh thiên nhiên mùa hè, tác giả thể hiện những suy tư, chiêm nghiệm về con đường đời của con người nói chung, của người phụ nữ nói riêng. Mạch thơ vận động từ *buổi sáng mùa hè sang buổi trưa mùa hè*, *buổi chiều mùa hè và buổi tối mùa hè*. Bốn thời khắc khác nhau trong cùng một ngày hè gắn với bốn hình ảnh: *cô bé*, *thiếu nữ*, *thiếu phụ*, *bà lão*. Sự đăng đối, song hành giữa thời gian với con người gợi cho mỗi người suy tư sâu sắc về sự chảy trôi nhanh chóng của thời gian, về lẽ đổi thay vô thường của đời người. Chính cảm thức về thời gian và đời người của nhân vật trữ tình trong bài thơ đã giúp mỗi người biết trân trọng hơn thời gian, sự sống.

- Đặc sắc nghệ thuật:

+ Thể thơ bảy chữ, nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng.

+ Từ ngữ giản dị, gần gũi.

+ Hình ảnh quen thuộc, gắn bó với cuộc sống đời thường nhưng giàu sức gợi, chứa đựng triết lí sâu xa về con người và cuộc đời.

+ Liên tưởng phong phú, sử dụng hiệu quả phép điệp cấu trúc, phép so sánh.

+ Bố cục độc đáo thể hiện sự qua mạch vận động song hành giữa các chặng đời của người phụ nữ với các thời khắc khác nhau của mùa hè: cô bé - sáng mùa hè; thiếu nữ - trưa mùa hè; thiếu phụ - chiều mùa hè; bà lão - tối mùa hè.

ĐỀ SỐ 16

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

THƯ GỬI MẸ

(Nguyễn Quang Thiều)

Hoàng hôn nào con cũng trở về
Cửa ngõ nhà mình không khép
Trong suốt tháng Mười của Mẹ
Vầng mây tía bay qua
Con nghe thấy Mẹ gọi

Hoa mẫu đơn mỗi mùa nở nhiều hơn
Chỉ cải vàng đã tắt
Từ ngày Mẹ đi xa
Không còn ai gieo hạt.

Con giờ đã là một ông già
Cô đơn theo cây mùa rụng lá
Một ông già lạc Mẹ
Trên lối mòn đầy bóng tối thời gian

Áo xưa Mẹ vẫn còn đây
Đêm đêm con mặc vào ký ức

Nhưng ký ức không lớn lên
Còn con thì già mãi

Và sau mỗi hoàng hôn Mẹ gọi
Con lại thấy mình bé đi
Bé cho đến một ngày
Được trở về nằm trong bụng Mẹ

(*Nhật ký người xem đồng hồ*,
Nguyễn Quang Thiều, NXB Hội Nhà văn, 2023, tr.89)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra hoàn cảnh của nhân vật trữ tình trong văn bản.

Câu 2. Liệt kê những từ ngữ chỉ thời gian xuất hiện trong văn bản.

Câu 3. Cho biết tác dụng của nghệ thuật tương phản được sử dụng trong khổ thơ sau:

Áo xưa Mẹ vẫn còn đây
Đêm đêm con mặc vào ký ức
Nhưng ký ức không lớn lên
Còn con thì già mãi

Câu 4. Nêu tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Từ kí ức về Mẹ của nhân vật trữ tình trong văn bản, anh/chị hãy nêu giá trị của kí ức đậm sâu trong cuộc đời mỗi người (trả lời khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/ chị về thời gian nghệ thuật trong văn bản *Thư gửi Mẹ* (Nguyễn Quang Thiều) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm). Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về vấn đề định vị bản thân của người trẻ trong thế giới hơn 8 tỉ người hiện nay.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu 1. Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình: người con cô độc vì mất Mẹ.

Câu 2. Những từ ngữ chỉ thời gian xuất hiện trong văn bản: hoàng hôn, tháng Mười, mùa rụng lá, đêm đêm.

Câu 3. Tác dụng của nghệ thuật tương phản trong khổ thơ:

- Tô đậm nỗi nhớ Mẹ da diết của nhân vật trữ tình; nhấn mạnh triết lí về tình cảm mẹ con, về cuộc đời: càng lớn tuổi, con người càng không nguôi nhớ những kỉ niệm thời thơ bé, đặc biệt là những kỉ niệm về Mẹ.

- Tăng tính sinh động, biểu cảm cho khổ thơ.

Câu 4. Tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong văn bản:

- Tâm trạng của nhân vật trữ tình: cô đơn, lạc lõng; nhớ thương, hồi tưởng; khao khát quay trở về ngày xưa để được có Mẹ.

- Tâm trạng của nhân vật trữ tình đã thể hiện xúc động nỗi bất hạnh lớn của đời người: mất Mẹ.

Câu 5. Học sinh bày tỏ suy nghĩ cá nhân, bảo đảm yêu cầu về dung lượng (khoảng 5-7 dòng) và trình bày được kí ức về Mẹ của nhân vật trữ tình trong văn bản và giá trị của kí ức đậm sâu trong cuộc đời mỗi người. Có thể theo hướng:

- Kí ức về Mẹ của nhân vật trữ tình: kí ức vẹn nguyên, không bao giờ phai nhòa qua năm tháng. Kí ức thể hiện tình yêu thương và nỗi nhớ Mẹ quay quắt, khắc khoải của người con.

- Vai trò của kí ức đậm sâu trong cuộc đời mỗi người: ai cũng có những kí ức sâu sắc trong cuộc sống. Kí ức ấy sẽ là điểm tựa tinh thần nâng đỡ mỗi người trong cuộc sống, giúp con người biết trân quý hơn từng khoảnh khắc trong cuộc đời,…

II. VIẾT

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày cảm nhận về thời gian nghệ thuật trong văn bản "Thư gửi Mẹ" (Nguyễn Quang Thiều)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Thời gian nghệ thuật không chỉ có chức năng biểu hiện thời gian vật lí mà còn góp phần tô đậm cảm xúc của nhân vật trữ tình.

- Hệ thống từ ngữ chỉ thời gian trong văn bản gợi liên tưởng đến hoàn cảnh, tâm trạng của nhân vật trữ tình:

+ *hoàng hôn*: thời khắc ngày tàn, khi không gian bắt đầu tĩnh lắng, con người bắt đầu tìm về với tổ ấm sau ngày dài mệt nhoài với công việc bên ngoài. Đây là thời gian của tâm trạng, cảm xúc, bởi nó dễ khiến con người ý thức sâu sắc hơn sự cô đơn, cô độc của mình.

+ *đêm đêm*: thời gian tô đậm những trằn trọc, suy tư đến mất ngủ, phù hợp với việc diễn tả nỗi nhớ thương khắc khoải của con hướng về Mẹ.

+ *mùa rụng lá*: vừa chỉ một mùa cụ thể trong năm, vừa gợi liên tưởng đến sự xơ xác, tiêu điều của thiên nhiên hay cũng chính là nỗi trống vắng, xao xác trong lòng người con khi mất Mẹ.

- Thời gian nghệ thuật tái hiện cụ thể về vòng đời của một con người từ thuở nằm trong bụng mẹ đến khi thành đứa trẻ, rồi trưởng thành và già đi, tất cả trôi qua rất nhanh. Càng gọi nhiều, nhớ nhiều về mẹ thì con càng trở nên thơ trẻ. Khi được trở về nằm trong bụng mẹ cũng là lúc con đã đi trọn vòng đời.

- Thời gian nghệ thuật tạo sức gợi cho văn bản, góp phần bộc lộ sâu sắc nỗi niềm nhớ Mẹ của nhân vật trữ tình.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề *định vị bản thân của người trẻ trong thế giới hơn 8 tỉ người hiện nay*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

***** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

***** Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận: Định vị bản thân giữa thế giới hơn 8 tỉ người là xác định rõ ràng vị trí của bản thân trong cuộc sống, tự khẳng định giá trị bản thân trong bức tranh toàn cầu.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Mỗi con người hiện hữu trong cuộc đời đều có hoàn cảnh riêng, giá trị riêng, sứ mệnh riêng. Việc xác định được mình là ai, đang ở đâu, cần làm gì trong cuộc đời này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp mỗi người hiểu chính mình, hiểu bối cảnh xung quanh, nỗ lực không ngừng để khẳng

định giá trị, ghi dấu bản thân trong cuộc đời. Từ đó, mỗi người đánh thức và phát huy tối đa sức mạnh nội tại của bản thân, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng, góp phần tạo nên hạnh phúc cho chính mình và mọi người.

+ Định vị bản thân là tự nhận thức đúng đắn đặc điểm tâm sinh lí của chính mình, tự ý thức cao độ năng lực đặc biệt, sở trường, sở đoản của bản thân, tự xác định những giá trị văn hóa, tinh thần mà bản thân theo đuổi, dựng xây, gìn giữ. Từ đó, trả lời được ba câu hỏi lớn: Bản thân mình là ai? Phù hợp với lựa chọn nghề nghiệp gì, công việc nào? Thật sự hạnh phúc khi được thõa mãn những giá trị vật chất và tinh thần như thế nào?

+ Định vị bản thân là sự tự thức tỉnh, luôn khao khát những giá trị cao đẹp, luôn mong muốn được ghi nhận, trân trọng, luôn phấn đấu nỗ lực hết mình để sống trọn vẹn từng khoảnh khắc.

+ Hiện nay, khoa học công nghệ phát triển, nhân quyền và dân quyền được đề cao, con người được tạo mọi điều kiện tốt nhất để khẳng định bản thân trong thế giới phẳng 8 tỉ người. Nhu cầu định vị bản thân thôi thúc mỗi người khát khao hành động để khẳng định mình.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: Định vị bản thân phải đi liền với sự lan tỏa những giá trị tốt đẹp của bản thân đến cộng đồng.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Tích cực tạo dựng giá trị thực chất cho bản thân ("Hữu xạ tự nhiên hương"), chủ động lựa chọn phương thức phù hợp để lan tỏa giá trị bản thân đến cộng đồng.

ĐỀ SỐ 17

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Hòa thân!

Cậu đã rất tha thiết yêu cầu tớ kể lại tất cả những gì diễn ra trong quân ngũ để cậu có vốn sống đưa vào trang viết cho sinh động. Tớ đã định cầm bút mấy lần nhưng chưa biết bắt đầu từ đâu cả. Hãy nói về cái gọi là tiểu đội nhé. Một tiểu đội có chín người. (Nhóm "Cửu hùng" của chúng mình cũng có chín người và nếu cần chiến đấu cũng chiến đấu ra trò phải không?). Chín con người này được trang bị súng ống, được dạy cách phòng ngự và tấn công, được giáo dục về tinh thần đoàn kết, được học tập và thục luyện một cách bài bản về kiến thức quân sự. Vậy

mà tớ đã rất khó khăn để làm quen với tám con người còn lại. Cả tiểu đội chỉ có mình tớ biết nhảy Pop, mình tớ hát được tiếng Anh, mình tớ biết chơi đàn và mình tớ có niềm kiêu hãnh của một đứa con trai phố. Tám đồng chí còn lại là tám trai làng chính cống. Họ vào lính tự nhiên như cậu vào đại học vậy. Bộ quân phục khoác trên người họ vừa khít và đẹp đẽ lạ thường. Tớ cảm thấy lạc lõng giữa không gian đậm đặc tiếng nói cười. Nhưng chỉ ba ngày sau đó tớ nhận ra một điều là khi tất cả cởi trần lao xuống suối tắm, tớ không khác gì họ. Thậm chí còn mặc cảm trước họ về độ vồng của cơ bắp, độ tràn trề về sinh lực, độ rắn rỏi của màu da. Tớ thấy mình nhỏ bé và yếu đuối hơn họ. Nếu con suối rộng hơn chút nữa chắc tớ sẽ không thể bơi được sang bờ bên kia. Đi trong hàng quân dài dằng dặc tớ chẳng còn gì để khẳng định sự vượt trội của mình. Giày khủng bố, quần bò, áo da, dây chuyền nanh hổ, ống phôn và cả những bài hát tiếng Anh chẳng có ý nghĩa gì giữa những vạt đồi nắng sém như thế này. Đất ở đây cằn cỗi, những buổi tập của chúng tớ rất nặng nề và luôn bị chi phối bởi kỉ luật khe khắt. Dọc đường hành quân của chúng tớ hoa săng đắng mọc đầy cản lối toả mùi hương hăng hắc. Loài hoa này lạ lắm. Tên hoa đã nói lên sự tích tụ trong nó những nắng, những gió, những hương vị của một miền đồi núi khắc nghiệt. [...]

Bây giờ thì tớ đã trở lại đơn vị sau năm ngày nghỉ phép. Hoa săng đắng mọc nhiều vô kể. Săng đắng chỉ đẹp khi nó đứng thành vạt tím thẫm cả mảng đồi. Nhựa săng đắng lại có ích cho những vết thương nhỏ trên đường hành quân. Tớ đã có hơn một lần vấp ngã và săng đắng đã hơn một lần cầm máu, sát trùng cho những vết sây sát trên cơ thể của tớ. Nói đến săng đắng tớ lại nghĩ đến những giò lan công nghiệp. Chúng mình thường đi sinh nhật bạn bè bằng những cành hoa phi tự nhiên như thế. Một giò lan được nuôi trồng cực kì cẩn thận. Khi đẻ được mấy nhành hoa thì những con người văn minh ở thành phố lại cấu nó ra, cắm vào những cái lẵng bằng song khô, cho đó là biểu tượng của cái đẹp quý tộc của tình bạn, của những mối quan hệ đang lên men. Tớ đang nói với cậu về cảnh đẹp nơi tớ đóng quân nhưng hình như săng đắng chưa nói lên được điều gì phải không? Tớ định kể tiếp cho cậu nghe về phong cảnh và thời tiết khắc nghiệt ở đây, cả chuyện súng ống và chuyện diễn tập ở thao trường. Nhưng lúc này lá thư viết dở tạm phải gấp lại để theo tớ di chuyển đến một vùng đất mới. Cả đơn vị tớ có nhiệm vụ bảo vệ một khúc đê dài hơn hai mươi cây số. Cậu có hiểu thế nào là vỡ đê và nỗi khủng khiếp do nó gây nên? Nắng đã kể cho tớ nghe chuyện vỡ đê mà nỗi kinh hoàng vẫn còn in đậm cho đến tận ngày hôm nay. Cậu thử hình dung xem cả thành phố của chúng mình bỗng chốc ngập mình trong màn nước mênh mông trắng xoá? Không, ở thành phố thì khó hình dung ra điều đó lắm. Tớ lại nghĩ đến một con quái vật đang tiến vào cửa ô, mỗi bước chân của nó sẽ xoá sổ cả một dãy

phố dài. Khi mà đài phát thanh báo động đến từng nhà điều khủng khiếp ấy thì những người như anh chàng Hợi hàng xóm của tớ sẽ làm gì nhỉ? Làng quê của Nắng không chỉ một lần thuỷ thần lướt bước chân của mình tới. Trên những đoạn đê ngắn chen chúc người già, trẻ em. Nháo nhác trong đêm là tiếng mẹ gọi con, tiếng bò rống, tiếng trâu thở. Một vài đống lửa được đốt lên bập bùng le lói. Có một đứa trẻ lạc mẹ, mất nhà ngủ quên bên đống lửa đốt trên mặt đê, lăn lóc giấc mơ đen với tiếng nước réo hãi hùng. Đứa trẻ ấy là Nắng. Bây giờ tớ và Nắng phải làm tất cả để những đứa trẻ trong làng quê yên bình kia không phải trải qua nỗi khiếp đảm bởi cơn cuồng điên của nước. Hàng ngàn chiếc bao dứa được may nối thành những chiếc túi dài chứa đầy đá. Tre trong làng bị hạ gần hết, những người lính trẻ chúng tớ có nhiệm vụ kè đê, ngăn chặn dòng nước đang cuộn dâng. Tiếng loa vẫn phát đi những tin tức đáng lo ngại, mực nước đã lên tới cấp ba, những người nông dân trong làng bắt đầu rục rịch di chuyển. Cậu có biết thế nào là mạch sủi không? Nước thẩm thấu qua chân đê, sủi lên mặt đất, có những mạch sủi sâu trong đất liền hàng trăm mét. Chúng tớ phải kè đá, đắp đất xung quanh những mạch sủi ấy, khi mạch nước trong là an toàn, còn mạch nước đục là nguy cơ vỡ đê vẫn còn đe doạ…

Hòa thân!

Tớ biết cậu đã đoạt giải văn chương ở Thủ đô. Cậu là một người có tài năng. Thư cậu lá nào cũng khiêm tốn, tự nhận là chưa được sống hết mình nên trang viết nào cũng hời hợt, trống rỗng. Tớ không có tham vọng cung cấp cho cậu một vốn sống, nhưng tớ sẽ có gắng kể một cách chân thực những gì mà một người lính như tớ đã trải qua. Nước sông đêm nay vẫn ở tình trạng báo động cấp ba. Biết ngày mai nước có rút đi không và trang thư này liệu đến bao giờ mới tới được tay cậu? Nắng vừa báo cho tớ biết tin tình trạng khúc đê phía trên đang diễn biến theo chiều hướng xấu. Thế này thì chỉ lát nữa thôi đơn vị tớ sẽ được triệu tập để tăng cường cho phía ấy. Phía trong chân đê vẫn tiếp tục những mạch sủi đục. Tớ phải dừng thư ở đây dẫu chưa nói được điều gì về người lính. Có lẽ người lính thời bình đơn giản quá chăng? Tiếng còi đã thổi lên rồi, ngay lập tức tớ phải có mặt ở đội hình để đến nơi không bình yên. Hi vọng ngày mai con nước kia sẽ rút êm, dòng sông sẽ trở về với sự hiền hoà vốn có và tớ lại tiếp tục kể cho cậu nghe câu chuyện về những chàng trai sống cùng hoa săng đắng...".

(Trích *Những chàng trai sống cùng hoa săng đắng* - Nguyễn Đình Tú, theo http://vannghequandoi.com.vn/van-xuoi/nhung-chang-trai-song-cung-hoa-sangdang_10097.html)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của câu chuyện trong đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, những người lính trẻ có nhiệm vụ gì?

Câu 3. Nêu tác dụng của hình thức bức thư trong đoạn trích.

Câu 4. Phân tích ngắn gọn hình ảnh hoa săng đắng được miêu tả trong đoạn trích.

Câu 5. Nội dung đoạn trích gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về vai trò của người lính trong thời bình? Trình bày ngắn gọn những suy nghĩ đó (khoảng 5 - 7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nghĩ về nhân vật người kể chuyện - người lính trong đoạn trích *Những chàng trai sống cùng hoa săng đắng* (Nguyễn Đình Tú) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Hãy thù ghét
mọi ao tù
nơi thân ta rữa mục,
mọi thói quen
nếp nghĩ - mù lòa!
Hãy sống như
những con tàu
phải lòng
muôn hải lý,
mỗi ngày
bỏ
sau lưng
nghìn hải - cảng - mưa - buồn!

(*Bài thơ Việt Bắc* - Trần Dần, theo thivien.net)

Với tư cách là một người trẻ, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về bài học cuộc sống được gợi ra từ đoạn thơ trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Câu chuyện trong đoạn trích trên được kể từ ngôi thứ nhất: nhân vật xưng "tớ" - người lính kể lại câu chuyện của mình và đồng đội.

Câu 2. Theo đoạn trích, những người lính trẻ có nhiệm vụ: *bảo vệ một khúc đê dài hơn hai mươi cây số; kè đê, ngăn chặn dòng nước đang cuộn dâng.*

Câu 3. Tác dụng của hình thức bức thư trong đoạn trích:

- Tạo mạch kể tự nhiên, sinh động, hấp dẫn; tạo giọng điệu tâm tình.

- Làm cho nội dung câu chuyện trở nên chân thực, gần gũi, người viết có thể nhấn mạnh những cảm nhận của một người lính trẻ về cuộc sống quân ngũ và những thay đổi trong lối sống, nhận thức của anh.

Câu 4.

- Hình ảnh hoa săng đắng được miêu tả trong đoạn trích: loài hoa tự nhiên quen thuộc ở nơi đóng quân với sức sống mạnh mẽ, mùi hương, sắc màu đặc trưng (*mọc đầy cản lối; mọc dày, chen kín các lối đi; đường mòn dẫn ra thao trường vương vãi những mảnh tím, lẩn khuất mùi hương hăng hắc*; *tích tụ trong nó những nắng, những gió, những hương vị của một miền đồi núi khắc nghiệt*); loài hoa đẹp, có ích (*săng đắng chỉ đẹp khi nó đứng thành vạt tím thẫm cả mảng đồi; nhựa săng đắng có ích cho những vết thương nhỏ, cầm máu, sát trùng cho những vết sây sát trên cơ thể*).

- Hình ảnh hoa săng đắng góp phần thể hiện: vẻ đẹp phong cảnh nơi đóng quân; tâm hồn tinh tế, giàu cảm xúc của người lính trẻ; làm dịu đi nắng gió thao trường; tạo chất trữ tình cho đoạn trích.

Câu 5.

- Nội dung đoạn trích: những tâm sự gửi bạn của một người lính trẻ về cuộc sống quân ngũ; quá trình hòa nhập, rèn luyện trong môi trường quân đội; nhiệm vụ ứng phó với bão lũ, ngăn vỡ đê, giữ bình yên cho cuộc sống nhân dân.

- Vai trò của người lính trong thời bình: bảo vệ chủ quyền đất nước; gìn giữ hòa bình; cứu hộ cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, giúp đỡ nhân dân ổn định cuộc sống; xây dựng và phát triển đất nước.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày cảm nghĩ về nhân vật người kể chuyện - người lính trong đoạn trích "Những chàng trai sống cùng hoa săng đắng" (Nguyễn Đình*

Tú); lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Hình ảnh nhân vật người kể chuyện - người lính trong đoạn trích:

+ Trước khi vào quân ngũ: một thanh niên thành phố hiện đại, không quen vất vả, sống hưởng thụ (*biết nhảy Pop, hát được tiếng Anh, biết chơi đàn, có niềm kiêu hãnh của một đứa con trai phố, đi giày khủng bố, quần bò, áo da, dây chuyền nanh hổ, ống phôn, bàn tay quen chọc bi a và bấm nút trò chơi điện tử*).

+ Sau khi vào quân ngũ: trở thành một người lính có kỉ luật, có tinh thần tập thể, rèn luyện trong nắng gió thao trường, tinh thần trách nhiệm cao (*được trang bị súng ống, được dạy cách phòng ngự và tấn công, được giáo dục về tinh thần đoàn kết, được học tập và thục luyện một cách bài bản về kiến thức quân sự; có mặt ở đội hình để đến nơi không bình yên*); tâm hồn tinh tế, giàu rung cảm, yêu thương (viết thư cho bạn, cảm nhận vẻ đẹp của hoa săng đắng, làm tất cả để những đứa trẻ trong làng quê yên bình không phải trải qua nỗi khiếp đảm bởi cơn cuồng điên của nước).

- Đó là hình ảnh đẹp về một người lính trẻ với sự trưởng thành khi được rèn giũa trong môi trường quân đội, nhận thức được trách nhiệm với nhân dân, đất nước.

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ về bài học cuộc sống được gợi ra từ đoạn thơ trong "Bài thơ Việt Bắc" (Trần Dần)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích, nêu bài học về lẽ sống được gợi ra từ đoạn thơ:

+ *Ao tù*: không gian chật hẹp, quẩn quanh

+ *thói quen nếp nghĩ mù lòa:* thói quen, cách nghĩ thiếu tỉnh táo, sáng suốt

+ *nghìn hải cảng mưa buồn*: không gian buồn tẻ, nhàm chán.

+ *những con tàu phải lòng muôn hải lý*: khát vọng lên đường đến với những chân trời rộng mở

+ Điệp từ "*Hãy*": nêu lên yêu cầu khẩn thiết, như lời thúc giục mọi người, thúc giục chính mình

Đoạn thơ đưa ra những lời khuyên về lẽ sống với con người: Phải biết thù ghét, lên án cuộc sống tẻ nhạt, trì trệ, ngột ngạt; hướng tới một lẽ sống tích cực, phóng khoáng, sôi nổi, dám chấp nhận thử thách, có khát vọng đến với những chân trời mới.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Phải biết thù ghét, lên án cuộc sống tẻ nhạt, ngột ngạt vì đó là cuộc sống mòn mỏi, vô nghĩa, giết chết ước mơ, khát vọng của con người; nếu ai cũng sống như vậy, xã hội trở nên trì trệ, không phát triển.

+ Phải hướng tới một lẽ sống tích cực, phóng khoáng, sôi nổi, dám chấp nhận thử thách, có khát vọng đến với những chân trời mới bởi lẽ khi sống có khát vọng, con người sẽ có ý chí, nghị lực, bản lĩnh vượt qua mọi khó khăn, thử thách để thành công; biết phát huy tận độ những khả năng của mình để vươn lên, cống hiến cho xã hội; cảm thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: biết thù ghét, lên án cuộc sống tăm tối trì trệ không có nghĩa là bất mãn với hiện thực; sống có khát vọng đến với những chân trời mới, vượt qua mọi nỗi đau buồn không có nghĩa là trốn chạy thực tại.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Nhận thức được đây là lẽ sống cần thiết; bồi dưỡng tâm hồn, nâng cao tri thức, hiểu biết để thực hiện lẽ sống trên.

ĐỀ SỐ 18

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

ĐỐI THOẠI Ở RỪNG

(Nguyễn Minh Khiêm)

(1) Hãy lắng nghe cuộc đối thoại này

Cuộc đối thoại chỉ có rừng ghi lại:

"- Chuyển thương binh về gấp tuyến sau

- Ở đây chỉ còn toàn thương binh thôi ạ

- Hãy chọn ra những người bị nhẹ hơn có thể

- Tất cả số này đều đang cấp cứu

- Nhanh chóng chuyển bệnh nhân tất cả xuống hầm

- Nếu có thể dịch chuyển được những căn hầm

Còn đỡ nguy hiểm hơn những người này dịch chuyển"

(2) Hãy lắng nghe cuộc đối thoại này

Cuộc đối thoại chỉ có rừng ghi lại:

"- Muối! Muối! Hãy cho tôi hạt muối

- Cả tháng nay binh trạm không còn

- Một hạt thôi, trước khi tôi nhắm mắt

- Chúng đã bắn chìm tất cả những bao muối thả dọc suối khe

- Cho tôi một giọt nước khe cũng được

- Nhưng khe suối cũng bị chúng thả chất độc xuống rồi"

(3) Hãy lắng nghe cuộc đối thoại này

Cuộc đối thoại chỉ có rừng ghi lại:

"- Tiểu đoàn X. phải không?

- Phải

- Còn giữ chốt được không?

- Báo cáo vẫn đang kiên cường giữ chốt

- Tiểu đoàn còn khoảng bao nhiêu

- Ở chỗ này hiện còn mình tôi duy nhất

- Cho liên lạc về ngay báo cáo

- Thưa chính tôi là người liên lạc

- Hãy động viên anh em chiến đấu đến người lính cuối cùng

- Vâng chính tôi người cuối cùng chiến đấu

Tôi đã ra mệnh lệnh cho mình"

[...]

(4) Tim mình xé đặt lên môi

Âm âm rừng vọng những lời thẳm sâu

Lời này nhói một nỗi đau
Lời này thiêu đốt một màu tóc xanh
Lời này úa lá trên cành
Lời này nắng rụng xuống vành trăng non
Lời này muối xát hoàng hôn
Lời này buốt tiếng gọi hồn gần xa
Nén đằng sau mỗi cánh hoa
Bao nhiêu tâm chấn vỡ ra sóng thần
(5) Chạm vào vụn đất dưới chân
Bao nhiêu khuôn mặt người thân hiện về
Vụn này réo gọi tên quê
Vụn này xõa tóc cơn mê lạc rừng
Vụn này xô lệch vòm hang
Vụn này ngột thở còn đang dưới hầm
Vụn này đã hóa thành trầm
Vụn này đã bật thành mầm trong cây
Cửa rừng bốn phía bão lay
Bao nhiêu khúc đối thoại này mở ra.

(*Thơ từ cuộc thi thơ Văn nghệ Quân đội 2015-2016*,
NXB Hội Nhà văn, tr.98-100)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn (1), (2), (3).

Câu 2. Nêu nội dung các cuộc đối thoại trong đoạn (1), (2).

Câu 3. Phân tích tác dụng của điệp ngữ sau**:**

Hãy lắng nghe cuộc đối thoại này
Cuộc đối thoại chỉ có rừng ghi lại

Câu 4. Nêu tác dụng của hình thức đối thoại được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 5. Dòng thơ *Bao nhiêu khúc đối thoại này mở ra* gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì sau khi lắng nghe các *đối thoại chỉ có rừng ghi lại.* Trình bày ngắn gọn những suy nghĩ đó (khoảng 5 - 7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau:

Tim mình xé đặt lên môi
Âm âm rừng vọng những lời thẳm sâu
Lời này nhói một nỗi đau
Lời này thiêu đốt một màu tóc xanh
Lời này úa lá trên cành
Lời này nắng rụng xuống vành trăng non
Lời này muối xát hoàng hôn
Lời này buốt tiếng gọi hồn gần xa
Nén đằng sau mỗi cánh hoa
Bao nhiêu tâm chấn vỡ ra sóng thần

Chạm vào vụn đất dưới chân
Bao nhiêu khuôn mặt người thân hiện về
Vụn này réo gọi tên quê
Vụn này xõa tóc cơn mê lạc rừng
Vụn này xô lệch vòm hang
Vụn này ngột thở còn đang dưới hầm
Vụn này đã hóa thành trầm
Vụn này đã bật thành mầm trong cây
Cửa rừng bốn phía bão lay
Bao nhiêu khúc đối thoại này mở ra

Câu 2. (4,0 điểm)

Nhà thơ Lưu Quang Vũ viết:

Nguyện cho lòng tôi đừng sợ hãi
Nguyện cho lòng tôi đừng nguội lạnh tình yêu

(*Cầu nguyện,* Lưu Quang Vũ,
Thơ tình, NXB Văn học, 2002, tr.172)

Suy nghĩ của anh/chị về bài học cuộc sống gợi ra từ hai câu thơ trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Thể thơ được sử dụng trong đoạn (1), (2), (3): Thể thơ tự do.

Câu 2. Nội dung các cuộc đối thoại trong đoạn trích:

- Đối thoại thứ nhất: Yêu cầu chuyển thương binh về tuyến sau nhưng tất cả đều đang cấp cứu; yêu cầu chuyển bệnh nhân tất cả xuống hầm nhưng nguy hiểm vì các bệnh nhân đều không thể dịch chuyển.

- Đối thoại thứ hai: Người lính trước khi nhắm mắt muốn có một hạt muối, một giọt nước khe vì cả tháng nay binh trạm không còn muối, tất cả những bao muối thả dọc suối khe đã bị giặc bắn chìm, khe suối cũng bị chúng thả chất độc xuống.

Câu 3. Hai dòng thơ được lặp lại:

- Tạo ấn tượng, gây chú ý cho người đọc, hé lộ những sự thật khốc liệt của chiến tranh ở nơi rừng sâu kín khuất.

- Tạo nhịp điệu, cấu trúc cân xứng cho lời thơ.

Câu 4. Tác dụng của hình thức đối thoại có trong đoạn trích:

- Tạo nên sự diễn biến của câu chuyện, của tình huống theo dòng thời gian, cho thấy cuộc chiến đấu ngày càng cam go, quyết liệt.

- Tô đậm sự khốc liệt của chiến tranh, ý chí chiến đấu, tinh thần dũng cảm của người lính và sự hi sinh thầm lặng, lớn lao của họ.

- Cách diễn đạt trở nên sinh động, giàu giá trị biểu cảm.

Câu 5.

- Suy nghĩ về những mất mát, đau thương do chiến tranh.

- Suy nghĩ về sự hi sinh lớn lao của các thế hệ người lính.

- Cuộc sống, hạnh phúc giờ đây là kết quả của bao máu xương, bao hi sinh, cống hiến thầm lặng, từ đó suy nghĩ về sự tri ân, đền ơn đáp nghĩa của các thế hệ hôm nay.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ trong "Đối thoại ở rừng" (Nguyễn Minh Khiêm)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Nội dung: những âm thanh đau xót vọng lên từ rừng, cảm xúc đau đớn, xót xa trước những mất mát, hi sinh; từng vụn đất dưới chân là một phần xương thịt, là khuôn mặt, số phận những người đã gửi lại thân thể nơi rừng sâu.

- Nghệ thuật: thể thơ lục bát; hình thức điệp: điệp lại các cụm từ "*Lời này*", "*Vụn này*"; nghệ thuật liệt kê; nhịp thơ nhanh; giọng thơ xót xa.

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp *trình bày suy nghĩ về bài học cuộc sống gợi ra từ hai câu thơ trong bài thơ "Cầu nguyện" của Lưu Quang Vũ*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

***** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

***** Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận:

+ *Nguyện*: là cầu mong, thường là mong những điều tốt đẹp.

+ *Nguyện cho lòng tôi đừng sợ hãi:* cầu mong bản thân không hèn nhát, yếu đuối, nói khác đi đó là ước nguyện sống có bản lĩnh, dũng cảm.

+ *Nguyện cho lòng tôi đừng nguội lạnh tình yêu:* cầu mong bản thân không thờ ơ, lạnh lùng vô cảm, luôn giữ được tình yêu với cuộc đời, con người.

Như vậy, thực chất hai câu thơ của Lưu Quang Vũ nêu lên lời nguyện cầu, cũng là khát vọng sống mạnh mẽ, dũng cảm, đầy tình yêu thương. Đó cũng là sự tự ý thức của con người để phấn đấu hướng tới những đức tính, phẩm chất tốt đẹp.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Vì sao cần "*Nguyện cho lòng tôi đừng sợ hãi*":

++ Nỗi sợ là điều có thực và thường hiện hữu trong đời sống con người (nêu những điều con người thường sợ hãi: đói, khổ, sự đau đớn, cái chết, sự bất hạnh, quyền lực, kẻ mạnh,…);

++ Sự sợ hãi khiến con người yếu đuối, thiếu bản lĩnh, dũng khí, sức mạnh, thiếu khả năng đương đầu với khó khăn, nghịch cảnh, thậm chí bị tha hóa, hèn nhát, đánh mất danh dự, tự trọng;

++ Nếu không sợ hãi, con người sẽ bình tĩnh, sáng suốt, có sức mạnh vượt qua khó khăn, có dũng khí, dám đối mặt với thử thách, hiểm nguy, dám đấu tranh vì sự tiến bộ của xã hội, được mọi người nể phục. Con người cần tôi rèn cho mình sự dũng cảm, bản lĩnh, không chịu khuất phục, cúi đầu trước khó khăn, thử thách, trước sự đe dọa của các thế lực có sức mạnh.

+ Vì sao cần *"Nguyện cho lòng tôi đừng nguội lạnh tình yêu"*:

++ Nếu *nguội lạnh tình yêu*: con người trở nên dửng dưng, vô cảm, không cảm nhận được nỗi đau cũng như niềm hạnh phúc, mất khả năng đồng cảm, sẻ chia, không còn biết yêu thương con người và cũng không được mọi người tin yêu;

++ Khi giữ được tình yêu với cuộc đời, con người: cuộc sống có ý nghĩa, khi biết yêu sẽ được nhận tình yêu.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: *"Nguyện cho lòng tôi đừng sợ hãi"* không có nghĩa là không biết sợ. Có những nỗi sợ rất người, rất nhân văn, ngăn con người không rơi vào vực thẳm tha hóa, thậm chí ngăn chặn tội ác; *"Nguyện cho lòng tôi đừng nguội lạnh tình yêu"* không có nghĩa là dễ dàng trao đi tình cảm, bị chà đạp, phản bội vẫn khăng khăng níu kéo.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: rèn luyện bản lĩnh, sức mạnh, dũng khí; bồi đắp tình thương yêu với con người; biết thông cảm với những phút giây yếu đuối, sợ hãi của người khác; biết "nguội" bớt tình thương yêu khi trao tình cảm chưa đúng nơi, đúng người.

ĐỀ SỐ 19

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

SANG MÙA

(Trần Thị Hồng Hạnh)

(1) Những thang ruộng lơ phơ rơm rạ
đàn chim cu chui lủi nơi nào
chỉ còn gió đùa nhau ràn rạt
cờ ngô buồn xơ xác hanh hao
(2) Rêu trên đá rời tay thôi bám níu
ngàn ong nâu tránh rét cũng đi rồi
con ốc núi nằm im lòng suối
mặc nước bào trắng vỏ đá vôi...
(3) Em lên núi gieo mùa vào hốc đá
vạt cải cay lấm tấm những hoa vàng
sương thì trắng má em màu lửa
thắp ấm môi cười
e ấp những nhành ban
(4) Hoa vẫn nở bừng trên thổ cẩm
váy thung thăng em xuống chợ đông người
tìm cái vía của tiếng khèn phiên trước
rượu men rừng chưa uống đã chơi vơi...
(5) Sang mùa
lá thay màu xanh cũ
lòng như cây mận đắng bên sàn
dòng nhựa ấm cuồn cuộn từ gốc rễ
đợi mưa về
hoa trắng nở miên man

(*Thơ từ cuộc thi thơ Văn nghệ Quân đội 2015-2016*,
NXB Hội Nhà văn, tr.72)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra các hình ảnh thiên nhiên trong hai khổ thơ đầu.

Câu 3. Nêu tác dụng của các từ láy được sử dụng trong bài thơ.

Câu 4. Phân tích hiệu quả của biện pháp so sánh trong các dòng thơ:

Sang mùa
lá thay màu xanh cũ
lòng như cây mận đắng bên sàn
dòng nhựa ấm cuồn cuộn từ gốc rễ
đợi mưa về
hoa trắng nở miên man

Câu 5. Chỉ ra điểm tương đồng trong cảm nhận về thiên nhiên lúc sang mùa qua hai đoạn trích:

Những thang ruộng lơ phơ rơm rạ
đàn chim cu chui lủi nơi nào
chỉ còn gió đùa nhau ràn rạt
cờ ngô buồn xơ xác hanh hao
Rêu trên đá rời tay thôi bám níu
ngàn ong nâu tránh rét cũng đi rồi
con ốc núi nằm im lòng suối
mặc nước bào trắng vỏ đá vôi...

Và:

Cánh chim báo sang mùa
Nắng hoai hoai cuối hạ
Màu mây non lá mạ
Gió trên cành hiu hiu
Chừng như thu ngấp nghé
Trong hương cốm đâu đây
Khói lam chiều rất nhẹ
Sông vừa vơi vừa đầy

(*Sang mùa*, Tạ Hữu Yên,
Thơ Việt Nam thế kỉ XX, NXB Giáo dục, 2005, tr.915)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích phân tích hình ảnh nhân vật *em* trong hai khổ thơ sau:

Em lên núi gieo mùa vào hốc đá
vạt cải cay lấm tấm những hoa vàng

sương thì trắng má em màu lửa
thắp ấm môi cười
e ấp những nhành ban
Hoa vẫn nở bừng trên thổ cẩm
váy thung thăng em xuống chợ đông người
tìm cái vía của tiếng khèn phiên trước
rượu men rừng chưa uống đã chơi vơi...

Câu 2. (4,0 điểm)

Cơn bão Yagi ập tới miền Bắc những ngày đầu tháng 9 năm 2024 đã để lại hậu quả nặng nề. Tràn ngập các trang báo là thông tin về những ngôi nhà bị chôn vùi trong đống sạt lở, những cây cầu bị sập, những đồng lúa chìm trong biển nước mênh mông, những người chết, mất tích,... Phải chăng mẹ thiên nhiên đang nổi giận?

Từ góc nhìn của một người trẻ, anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về cách ứng xử đúng đắn của con người với tự nhiên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Thể thơ được sử dụng trong văn bản: Thể thơ tự do.

Câu 2. Các hình ảnh thiên nhiên trong hai khổ thơ đầu: *Thang ruộng, rơm rạ, đàn chim cu, gió, cờ ngô, rêu, đá, ngàn ong nâu, con ốc núi, nước, vỏ đá vôi.*

Câu 3.

- Các từ láy được sử dụng trong văn bản: *Lơ phơ, chui lủi, ràn rạt, xơ xác, hanh hao, lấm tấm, e ấp, thung thăng, chơi vơi, cuồn cuộn, miên man*.

- Tác dụng:

+ Câu thơ sinh động, giàu hình ảnh, giàu giá trị biểu cảm.

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp phong phú, sống động của thiên nhiên lúc sang mùa; vẻ đẹp sự hòa điệu giữa con người và thiên nhiên.

Câu 4.

- Nghệ thuật so sánh: *Lòng như cây mận đắng bên sàn/ dòng nhựa ấm cuồn cuộn từ gốc rễ/ đợi mưa về/ hoa trắng nở miên man.*

- Hiệu quả:

+ Câu thơ sinh động, giàu sức gợi tả.

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp của thiên nhiên, con người trong khoảnh khắc chuyển mùa. Con người và thiên nhiên đều đang trong trạng thái tích tụ, ấp ủ sức sống, đang sẵn sàng, hứa hẹn sự bừng lên…

Câu 5. Điểm tương đồng trong cảm nhận về thiên nhiên lúc sang mùa qua hai đoạn trích:

- Đều cảm nhận về thiên nhiên lúc sang mùa từ những thay đổi của vạn vật.

- Đều thể hiện những cảm nhận tinh tế về các sự vật trong tự nhiên ở thời khắc chuyển giao của thời gian, thời tiết. Những hình ảnh, tín hiệu giao mùa gợi cảm, đặc trưng của thiên nhiên, đời sống của từng vùng miền.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận *phân tích hình ảnh nhân vật "em" trong hai khổ thơ của bài "Sang mùa" (Trần Thị Hồng Hạnh)*; Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Hình ảnh nhân vật *em* trong hai khổ thơ:

+ Vẻ đẹp nên thơ trong lao động, hài hòa cùng tự nhiên: *lên núi gieo mùa vào hốc đá, vạt cải cay lấm tấm những hoa vàng, sương trắng, hoa nở bừng trên thổ cẩm.*

+ Vẻ đẹp trẻ trung đầy sức sống, giàu nữ tính: *má màu lửa, thắp ấm môi cười, e ấp, váy thung thăng xuống chợ đông người, rượu men rừng chưa uống đã chơi vơi.*

- Nghệ thuật miêu tả nhân vật *em*: thể thơ tự do; hình ảnh bình dị, gợi cảm; ngôn ngữ tinh tế, sử dụng các từ láy;...

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận,

phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ của bản thân về cách ứng xử đúng đắn của con người với tự nhiên*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích:

+ Bão Yagi: một cơn bão lớn, ảnh hưởng nặng nề đến nhiều tỉnh miền Bắc nước ta trong tháng 9 năm 2024.

+ Những ngôi nhà bị chôn vùi trong đống sạt lở, những cây cầu bị sập, những đồng lúa chìm trong biển nước mênh mông, những người chết, mất tích: hậu quả do cơn bão gây ra.

+ Phải chăng mẹ thiên nhiên đang nổi giận: câu hỏi đặt ra, cũng là lời cảnh báo trước thực trạng con người thiếu tôn trọng tự nhiên (chặt phá rừng quá mức, ngăn các dòng chảy làm thủy điện, khai thác cát, khoáng sản trái quy định gây sạt lở,...)

Con người cần có cách ứng xử phù hợp, tôn trọng quy luật của tự nhiên để hạn chế, ngăn ngừa thảm họa do thiên tai.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Vì sao mẹ thiên nhiên nổi giận: con người đang khai thác quá mức, làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phá hủy môi trường tự nhiên; con người có những nhận thức sai lệch, ảo tưởng về sức mạnh chinh phục, cải tạo tự nhiên; thiếu tôn trọng các quy luật của tự nhiên.

+ Vì sao con người cần có cách ứng xử đúng đắn với tự nhiên: thiếu tôn trọng tự nhiên, khai thác quá mức hay các hành động phá hoại tự nhiên đều để lại những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến môi sinh, đến chất lượng cuộc sống con người, thậm chí thúc đẩy những biến đổi khó lường của tự nhiên, dẫn đến thảm họa, thiên tai; tự nhiên luôn có sức mạnh, sự bí ẩn riêng. Vũ trụ bao la ẩn chứa nhiều bí mật mà con người chưa thể giải mã, thấu tỏ toàn bộ. Đứng trước tự nhiên con người trở nên nhỏ bé. Sức người, máy móc, khoa học, công nghệ, sự giàu có, thành tựu vật chất cũng trở nên vô nghĩa. Thảm họa tự nhiên có một phần nguyên nhân từ con người, nhưng nhiều trường hợp do những hiện tượng, quy

luật riêng của tự nhiên và cả những hiện tượng bất thường mà con người không thể kiểm soát được. Trong nhiều tình huống, thiên tai, thảm họa do tự nhiên gây ra là điều khó tránh.

+ Đề xuất cách ứng xử đúng đắn với tự nhiên:

++ Tôn trọng các quy luật của tự nhiên; bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường; chung sống hài hòa, gần gũi với thiên nhiên, nương tựa vào thiên nhiên.

++ Khai thác hợp lí, khoa học các nguồn tài nguyên thiên nhiên; sử dụng đi đôi với phát triển và bảo vệ tự nhiên.

++ Nâng cao khả năng dự báo; chuẩn bị sẵn sàng mọi khả năng ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; giảm thiểu những rủi ro, mất mát, thương vong, thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: phê phán những hành động phá hoại môi trường tự nhiên. Tự nhiên vốn dĩ bí ẩn nhưng điều đó không có nghĩa là trước sức mạnh vĩ đại, trước những hiện tượng khó lí giải của nó, con người thần thánh hóa, kì bí hóa, mê tín, dị đoan, từ đó dẫn đến tâm lí phó mặc, hoặc coi nhẹ việc tìm hiểu, bảo vệ tự nhiên, hoặc không tích cực chuẩn bị để có sự chủ động ứng phó với thiên tai.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: nhận thức được vai trò quan trọng cũng như những mối nguy tiềm ẩn từ tự nhiên; có hành động cụ thể để tuyên truyền, bảo vệ tự nhiên.

ĐỀ SỐ 20

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

ROBOT CÓ THỂ TỰ HUẤN LUYỆN CHÍNH MÌNH BẰNG AI

(Phong Đỗ)

Robot dần có khả năng tự học hỏi, liệu đây có phải mối đe dọa tiềm tàng?

Theo BGR, các nhà nghiên cứu tại Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) vừa công bố một thuật toán mới mang tên 'Estimate, Extrapolate, and Situate' (EES), cho phép robot tự huấn luyện và cải thiện kỹ năng mà không cần sự can thiệp của con người.

EES hoạt động bằng cách cho phép robot sử dụng hệ thống thị giác để quan sát môi trường xung quanh và nhiệm vụ được giao. Sau đó, thuật toán sẽ đánh giá hiệu suất của robot và tự động tạo ra các bài tập huấn luyện để cải thiện những kỹ năng còn yếu kém.

Robot có thể tự huấn luyện chính mình bằng AI

Các nhà nghiên cứu đã thử nghiệm thành công EES trên chú chó robot Spot của Boston Dynamics. Spot đã có thể tự học cách thực hiện các nhiệm vụ phức tạp hơn sau khi được trang bị thuật toán này.

Đây là một bước tiến đáng kể trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và robot học, mở ra tiềm năng ứng dụng rộng lớn trong nhiều lĩnh vực, từ công nghiệp đến dịch vụ. Tuy nhiên, nó cũng đặt ra những câu hỏi về khả năng kiểm soát và những hệ lụy tiềm tàng của việc robot trở nên quá thông minh.

Một số chuyên gia lo ngại rằng nếu robot có thể tự học hỏi và phát triển vượt bậc, chúng có thể trở thành mối đe dọa đối với con người, đặc biệt là nếu chúng được sử dụng cho mục đích quân sự.

Mặc dù các nhà nghiên cứu tại MIT khẳng định EES được thiết kế để giúp robot thực hiện các nhiệm vụ đơn giản một cách hiệu quả hơn, nhưng không thể loại trừ khả năng thuật toán này bị lợi dụng cho những mục đích xấu.

Liệu rằng đây là một bước tiến vượt bậc cho nhân loại hay là mở đầu cho một kỷ nguyên mới đầy rủi ro? Câu trả lời vẫn còn bỏ ngỏ và cần được theo dõi sát sao trong thời gian tới.

(Theo https://thanhnien.vn/robot-co-the-tu-huan-luyen-chinh-minh-bang-ai-18524082521595996.htm?utm_source=dable, 26/08/2024)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Theo văn bản trên, thuật toán mới do các nhà nghiên cứu tại Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) vừa công bố cho phép robot có khả năng gì?

Câu 2. Điều gì khiến một số chuyên gia lo ngại khi robot có thể tự học hỏi và phát triển vượt bậc?

Câu 3. Giữa nhan đề, nội dung đoạn sapo và hình minh họa có mối quan hệ như thế nào?

Câu 4. Việc sử dụng dữ liệu từ kết quả nghiên cứu của các chuyên gia trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 5. Theo anh/chị, việc robot có thể tự học hỏi và phát triển *là một bước tiến vượt bậc cho nhân loại hay là mở đầu cho một kỷ nguyên mới đầy rủi ro?* Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết phải thích ứng với những thay đổi của khoa học công nghệ trong thời đại hiện nay.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề, nghệ thuật của bài thơ sau:

CHÚT TÌNH ĐẦU
(Đỗ Trung Quân)

Những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng
Em chở mùa hè của tôi đi đâu?
Chùm phượng vĩ em cầm là tuổi tôi mười tám
Thuở chẳng ai hay thầm lặng - mối tình đầu

Mối tình đầu của tôi có gì?
Chỉ một cơn mưa bay ngoài cửa lớp
Là áo người trắng cả giấc ngủ mê

Là bài thơ cứ còn hoài trong cặp
Giữa giờ chơi mang đến lại... mang về.

Mối tình đầu của tôi là anh chàng tội nghiệp
Mùa hạ leo cổng trường khắc nỗi nhớ vào cây
Người con gái mùa sau biết có còn gặp lại
Ngày khai trường áo lụa gió thu bay...

Mối tình đầu của tôi có gì?
Chỉ một cây đàn nhỏ
Rất vu vơ nhờ bài hát nói giùm
Ai cũng cũng hiểu - chỉ một người không hiểu
Nên có một gã khờ ngọng nghịu mãi... thành câm.

Những chiếc giỏ xe trưa nay chở đầy hoa phượng
Em hái mùa hè trên cây
Chở kỷ niệm về nhà
Em chở mùa hè đi qua còn tôi đứng lại
Nhớ ngẩn người tà áo lụa nào xa.

1984

(Theo thivien.net)

Chú thích:

- Đỗ Trung Quân sinh ngày 19/1/1955 tại TP Hồ Chí Minh. Ông là cây bút nổi tiếng trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Đỗ Trung Quân bắt đầu sáng tác vào năm 1979, nhiều bài thơ được phổ nhạc và được nhiều người yêu thích như *Phượng hồng*, *Hương tràm*, *Quê hương*,... Thơ ông mộc mạc, giản dị nhưng sâu sắc và giàu chất nhân văn, thường mang đậm dấu ấn của quê hương, tình yêu, thể hiện trải nghiệm và cảm xúc chân thực của con người Việt Nam.

- Chút tình đầu là tác phẩm đặc sắc của Đỗ Trung Quân đã được nhạc sĩ Vũ Hoàng phổ nhạc thành bài hát *Phượng hồng*.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Thuật toán mới do các nhà nghiên cứu tại Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) vừa công bố cho phép robot có khả năng: *Tự huấn luyện và cải thiện kỹ năng mà không cần sự can thiệp của con người.*

Câu 2. Một số chuyên gia lo ngại khi robot có thể tự học hỏi và phát triển vượt bậc: *Chúng có thể trở thành mối đe dọa đối với con người, đặc biệt là nếu chúng được sử dụng cho mục đích quân sự.*

Câu 3.

- Nhan đề, nội dung đoạn sapo và hình minh họa:

+ Nhan đề: "Robot có thể tự huấn luyện chính mình bằng AI"

+ Sapo: Robot dần có khả năng tự học hỏi, liệu đây có phải mối đe dọa tiềm tàng?

+ Hình minh họa: Robot có thể tự huấn luyện chính mình bằng AI.

- Giữa nhan đề, nội dung đoạn sapo và hình minh họa có mối quan hệ chặt chẽ: Đều tập trung làm nổi bật khả năng tự học hỏi, tự huấn luyện chính mình bằng AI của robot.

Câu 4. Việc sử dụng dữ liệu từ kết quả nghiên cứu của các chuyên gia trong văn bản có tác dụng:

- Nhấn mạnh khả năng tự huấn luyện, phát triển của robot, giúp robot thực hiện các nhiệm vụ đơn giản một cách hiệu quả hơn.

- Cách diễn đạt trở nên sinh động, lập luận giàu sức thuyết phục.

Câu 5. Việc robot có thể tự học hỏi và phát triển *là một bước tiến vượt bậc cho nhân loại hay là mở đầu cho một kỷ nguyên mới đầy rủi ro.*

- Thí sinh trình bày quan điểm; lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng:

+ Việc robot có thể tự học hỏi và phát triển *là một bước tiến vượt bậc cho nhân loại* vì điều đó giúp giải phóng sức lao động cho con người, robot cũng có thể thay thế con người làm những công việc nguy hiểm.

+ Việc robot có thể tự học hỏi và phát triển *là mở đầu cho một kỷ nguyên mới đầy rủi ro* vì nếu chúng bị lợi dụng phục vụ cho mục đích xấu, mục đích quân sự sẽ gây nên những bất ổn xã hội. Con người đứng trước nguy cơ mất việc làm, nguy cơ gặp nguy hiểm khi robot thống trị thế giới.

+ Kết hợp hai hướng lập luận trên.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận về *sự cần thiết phải thích ứng với những thay đổi của khoa học công nghệ trong thời đại hiện nay*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Khoa học ngày càng phát triển và con người cần phải thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ, kĩ thuật.

- Con người cần phải thích ứng với những thay đổi của khoa học công nghệ để bắt kịp sự phát triển của xã hội, thời đại, không bị lạc hậu; sự thích ứng giúp con người trở nên năng động, có khả năng làm chủ công nghệ, làm chủ cuộc sống; từ đó phát triển bản thân, xây dựng kinh tế gia đình, làm giàu cho xã hội, đóng góp cho đất nước.

(Thí sinh lấy dẫn chứng thực tế chứng minh làm sáng tỏ vấn đề)

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích, đánh giá nét đặc sắc về chủ đề, nghệ thuật của bài thơ "Chút tình đầu" (Đỗ Trung Quân)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

***** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

***** Triển khai vấn đề nghị luận:

- Chủ đề:

+ Chủ đề bài thơ: Kỉ niệm tình yêu tuổi học trò.

+ Phân tích sự thể hiện của chủ đề trong tác phẩm:

++ Nhan đề "*Chút tình đầu*": Gợi những rung động tình yêu đầu đời trong trẻo, ngây thơ, hồn nhiên; gợi hoài niệm về những ngày tháng thanh xuân tươi đẹp, đầy mơ mộng.

++ Chùm phượng vĩ mùa hè gắn với tuổi học trò, với hình ảnh mái trường khơi gợi những liên tưởng, cảm xúc, được nhắc đi nhắc lại trong bài thơ.

++ Mạch cảm xúc: Hình ảnh chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng khơi gợi kỉ niệm về mối tình đầu năm mười tám tuổi. Những kỉ niệm đẹp của tuổi học trò lần lượt trở về trong kí ức, làm sống dậy những tháng năm hồn nhiên, vụng dại (*bài thơ cứ còn hoài trong cặp, anh chàng tội nghiệp leo cổng trường khắc nỗi nhớ vào cây*) nhưng cũng đầy mơ mộng (*áo người trắng cả giấc ngủ mê, người con gái mùa sau biết có còn gặp lại*), lãng mạn (*cây đàn nhỏ/ vu vơ nhờ bài hát nói giùm).* Bài thơ kết lại bằng nỗi nhớ *tà áo lụa nào xa* trong thời khắc hiện tại khi ngắm nhìn *chiếc giỏ xe trưa nay chở đầy hoa phượng.*

- Nghệ thuật:

+ Thể thơ tự do, giọng điệu bâng khuâng, tiếc nuối.

+ Sự kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm và yếu tố tự sự.

+ Ngôn ngữ bình dị, giàu sức gợi; các biện pháp điệp, liệt kê, câu hỏi tu từ, kết cấu đầu cuối tương ứng,...

+ Hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm.

* Đánh giá

- Bài thơ viết về chủ đề đặc sắc, gợi nhắc tình yêu tuổi học trò nguyên sơ, trong sáng, thánh thiện.

- Bài thơ tạo được ấn tượng sâu sắc với bạn đọc còn cách biểu đạt dung dị, nhẹ nhàng, lãng mạn.

🎓 ĐỀ SỐ 21

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Có rất nhiều yếu tố quyết định đến sự thành bại trong cuộc sống. Từ rất lâu trước đây, rất nhiều người vẫn tán thành học thuyết "Tính quyết định của IQ", nhưng với sự tích lũy dần về kinh nghiệm sống, chúng ta sẽ càng ngày càng phát hiện: Cuộc sống là một hành trình khó khăn, nhiều khi quyết định thành công của bạn, không phải là chỉ số IQ, mà là sự tự kỉ luật.

Tôi có một người bạn, sự tự kỉ luật của anh ấy tới mức gần như là "rối loạn ám ảnh cưỡng chế" (Obsessive Compulsive Disorder - O.C.D.). Anh là một giám đốc điều hành cấp cao tốt nghiệp Harvard… Khi còn học đại học, anh ấy đã ép bản thân cố gắng đọc và học thuộc 50 từ mỗi ngày, quyết tâm không ngủ khi chưa thực

hiện xong nhiệm vụ này, nhờ đó đã giúp cho khả năng tiếng Anh của anh ấy trở nên nổi bật, đạt được điểm cao trong kì thi IELTS sẵn sàng cho kế hoạch du học.

Hiện tại, sau khi đi làm, anh ấy vẫn đặt ra cho bản thân mỗi ngày kiên trì học 1 giờ, và viết bài tóm tắt 3 đoạn, rèn luyện khả năng suy nghĩ. Anh ấy khiến tôi thực sự cảm thấy rằng, một khi con người có kỉ luật tự giác cao, họ sẽ có đủ khả năng kiểm soát cuộc sống của chính họ.

Những thứ tốt đẹp không bỗng dưng mà đến, nó thường được theo sau bởi vô số những ngày đêm kiên trì và cống hiến, mới có thể đạt được một trình độ nhất định của kĩ năng.

Có một câu nói rằng: "Cơ thể của bạn phản ánh sức mạnh của bạn". Trong cuộc sống, nếu chúng ta muốn có một cơ thể đẹp và khỏe mạnh, chúng ta cần "kiểm soát tốt cái miệng và chịu khó vận động". Nếu bạn thiếu kỉ luật, không khó tưởng tượng rằng bạn sẽ thỏa hiệp dễ dàng khi đối mặt với những cám dỗ.

… Khi bạn đủ "nghiêm khắc" đối với chính bản thân, thế gian chẳng có gì có thể làm khó bạn. Con người, cần trải qua những lần kỉ luật tự giác, dần dần sẽ tạo ra một bản thân tốt hơn.

(Vũ Đình - *Kỉ luật: thói quen của người thành công*,
dẫn theo https://doanhnhansaigon.vn, ngày 15/8/2018)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Luận đề của đoạn trích trên là gì?

Câu 2. Theo đoạn trích, *khi con người có kỉ luật tự giác cao,* họ sẽ có khả năng nào?

Câu 3. Theo anh/ chị vì sao *Nếu bạn thiếu kỉ luật, không khó tưởng tượng rằng bạn sẽ thỏa hiệp dễ dàng khi đối mặt với những cám dỗ*?

Câu 4. Việc sử dụng bằng chứng về *giám đốc điều hành cấp cao tốt nghiệp Harvard* trong đoạn trích có tác dụng gì?

Câu 5. Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/chị? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Xã hội hiện đại với nhiều phương tiện thông tin liên lạc, sự phát triển của internet, mạng xã hội giúp con người kết nối với nhau dễ dàng hơn. Tuy nhiên con người cũng cần đến những khoảng lặng ngắt kết nối.

Anh/ Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về sự cần thiết của những khoảng lặng ngắt kết nối của con người hiện đại.

Câu 2. (4,0 điểm)

Phân tích, so sánh hình ảnh người cha trong hai đoạn trích sau:

TƯỚNG VỀ HƯU

(Nguyễn Huy Thiệp)

Giới thiệu: Cha tôi tên là Thuấn, con trưởng họ Nguyễn. Cha đi bộ đội từ thời trẻ, ít khi về nhà. Khi nghỉ phép, ông về làng lấy vợ. Sau đó thỉnh thoảng cũng ghé về nhà, nhưng những lần về đều ngắn. Con trai chẳng biết gì về cha mình cả, vợ hiểu về chồng cũng ít. Mặc dù đi biền biệt, cả đời gắn với súng đạn, chiến tranh, nhưng ông lo cho con học hành, du ngoại, lo cơ sở vật chất gia đình. Những bức thư gửi về ẩn chứa nhiều tình thương cùng với âu lo.

Năm bẩy mươi tuổi, cha tôi về hưu với hàm thiếu tướng.

Mặc đầu biết trước, tôi vẫn ngỡ ngàng khi cha tôi về. Mẹ tôi đã lẫn (bà hơn cha tôi sáu tuổi), vì vậy thực ra ở nhà chỉ có mình tôi có những tình cảm đặc biệt với sự kiện này. Mấy đứa con tôi còn bé. Vợ tôi biết ít về ông, vì hai chúng tôi lấy nhau khi mà cha tôi đang bặt tin tức. Bấy giờ đang có chiến tranh. Tuy thế, ở trong gia đình, cha tôi bao giờ cũng là hình ảnh của niềm vinh dự, tự hào. Cả ở trong họ, trong làng, tên tuổi cha tôi cũng được mọi người ngưỡng vọng.

[...] Cha tôi muốn ở một phòng dưới dãy nhà ngang giống như mẹ tôi. Vợ tôi không chịu. Cha tôi buồn. Việc để mẹ tôi ăn riêng, ở riêng làm ông bứt rứt. Vợ tôi bảo: 'Tại mẹ lẫn". Cha tôi đăm chiêu. Tôi cũng không hiểu sao hai đứa con gái của tôi ít gần ông nội. Tôi cho chúng học ngoại ngữ, học nhạc. Chúng lúc nào cũng bận. Cha tôi bảo: "Các cháu có sách gì mang cho ông đọc". Cái Mi cười. Còn cái Vi bảo: "Ông thích đọc gì?" Cha tôi bảo: "Cái gì dễ đọc". Hai đứa bảo: "Thế thì không có". Tôi đặt báo hàng ngày cho ông. Cha tôi không thích văn học. Văn chương nghệ thuật bây giờ đọc rất khó vào.

Một hôm tôi đi làm về, cha tôi đứng ở dãy nhà vợ tôi nuôi chó và gà công nghiệp. Trông ông không vui. Tôi hỏi: "Có chuyện gì thế?" Ông bảo: "ông Cơ và cô Lài vất vả quá. Họ làm không hết việc, cha muốn giúp họ được không?" Tôi bảo: "Để con hỏi Thủy". Vợ tôi bảo: "Cha là tướng, về hưu cha vẫn là tướng. Cha là chỉ huy. Cha mà làm lính thì dễ loạn cờ". Cha tôi không nói năng gì.

[...] Một tối, tôi đang đọc Sputnhich, cha tôi lặng lẽ đi vào. Ông bảo: "Cha muốn nói chuyện với con". Tôi pha cà phê, cha tôi không uống. Ông hỏi: "Con có để ý công việc của Thủy không con? Cha cứ ròn rợn".

Vợ tôi làm việc ở bệnh viện sản, công việc là nạo phá thai. Hàng ngày các rau thai nhi bỏ đi, Thủy cho vào phích đá đem về. Ông Cơ nấu lên cho chó, cho lợn. Thực ra điều này tôi biết nhưng cũng bỏ qua, chẳng quan trọng gì. Cha tôi dắt tôi xuống bếp, chỉ vào nồi cám, trong đó có các mẩu thai nhi bé xíu. Tôi lặng đi. Cha tôi khóc. Ông cầm phích đá ném vào đàn chó béc giê: "Khốn nạn! Tao không cần sự giàu có này". Đàn chó sủa vang. Ông bỏ lên nhà.

(Trích *Tướng về hưu* - Nguyễn Huy Thiệp,
Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, NXB Văn học, 2003, tr.17-24)

Và:

CHA TÔI

(Sương Nguyệt Minh)

Giới thiệu: Nhà tôi có bốn người. Cha tôi vừa tròn năm mươi chín tuổi, bốn mươi năm mặc áo nhà binh, đi chinh chiến hết miền Nam rồi sang Campuchia đến năm 1989 mới về nước, sau ở lì Tây Nguyên, thỉnh thoảng mới về nhà. Mẹ thế hệ 6X, luôn chịu cảnh xa chồng, làm chủ cửa hàng mỹ phẩm Hàn Quốc, để con cái sống tự do theo ý thích. Chị Mai tôi thế hệ 7X đã gần ba mươi, chưa chồng, chị đi làm cho một doanh nghiệp Nhật Bản. Tôi, thế hệ 8X, mười chín tuổi, tốt nghiệp phổ thông hạng làng nhàng, thi vào đại học hai lần đều trượt. Cha tôi về hưu sau nhiều năm công tác, trở về với gia đình.

Cuộc sống nhà tôi bước sang trang mới kể từ khi cha có mặt ở nhà. Hình như mọi thứ đều đảo lộn. Hình như mọi người không hiểu nhau.

[...] Cha trở về, cha mang theo nguyên hình vị đại tá tại ngũ. Sáng mới năm giờ, cha đã gọi tôi dậy lên sân thượng tập thể dục. Cha hô một hai, một hai, con cũng hô một hai... một hai... đến mức sáng bảnh bà hàng phố ngó đầu sang bảo: "Nhà mày đang huấn luyện tân binh à?". Mẹ tôi không giận cứ cười ngặt nghẽo.

Cha tôi đọc báo nghe đài, xem ti vi. Ông càng lo cho tôi, đứa con trai độc nhất. Nó mà dây vào nghiện hút thì không những đời nó tàn mà cả nhà khổ, ông sẽ mất con. Lúc nào, cha tôi cũng cảm thấy bất ổn. Đi ra đường thì sợ tai nạn giao thông, về nhà thì chỉ sợ con hư hỏng, sợ vợ làm ăn đổ bể... Suốt cả đời, cha tôi quen rèn luyện người khác, quen chăm lo người khác nên nó ngấm vào máu, thành thuộc tính cố hữu rồi.

Tối, cha bắt cả nhà đi ngủ sớm. Riêng điểm này thì tôi khó chịu lắm, cứ mặt nặng mày nhẹ với cha. Bấy lâu nay quen sống tự do, tôi học hành ấm ớ rồi lướt web, chơi game, hoặc chat với mấy đứa "chíp con" cùng lớp đến một, hai giờ sáng. Một tuần, mẹ tôi sáu ngày đến vũ trường nhảy nhót, hoặc đi uống cà phê đến khuya mới về. Chị Mai mải xem phim Hàn Quốc liên miên. Cái thứ phim toàn khóc lóc, thất tình, ung thư, hoặc bệnh máu trắng rồi ân hận, sám hối... có gì đáng đồng tiền bát gạo mà lấy mất thời gian của chị tôi đến thế? Cha về. Cha thiết quân luật. Đừng hòng ai thức khuya quá mười một giờ đêm. Cha bảo: "Cứ như đơn vị bố thì chín giờ rưỡi là kèn báo ngủ đã tèn teng... tèn teng... Anh nào có muốn đọc nốt bài báo cũng không được vì trực ban... tắt điện". Chị Mai tôi than thở: "Cứ thế này thì tao đến phải lấy chồng mất thôi, chạy trốn vào nhà bà mẹ chồng có khi còn tự do hơn".

[...] Nhà tôi như trại lính, mà cha là vị tướng chỉ huy cao nhất. Cha bảo: "Đừng để cái thân lười nhác. Lao động cho khỏe người con ạ". Cha bắt chị em tôi phải làm những việc vặt mà trước đó chẳng bao giờ phải mó tay vào: quét nhà, lau bàn ghế, cọ rửa phòng vệ sinh... Ngày trước, mẹ thuê ô sin mỗi tuần hai lần đến lau chùi toàn bộ căn nhà để anh em tôi có thời gian học. Nhưng mẹ nào có biết tôi đã lơ là việc học từ lâu lắm rồi. Về nhà tôi sống với thế giới Võ lâm truyền kỳ, bài tập cô giáo ra mười bài thì bỏ chín. Đến lớp lại ngồi mơ màng nhìn mây nhìn lá cây ngoài cửa sổ, và thường ngủ gà gật vì thức khuya. Kiểm tra thì toàn quay cóp đứa ngồi bên cạnh, lúc "quay phim" được thì điểm 9 điểm 10 đỏ tươi, lúc thầy cô coi thi gắt quá thì điểm 2 điểm 3 xám ngắt. Lại một kỳ thi đại học sắp đến gần mà trong đầu tôi kiến thức thực chất gần như là số 0. Thằng con lêu lổng đần đần hiện lên rõ nét trong đôi mắt cha quen nhìn lính tráng chỉnh tề răm rắp. Cha giận lắm. Ông thở dài, trách mắng tôi mải chơi không biết thương mẹ. Cha giận mẹ vì không để ý gì đến con cái, tối ngày chỉ ăn diện.

(Trích *Cha tôi* - Sương Nguyệt Minh, Tập truyện ngắn *Dị hương*,
NXB Hội Nhà văn, 2009, tr.163-171)

Chú thích:

Nguyễn Huy Thiệp (1950 - 2021) là nhà văn Việt Nam nổi tiếng với các tác phẩm truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết thể hiện những góc nhìn mới, táo bạo về đời sống. Ông xuất hiện khá muộn trên văn đàn (1986) nhưng nhanh chóng được biết đến với một loạt tác phẩm như: *Tướng về hưu, Không có vua, Tuổi 20 yêu dấu, Những ngọn gió Hua Tát, Những người thợ xẻ, Chảy đi sông ơi, Con gái thủy thần, Kiếm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết*... Tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp in dấu ấn khá đậm nét về nông thôn và những người lao động. Sở trường của ông là truyện ngắn, mảng đề tài đa dạng gồm lịch sử và văn học, hơi

hướng huyền thoại và cổ tích, xã hội Việt Nam đương đại, xã hội làng quê và những người lao động. Truyện ngắn *Tướng về hưu* được Nguyễn Huy Thiệp viết năm 1987 trong bối cảnh Việt Nam bắt đầu đổi mới và được coi là tác phẩm xuất sắc trong sự nghiệp sáng tác của ông.

Sương Nguyệt Minh tên thật là Nguyễn Ngọc Sơn, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1958. Ông là nhà văn quân đội, đến với sự nghiệp văn chương khá muộn màng. Năm 1992 lần đầu tiên Sương Nguyệt Minh có truyện ngắn đăng trên Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Hiện tại, nhà văn Sương Nguyệt Minh đang công tác tại ban Sáng tác - Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Ông từng đạt nhiều giải thưởng: Giải thưởng cuộc thi bút ký Đài Tiếng nói Việt Nam năm 2002 - 2003 với tác phẩm "*Đêm Pà Cò*", giải thưởng cuộc thi truyện ngắn báo Văn nghệ năm 2003 - 2004 với tác phẩm "*Mười ba bến nước*", giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2010,... Các tác phẩm tiêu biểu của Sương Nguyệt Minh: *Đêm thánh vô cùng* (tập truyện ngắn, năm 2011), *Người ở bến sông Châu, Nỗi đau dòng họ, Nhọc nhằn gieo chữ vùng cao,...* Truyện ngắn *Cha tôi* được in trong tập truyện ngắn *Dị hương* (2011).

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Luận đề của đoạn trích trên: Vai trò của tinh thần tự giác, tuân theo kỉ luật.

Câu 2. Theo đoạn trích, *khi con người có kỉ luật tự giác cao,* họ sẽ có khả năng *kiểm soát cuộc sống của chính họ.*

Câu 3. *Nếu bạn thiếu kỉ luật, không khó tưởng tượng rằng bạn sẽ thỏa hiệp dễ dàng khi đối mặt với những cám dỗ* vì:

- Không có kỉ luật, con người tự cho mình sống tùy tiện, dễ dãi.

- Gặp cám dỗ, con người không có đủ lí trí, sự tỉnh táo, nghị lực để vượt qua cám dỗ.

Câu 4. Việc sử dụng bằng chứng về *giám đốc điều hành cấp cao tốt nghiệp Harvard* trong đoạn trích có tác dụng:

- Giúp việc triển khai luận đề trở nên sinh động, hấp dẫn; tạo sự thuyết phục cho lập luận.

- Khẳng định một cách thuyết phục vai trò của sự tự kỉ luật đối với thành công của con người.

Câu 5. Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/chị? Vì sao?

- Thông điệp từ đoạn trích: Con người cần sống có kỉ luật.

- Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng:

+ Sống kỉ luật giúp con người rèn luyện được ý chí, nghị lực, có sức mạnh tinh thần, sự kiên trì, bền bỉ để vượt qua khó khăn, thử thách.

+ Sống kỉ luật giúp con người không hành động, ứng xử tùy tiện, bốc đồng; tạo được sự tín nhiệm với mọi người xung quanh.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ về sự cần thiết của những khoảng lặng ngắt kết nối của con người hiện đại*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Khoảng lặng ngắt kết nối: Khoảng trống về thời gian khi con người tạm dừng liên hệ, kết nối với những người xung quanh qua các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại.

- Sự cần thiết của những khoảng lặng ngắt kết nối của con người hiện đại:

+ Tạm thời thoát ra khỏi những kết nối ảo để trở về với đời thực, với những mối liên hệ thực.

+ Tạo khoảng lặng để quan sát thế giới, suy ngẫm về cuộc sống, về bản thân.

+ Tận hưởng trạng thái tĩnh lặng, gần gũi, hòa đồng cùng thiên nhiên.

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích, so sánh hình ảnh người cha trong hai đoạn trích "Tướng về hưu" (Nguyễn Huy Thiệp) và "Cha tôi" (Sương Nguyệt Minh)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Phân tích, so sánh hình ảnh người cha trong hai đoạn trích

+ Đoạn 1:

++ Hình ảnh người cha: Nhân hậu, giàu tình yêu thương (Thương vợ, muốn ngủ dưới nhà ngang giống như người vợ đã lẫn; không phân biệt chủ tớ, giàu nghèo, muốn giúp đỡ cha con ông Cơ; coi trọng giá trị đạo đức, không cần đến sự giàu có do việc nuôi chó béc giê bằng rau thai và vụn thai nhi đem lại); cô đơn, lạc lòng giữa gia đình (vợ đã lẫn, mấy đứa cháu còn bé, con dâu biết ít về ông, con trai không hiểu về cha nhiều; không được sống theo ý mình: muốn ở nhà ngang cùng vợ, muốn giúp đỡ người làm đều bị con dâu không đồng ý).

++ Nghệ thuật thể hiện hình ảnh người cha: ngôn ngữ bình dị, câu văn chủ yếu mang tính chất thông báo; chi tiết nghệ thuật đặc sắc; giọng kể khách quan.

+ Đoạn 2:

++ Hình ảnh người cha: Nghiêm khắc, có kỉ luật (giữ thói quen sinh hoạt như thời trong quân ngũ, thực hiện đúng giờ giấc, sống nề nếp); quan tâm đến việc dạy con (rèn con cái vào nếp sống khoa học, lành mạnh); thương con, lo cho đứa con trai độc nhất.

++ Nghệ thuật thể hiện hình ảnh người cha: người kể chuyện ngôi thứ nhất, ngôn ngữ mộc mạc, nhân vật được đặt trong mối quan hệ hẹp với các thành viên của gia đình, giọng kể nhỏ nhẹ, ấm áp, đôn hậu.

- So sánh điểm tương đồng và điểm khác biệt ở hình ảnh người cha trong hai đoạn trích

+ Tương đồng:

++ Đều là những người lính cả đời phục vụ trong quân ngũ, xa nhà nhiều năm.

++ Đều có khoảng cách thế hệ với các thành viên trong gia đình, tương phản với xã hội đang đổi thay với không ít điều nhốn nháo, xuống cấp.

+ Khác biệt:

++ Người cha trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp mất vị thế là tướng khi về hưu, ông chỉ là tướng nơi chiến trường, không còn là tướng trong gia đình; rơi vào cảnh ngộ cô đơn, bi kịch.

++ Người cha trong truyện ngắn của Sương Nguyệt Minh là người chỉ huy gia đình, mặc dù có sự va chạm với con cái nhưng chủ yếu do khoảng cách thế hệ, chưa thấu hiểu về nhau.

+ Lí giải nguyên nhân sự tương đồng, khác biệt:

++ Tương đồng: hai người cha đều là những người lính, những vị tướng được rèn luyện trong môi trường quân đội với lối sống kỉ luật, tinh thần nhân hậu; xa nhà đi chiến đấu nhiều năm nên khi về hưu có những khoảng cách nhất định với con cái.

++ Khác biệt: Bản chất lao động nghệ thuật là sáng tạo: Nguyễn Huy Thiệp thiên về thể hiện khía cạnh bi kịch của người lính; Sương Nguyệt Minh thiên về khắc họa hình ảnh người cha nghiêm khắc trong dạy dỗ, uốn nắn con cái.

* Đánh giá

- Hai đoạn trích hay, đều làm nổi bật hình ảnh một thế hệ người lính trong cuộc sống đời thường, ở giai đoạn lịch sử mới của đất nước, khi cuộc sống có những xáo trộn, đổi thay phức tạp.

- Hai đoạn trích để lại trong ta sự kính phục, cảm thông với những người lính già có nhân cách cao đẹp.

ĐỀ SỐ 22

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

LỄ MỪNG LÚA MỚI CỦA NGƯỜI JRAI: LÒNG BIẾT ƠN MẸ THIÊN NHIÊN

(Thu Hà)

[VOV2] - Lễ mừng lúa mới của người Jrai ở Tây Nguyên để tạ ơn thần linh, mẹ thiên nhiên đã ban cho mùa màng tươi tốt, cuộc sống ấm no. Đây cũng là dịp để gia đình, bạn bè, dòng tộc và cộng đồng lưu giữ những kết nối tình cảm gắn bó, yêu thương.

Dân tộc Jrai là một trong 54 dân tộc Việt Nam. Trải qua bao nhiêu thăng trầm, biến thiên của lịch sử, đồng bào vẫn giữ được nhiều sinh hoạt văn hóa hết

sức riêng biệt và đặc sắc. Trong đó, lễ mừng lúa mới có ý nghĩa quan trọng để tạ ơn các vị Thần đã cho buôn làng có được một mùa vụ no đủ.

Từ bao đời nay, mỗi năm khi mùa màng đã đến kỳ thu hoạch, khi rượu trong ché đã nồng đượm thơm men cũng là lúc lễ mừng lúa mới của người Jrai (hay Gia Rai) ở Tây Nguyên được tổ chức với ý nghĩa quan trọng. Theo các già làng, lễ cúng này để xin các vị Thần (7 vị Thần: Thần Đất, Thần Trời, Thần Nước, Thần Nuôi dưỡng, Thần Che chở, Thần Bảo vệ và Thần Lúa) phù hộ cho gia đình, dòng tộc và cả bản làng được bình an. Đây cũng là dịp để tạ ơn các vị Thần đã che chở cho dân làng mùa màng tốt tươi từ lúc gieo hạt đến khi thu hoạch.

Mỗi mùa thu hoạch người Jrai lại tổ chức nghi lễ cúng mừng lúa mới để tạ ơn các thần linh và mẹ thiên nhiên. Ảnh: Hoàng Tâm

Với tâm hồn mộc mạc, bình dị, người Jrai cho rằng vạn vật đều hữu linh và các vị thần linh cũng có đời sống tình cảm như con người. Do đó nếu như biết ơn, dâng cúng với một tấm lòng thành kính với lễ vật đầy đủ thì sẽ được các bậc ơn trên, thần linh che chở. Từ quan niệm đó, lễ mừng lúa mới của người Jrai ở Tây Nguyên được tổ chức đều đặn hằng năm và cũng trở thành một nét đẹp văn hoá độc đáo của người dân nơi đây.

Theo phong tục của người Jrai, lễ cúng mừng lúa mới được chia thành hai phần rõ rệt: phần lễ và phần hội. 3 hoạt động chính gồm: cúng lúa mới tại rẫy, cúng tại kho lúa và cúng tại nhà chủ lúa. Trước khi tổ chức lễ tại nhà, người Jrai tiến hành cúng lúa mới tại rẫy. Lễ vật cho buổi lễ cúng ở rẫy chủ yếu là rượu, gà và đặc biệt là phải có một cái chén để đựng rượu bằng đồng.

Để nghi lễ được diễn ra suôn sẻ, ngay từ sáng sớm chủ nhà cùng các thành viên và thầy cúng ra ruộng chuẩn bị kỹ lưỡng lễ vật để làm nghi thức cúng hồn

lúa tại rẫy. Đối với người Jrai, chủ lễ thường là người bác cả của dòng họ. Bởi đây là người có vai trò và vị trí quan trọng trong hệ thống thần tộc, là người lớn tuổi có kiến thức và uy tín của dòng họ.

Trong lúc khấn thầy cúng sẽ làm động tác chạm 7 lần vào chén rượu đồng và cầu khấn 7 vị thần cho lúa mau chín, cho lúa thơm ngon. Đặc biệt, sau mỗi lời khấn các thanh niên nam nữ khỏe mạnh sẽ nhẹ nhàng vuốt từng bông lúa, không làm cây lúa bị đau, không phạm đến các thần. Người Jrai tin rằng có như vậy mùa vụ năm ấy mới tốt tươi bội thu.

Lễ mừng lúa mới có ý nghĩa rất đặc biệt với người Jrai ở Tây Nguyên.

Ảnh: Tuấn Minh

Khi dâng cúng xong, phong tục của người Jrai vẫn theo chế độ mẫu hệ, nên người được mời rượu đầu tiên là người phụ nữ, đầu tiên là vợ và mẹ vợ chủ lúa, rồi tiếp theo là chủ lúa và anh của vợ chủ lúa. Sau đó lần lượt khách đến dự từ lớn đến nhỏ cùng uống rượu. Cũng như bao lễ nghi khác trong năm, nghi lễ cúng lúa mới ngoài rẫy người Jrai cũng mời anh em, bạn bè đến càng đông càng tốt để chung vui cùng cầu may mắn bình an, no đủ.

Phụ nữ người Jrai sẽ là người được mời uống rượu trước trong lễ mừng lúa mới. Ảnh: Tuấn Minh

Sau khi lễ cúng tại rẫy xong, tất cả nam nữ cùng nhau thực hiện việc tuốt lúa để đưa cất vào chòi lúa và kết thúc phần cúng ở ngoài rẫy, chuẩn bị cho lễ cúng mừng lúa mới tại nhà. Lễ vật cúng tại nhà sẽ cầu kỳ hơn gồm gà, lợn, cây nêu, 1 thúng lúa, rồi cả những vật dụng như nia, liềm, gùi, thúng... Và không thể thiếu 3 ché rượu, 1 ché để cúng Thần linh, 1 ché dành cho bác cả của dòng họ và 1 ché để cảm ơn thầy cúng.

Có một điều đặc biệt là trong lễ mừng lúa mới, trước khi lúa được đưa vào kho người Jrai sẽ tiến hành cúng kho lúa hay còn gọi là rước hồn lúa vào kho. Kho lúa như một ngôi nhà sàn thu nhỏ, có diện tích chừng 10 mét vuông được làm bằng ván trụ gỗ, mái tranh kín đáo, tránh mưa nắng và ngăn các loài chim, sóc, chuột chui vào phá hoại. Kho lúa có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống của đồng bào Jrai. Vì thế, việc làm kho lúa được người Jrai đặc biệt quan tâm.

Theo quan niệm của người Jarai, bông lúa tượng trưng cho sự sinh sôi phát triển, hạt gạo mang đến sự no ấm yên vui cho cuộc sống con người. Lúa tốt thì đời sống con người sung túc đủ đầy. Chính vì vậy, con người có nhà để trú ngụ thì lúa cũng phải có kho để ở. Nếu gia đình nào không có kho để đựng lúa thóc sẽ bị Giàng trách phạt, không được ban tặng sự no đủ. Cũng xuất phát từ đó, lễ cúng kho lúa cũng đặc biệt được coi trọng như đối với nhà ở.

Đối với lễ cúng lúa mới tại nhà cũng được tiến hành tương tự như ở ngoài rẫy. Sau đó là lễ giã gạo nấu cơm. Việc giã gạo từ lúa mới thường được các cô gái

đảm nhiệm. Trong quá trình các cô gái giã gạo, các chàng trai có động tác vỗ đinh bương làm nhịp tạo ra không khí vui vẻ, để các cô gái quên đi mệt mỏi cũng như làm cho ngày lễ thêm phần vui tươi.

Trong ngày mừng lúa mới, gia chủ cũng phải chuẩn bị thêm nhiều đồ ăn thức uống để thết đãi khách mời. Tuy nhiên, các vị khách thường đều mang theo một ít thịt rượu để đến góp vui, cầu may mắn.

Sau khi kết thúc phần lễ nghi, đồng bào Jrai sẽ cùng nắm chặt tay nhau để hòa mình trong tiếng cồng chiêng và những điệu dân ca, dân vũ.
Ảnh: Tuấn Minh

Kết thúc phần nghi lễ, mọi người cùng nhau ăn uống trò chuyện thâu đêm suốt sáng. Lúc này, tiếng chiêng tiếng trống cùng ngân vang, buôn làng cùng nhau vui hát. Mọi người cùng hòa trong điệu múa xoang xoay vòng và những điệu dân ca dân vũ.

Ngoài ý nghĩa tâm linh, lễ mừng lúa mới của người Jrai ở Tây Nguyên còn là dịp để cộng đồng, buôn làng lưu giữ những kết nối tình cảm, gắn bó với nhau, bởi đó không còn là việc riêng của mỗi gia đình mà là việc chung của cả buôn làng.

(Thu Hà, theo *https://vov2.vov.vn/van-hoa-giai-tri/le-mung-lua-moi-cua-nguoi-jrai-long-biet-on-me-thien-nhien-50115.vov2*)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra nguyên nhân tổ chức lễ ăn mừng lúa mới đều đặn hằng năm của người Jrai ở Tây Nguyên?

Câu 2. Kể tên các hoạt động diễn ra trong lễ mừng lúa mới của người Jrai ở Tây Nguyên.

Câu 3. Nêu ý nghĩa của sapo trong văn bản.

Câu 4. Chỉ ra tác dụng của việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản.

Câu 5. Từ ý nghĩa của lễ mừng lúa mới của người Jrai ở Tây Nguyên *dịp để cộng đồng, buôn làng lưu giữ những kết nối tình cảm, gắn bó với nhau*, anh/ chị hãy trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự gắn kết giữa cá nhân và cộng đồng trong bối cảnh hiện nay.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày quan điểm của bản thân về việc người trẻ cần có thái độ trân trọng các lễ hội văn hóa truyền thống của dân tộc.

Câu 2.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hình ảnh Hà Nội qua cảm nhận của nhân vật trữ tình được thể hiện trong hai văn bản sau:

Tôi trở lại những bờ đường mùa xuân
Cây già trắng lá
Ôi thành phố tôi yêu kỳ lạ
Cái sống như trăn trở ngày đêm
Tôi lớn lên, lo nghĩ nhiều thêm
Thành phố cũng như tôi đang lớn
Những gác xép bộn bề hy vọng
Những đâu hồi bóng nắng nhấp nhô...

Tôi trở về những ngõ quen xưa
Mỗi ngõ nhỏ giấu một lời tâm sự
Tôi trở lại những lối mòn quá khứ
Có tâm tình ta mắc nợ cha ông
(Nhịp chày sương hay tiếng trống thu không
Nét son đượm trên vòm cong mái cổ)
Tôi trở lại những lối mòn tình tự
Cánh bướm màu hạnh phúc cứ bay đôi
Tiếng ve ran những điệp khúc mùa vui...

... Ôi rất lâu rất lâu
Tôi mới lại đi một ngày thong thả
Thành phố như tim tôi êm ả
Sau rất nhiều gian lao

(Trích *Trở lại trái tim mình*,
Bằng Việt, in trong *Hoa tường vi*, Thơ, Bằng Việt,
NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.33 - 34)

Và:

Về Hà Nội
Đêm gió nổi
Mưa loang ướt mặt đường
Hoa dạ lan dâng hương

Hà Nội đã ngủ rồi
Tôi lang thang mình tôi
Mặt trăng căng lồng ngực
Nôn nao và thao thức

Gió nhẹ nhàng quấn tôi
Thả tôi vào Hà Nội
Bồng bềnh cùng mây trời
Tôi uống hạt sương rơi

Hà Nội ơi!
Tôi về rồi
Mai trên phố
Tóc tôi bay

Tôi tan vào Hà Nội
Tan vào đêm gió nổi

Tan vào hương ngọc lan
Tan vào ánh trăng vàng

Chầm chậm
cùng
thu
sang...

(*Tan vào Hà Nội*,
Nguyễn Phan Quế Mai, in trong *Tổ quốc gọi tên mình*,
NXB Phụ nữ, 2015, tr. 60-61)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Lễ mừng lúa mới của người Jrai ở Tây Nguyên được tổ chức đều đặn hằng năm xuất phát từ nguyên nhân: người Jrai cho rằng vạn vật đều hữu linh và các vị thần linh cũng có đời sống tình cảm như con người. Do đó nếu như biết ơn, dâng cúng với một tấm lòng thành kính với lễ vật đầy đủ thì sẽ được các bậc ơn trên, thần linh che chở.

Câu 2. Kể tên các hoạt động diễn ra trong lễ mừng lúa mới của người Jrai ở Tây Nguyên: cúng lúa mới tại rẫy, cúng tại kho lúa và cúng tại nhà chủ lúa.

Câu 3. Nội dung của phần sapo: giới thiệu khái quát nội dung của bài viết, nhấn mạnh ý nghĩa của lễ hội mừng lúa mới của người Jrai ở Tây Nguyên như thể hiện lòng biết ơn thần linh, thiên nhiên đã ban cho mùa màng tươi tốt, cuộc sống ấm no đồng thời kết nối tình cảm gắn bó, yêu thương trong gia đình và cộng đồng.

Câu 4. Tác dụng của việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản:

- Các yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng: các hình ảnh về lễ hội, các số liệu.

- Tác dụng: làm rõ hơn các thông tin của bài viết về các hoạt động, không khí diễn ra và ý nghĩa của lễ hội; tăng tính sinh động và hấp dẫn cho bài viết.

Câu 5. Thí sinh trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự gắn kết giữa cá nhân và cộng đồng trong bối cảnh hiện nay, phù hợp đạo đức và pháp luật. Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng: giúp cho cá nhân phát huy

giá trị bản thân, có cơ hội vươn lên đóng góp cho cộng đồng; giúp cho cộng đồng trở nên đoàn kết, vững mạnh; trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự gắn kết này càng có ý nghĩa quan trọng đưa đất nước tiến xa, hội nhập.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày quan điểm về việc người trẻ cần có thái độ trân trọng các lễ hội văn hóa truyền thống của dân tộc*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

+ Người trẻ phải có thái độ trân trọng các lễ hội văn hóa truyền thống của dân tộc bởi vì đây là biểu hiện của bản sắc, giá trị văn hóa dân tộc được cha ông sáng tạo, gìn giữ và phát huy qua bao thế hệ; các lễ hội phản ánh cuộc sống, nếp nghĩ, tâm hồn cha ông; văn hóa truyền thống là nền tảng của văn hóa hiện đại.

+ Thái độ trân trọng các lễ hội văn hóa truyền thống của dân tộc giúp người trẻ biết hướng về nguồn cội, biết ơn đối với cha ông; biết gìn giữ và phát huy các giá trị, lan tỏa bản sắc; tìm về lễ hội văn hóa truyền thống để hòa mình vào cuộc sống của cộng đồng, hiểu biết về truyền thống lịch sử, văn hóa, về niềm vui từ những điều bình dị của cha ông; tránh tư tưởng vọng ngoại trong bối cảnh toàn cầu hóa;...

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *so sánh, đánh giá hình ảnh Hà Nội qua cảm nhận của nhân vật trữ tình được thể hiện trong hai văn bản "Trở lại trái tim mình" (Bằng Việt)* và *"Tan vào Hà Nội" (Nguyễn Phan Quế Mai*); lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

***** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm; nêu vấn đề nghị luận: so sánh, đánh giá tình cảm của nhân vật trữ tình đối với Hà Nội.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Phân tích, đánh giá những điểm giống nhau: hình ảnh Hà Nội được gợi lên nên thơ, bình yên, thấm đẫm hoài niệm và xôn xao, thổn thức; hình ảnh Hà Nội giản dị, đời thường và gần gũi, thân thương; hình ảnh Hà Nội được hiện lên qua cảm nhận của nhân vật trữ tình cách xa rất lâu mới trở về Hà Nội trong nỗi xúc động, bâng khuâng; hình ảnh Hà Nội được hiện lên qua giọng thơ tha thiết, sâu lắng, qua việc sử dụng các biện pháp tu từ liệt kê, điệp và ngôn ngữ chọn lọc.

+ Phân tích, đánh giá những điểm khác nhau:

Hình ảnh Hà Nội trong *Trở lại trái tim mình* (Bằng Việt) được gợi lên trên rất nhiều phương diện, dáng nét, tạo cái nhìn tổng hợp, toàn diện về thành phố trong *trái tim mình* của nhân vật trữ tình.

++ Được cảm nhận qua những đổi thay cùng thời gian năm tháng: *cái sống như trăn trở ngày đêm, thành phố cũng như tôi đang lớn,...*

++ Bình dị, mộc mạc in dấu bao kỉ niệm: *gác xép, đâu hồi bóng nắng nhấp nhô, ngõ quen xưa, lối mòn quá khứ, lối mòn tình tự,...*

++ Thâm trầm, cổ kính, lắng sâu: *nhịp chày sương, tiếng trống thu không, nét son đượm trên vòm cong mái cổ.*

++ Đọng lại những niềm vui ngọt ngào, tươi mới: *cánh bướm màu hạnh phúc, tiếng ve ran những điệp khúc mùa vui*

++ Êm ả và bình yên sau biết bao biến động, thăng trầm: *thành phố như tim tôi êm ả/ Sau rất nhiều gian lao*.

Hình ảnh Hà Nội trong *Tan vào Hà Nội* (Nguyễn Phan Quế Mai) được gợi lên chủ yếu qua cảm giác, đượm xúc cảm giao hòa của nhân vật trữ tình.

++ Thiên về nét gần gũi, được cảm nhận qua những sự vật bình dị, mộc mạc mà thấm vào chiều sâu, đẫm chất thơ với *mưa loang ướt mặt đường, hoa dạ lan dâng hương, hương ngọc lan, ánh trăng vàng,...*;

++ Có sự hòa tan, hài hòa từng bước lan thấm vào nhân vật trữ tình *tan vào Hà Nội, tan vào đêm gió nổi, tan vào hương ngọc lan, tan vào ánh trăng vàng,...*

+ Nguyên nhân dẫn đến sự giống nhau và khác nhau.

* Khẳng định ý nghĩa của sự so sánh, đánh giá hình ảnh Hà Nội Nội qua cảm nhận của nhân vật trữ tình được thể hiện trong hai văn bản; vị trí của hai đoạn thơ trong bài thơ và sự tác động của ý thơ tới người đọc trong hoạt động tiếp nhận.

ĐỀ SỐ 23

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

PHẬN HOA BÊN LỀ

(Chu Văn Sơn)

Nó là loài hoa không biết đến hội hè. Nó không có chỗ trong các bình hoa bày trang trọng tại những chốn cao sang. Cũng không có chỗ trong những vựa hoa, quầy hoa, sạp hoa bày trên phố xá. Không ai đầu tư, không ai khuyến mại. Nó không bao giờ có mặt trong danh sách những thứ hoa cần mua sắm để trang hoàng khánh tiết cho bất cứ kì cuộc nào.

[...]

Nó là hoa lau. Nó là loài cỏ. Mà nào có như cỏ mật được giấu vào túi áo, cỏ gà được chọn chơi, cỏ gừng, cỏ nhung được chăm chút trong công viên. Nó là loài cỏ bị bỏ rơi. Người ta vẫn trông mà đâu có thấy... Mặc, lau vẫn sống đời lau. Lầm lụi thanh bần. Lau vẫn mọc, theo cách riêng. Không riêng từng thân, mà thành từng bụi. Khi nở thì nhất loạt, cứ tua tủa vươn lên. Mỗi ngọn như một tia phun mạnh vào không trung. Tất cả như một chùm pháo hoa bừng sáng. Lau tự bắn pháo hoa, tự mình hội hè lễ lạc chăng?

[...]

Lau cũng nở theo cách riêng. Không bày từng cánh, không đơm từng phiến, mà vươn từng sợi. Từng sợi nương nhau mà thành lọn, tụ lại mà thành bông. Như bông tuyết khô. Như núm bông lẻ. Như lọn mây thất lạc thinh không, rơi rụng khỏi bầu trời, đậu hờ trên ngọn mảnh. Nhưng bao giờ lau cũng vươn cao nhất, cố nghển cổ lên mà nở hoa. Có lẽ trong các loài, đây là loài hoa cổ gầy nhẳng mà vươn dài nhất. Dài đến ngất nghểu chon von. Khi toàn thân đã hết hẳn tầm vươn, nó mới đành trổ hoa. Như để được diện kiến với trời, như để được giao lưu với mây, díu dan với gió. Lau phải lòng mây, gió, phải lòng khoảng không chăng? Nhiều khi ngắm nó, tôi cứ miên man với những giả tưởng cổ tích. Phải chăng, thuở xưa lau vốn là một cụm mây trắng út ít? Một lần theo chúng theo bạn xuống nhởn nhơ trần giới, rồi mải quyến luyến cây cỏ, đến lúc ngẩng lên thì ngày đã

khép, nắng đã tắt, chẳng còn kịp theo bầy mà về trời. Thế là cụm mây út rớt lại miền hoang. Nó lìa khỏi gió. Đậu vào đầu cỏ. Mà thành hoa lau. Từ đấy, mây út sống kiếp cỏ hoa để một đời luôn nhớ tiếc khoảng không, ngóng vọng bầu trời. Suốt đời thèm về lại kiếp mây trắng. Mà không thể. Phải vì thế mà những bông lau buồn nhất là lúc hoàng hôn? Khi mặt trời khuất dần sau núi, thu hết nắng đem đi, trên đầu mỗi bông lau chỉ còn le lói vài tia nán lại, dáng lau mới bồn chồn làm sao. Những ánh bạc cứ tím rực lên rồi thẫm lại. Đầu bông cố rướn lên rồi lả xuống. Xốn xang mà u uất. Lau bơ phờ rủ bờm trong hoàng hôn. Rồi những ánh chiếu li ti cũng tắt dần trên từng sợi bạc của hoa lau, bóng tối ngấm sâu vào cây cỏ. Đó là lúc ngày thực sự trút hơi thở tàn cuối cùng để chết lịm vào lòng đêm. Cả chùm lau muôn sợi bạc mềm óng ánh thế, tím rực thế, bỗng tím bầm, tím ngắt, như vẻ mặt thất thần của kẻ chợt nhận ra mình khánh kiệt... Đón được gió mà đành buông gió. Muốn cất mình bay, mà suốt đời chỉ đậu. Cuối cùng, lau chọn một cách bay riêng. Không toàn thể, thì từng phần. Chẳng tưng bừng, thì lặng lẽ. Không có một chuyến chung, thì làm vô vàn chuyến riêng. Lau cứ âm thầm xé mình ra. Đời hoa là đời của ước mơ lớn xé lẻ thành những sợi lau con. Mỗi sợi bạc một ước mơ bay. Cứ từng sợi, từng sợi, gửi vào gió. Mà bay. Nhung tuyết một đời tan thành từng chuyến bay như thế. Bọt bạc rồi xơ xướp. Hết nhung hết tuyết, cũng hết đời hoa.

(Trích *Phận hoa bên lề*, Chu Văn Sơn, *Tự tình cùng cái Đẹp*,
NXB Hội Nhà văn, 2019, tr.132-136)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn trích có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào?

Câu 2. Theo đoạn trích, vì sao nói lau là *loài hoa không biết đến hội hè?*

Câu 3. Hãy chỉ ra và nêu ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong các câu văn sau: *Lau cũng nở theo cách riêng. Không bày từng cánh, không đơm từng phiến, mà vươn từng sợi. Từng sợi nương nhau mà thành lọn, tụ lại mà thành bông. Như bông tuyết khô. Như núm bông lẻ. Như lọn mây thất lạc thinh không, rơi rụng khỏi bầu trời, đậu hờ trên ngọn mảnh.*

Câu 4. Phân tích ngắn gọn vẻ đẹp của hoa lau được thể hiện trong đoạn trích.

Câu 5. *Cuối cùng, lau chọn một cách bay riêng. Không toàn thể, thì từng phần. Chẳng tưng bừng, thì lặng lẽ. Không có một chuyến chung, thì làm vô vàn chuyến riêng. Lau cứ âm thầm xé mình ra. Đời hoa là đời của ước mơ lớn xé lẻ thành những sợi lau con. Mỗi sợi bạc một ước mơ bay. Cứ từng sợi, từng sợi, gửi vào gió. Mà bay. Nhung tuyết một đời tan thành từng chuyến bay như thế.*

Bài học cuộc sống mà anh/ chị rút ra được từ hình ảnh hoa lau trong những câu văn trên. Trình bày ngắn gọn những suy nghĩ đó (khoảng 5 - 7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích đặc điểm cái tôi người cầm bút trong đoạn trích *Phận hoa bên lề* (Chu Văn Sơn) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của truyền thông trong cuộc sống hôm nay.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Đoạn trích có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Câu 2. Theo đoạn trích, lau là *loài hoa không biết đến hội hè* vì: *Nó không có chỗ trong các bình hoa bày trang trọng tại những chốn cao sang. Cũng không có chỗ trong những vựa hoa, quầy hoa, sạp hoa bày trên phố xá. Không ai đầu tư, không ai khuyến mại. Nó không bao giờ có mặt trong danh sách những thứ hoa cần mua sắm để trang hoàng khánh tiết cho bất cứ kì cuộc nào.*

Câu 3.

- Hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong các câu văn: Tỉnh lược thành phần câu (chủ ngữ):

+ Không bày từng cánh, không đơm từng phiến, mà vươn từng sợi.

+ Như bông tuyết khô. Như núm bông lẻ. Như lọn mây thất lạc thinh không, rơi rụng khỏi bầu trời, đậu hờ trên ngọn mảnh.

- Ý nghĩa:

+ Giúp cách diễn đạt trở nên độc đáo, ấn tượng, góp phần tạo nên nhịp điệu cho lời văn.

+ Nhấn mạnh, làm nổi bật cách nở rất riêng của hoa lau.

Câu 4. Vẻ đẹp của hoa lau:

- Loài hoa khiêm nhường: *không biết đến hội hè; không có chỗ trong các bình hoa bày trang trọng tại những chốn cao sang; không có chỗ trong những vựa hoa, quầy hoa, sạp hoa bày trên phố xá; không ai đầu tư, không ai khuyến mại; không bao giờ có mặt trong danh sách những thứ hoa cần mua sắm.*

- Có cách sống riêng: kín đáo, lặng lẽ (*Lầm lụi thanh bần, chẳng tưng bừng, thì lặng lẽ)*; đầy sức sống (*vươn cao nhất, cố nghển cổ lên mà nở hoa, đâu bông cố rướn lên*).

- Dù bị quên lãng nhưng tìm cách dâng hiến trọn vẹn một đời hoa (*cứ âm thầm xé mình ra, xé lẻ thành những sợi lau con, từng sợi gửi vào gió, nhung tuyết một đời tan thành từng chuyến bay như thế, bợt bạc rồi xơ xướp, hết nhung hết tuyết, hết đời hoa*).

Câu 5.

Thí sinh trình bày bài học cuộc sống rút ra được từ hình ảnh hoa lau trong những câu văn; phù hợp đạo đức, pháp luật; lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng sau:

- Con người cần sống hết mình trong mọi hoàn cảnh.

- Con người chẳng cần phô trương mà lặng lẽ, bền bỉ dâng hiến và làm đẹp cho đời.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích đặc điểm cái tôi người cầm bút trong đoạn trích "Phận hoa bên lề" (Chu Văn Sơn)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Cái tôi người cầm bút trong đoạn trích:

+ Tâm hồn tinh tế, nhạy cảm: cảm nhận vẻ đẹp rất riêng của hoa lau (*Lầm lụi thanh bần; tua tủa vươn lên; mỗi ngọn như một tia phun mạnh vào không trung, như một chùm pháo hoa bừng sáng; vươn từng sợi, từng sợi nương nhau mà thành lọn, tụ lại mà thành bông; cả chùm lau muôn sợi bạc mềm óng ánh, tím rực;...*); nhìn nhận hoa lau như một kiếp hoa, phận hoa, đời hoa có tâm hồn, cảm xúc (*loài hoa không biết đến hội hè, loài cỏ bị bỏ rơi, sống kiếp cỏ hoa, những bông lau buồn nhất là lúc hoàng hôn, đời hoa là đời của ước mơ lớn xé lẻ thành những sợi lau con,...*).

+ Liên tưởng phong phú: *miên man với những giả tưởng cổ tích, thuở xưa lau vốn là một cụm mây trắng út ít,...*

+ Vốn ngôn ngữ giàu có, sử dụng ngôn ngữ đầy tài hoa: các từ láy (*bồn chồn, xốn xang, u uất, nhởn nhơ, quyến luyến, chon von, bợt bạc, xơ xướp,...*); các biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh, điệp từ, câu hỏi tu từ,...

- Cái tôi của một người nghệ sĩ tài hoa, yêu cái đẹp đã góp phần làm nên sức hấp dẫn cho đoạn trích, giúp cho tâm hồn bạn đọc đa cảm, nhạy cảm hơn.

Câu 2. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ về vai trò của truyền thông trong cuộc sống hôm nay*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

***** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

***** Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận:

+ Truyền thông là cách thức truyền tin, kết nối, trao đổi thông tin giữa con người với nhau. Có nhiều hình thức, cách thức truyền thông: báo chí (viết, báo hình), quảng cáo, mạng xã hội, in ấn tờ rơi, giới thiệu, quảng bá trực tiếp,...

+ Trong cuộc sống hôm nay truyền thông có vai trò quan trọng.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Vai trò tích cực:

++ Giới thiệu, quảng bá rộng rãi về bản thân, về chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

++ Các thông tin đến được nhanh chóng, rộng rãi với người cần.

++ Giúp con người tiết kiệm sức lao động, phát huy khả năng sáng tạo.

++ Góp phần lan tỏa nhanh, rộng các giá trị tích cực, cảnh báo kịp thời những điều nguy hại, tạo nên hiệu ứng xã hội to lớn.

+ Mặt tiêu cực:

++ Truyền thông với nội dung sai sự thật gây ra hậu quả không tốt, thậm chí nghiêm trọng.

++ Truyền thông sai cách có khi lại phản tác dụng.

++ Truyền thông cũng dễ khuếch đại những sai lầm, thiếu sót của một cá nhân, một tổ chức, khiến họ lao đao, việc xử lí khủng hoảng truyền thông cũng rất phức tạp, thậm chí tốn kém.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: phê phán những cách thức truyền thông vô trách nhiệm, có mục đích xấu; nhận thức được truyền thông là con dao hai lưỡi, có tác động lớn. Đề cao vai trò của truyền thông trong thời hiện đại không có nghĩa là lạm dụng truyền thông, đánh bóng hình ảnh thái quá, sai sự thật

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: tận dụng thế mạnh của truyền thông để quảng bá, giới thiệu về bản thân, công việc, sản phẩm; hạn chế những tác động tiêu cực từ truyền thông, có thái độ thận trọng, biết chọn lọc trước mọi thông tin.

ĐỀ SỐ 24

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

NGUYỄN NGỌC TƯ NHẬN GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC ĐIỀN TRÌ, TRUNG QUỐC

(Tâm Anh)

Mới đây, nhà văn Nguyễn Ngọc Tư trở thành một trong những tác giả được vinh danh tại Giải thưởng Văn học Điền Trì, Trung Quốc do tạp chí Văn học Điền Trì tổ chức.

Giải thưởng Văn học Điền Trì tổ chức năm nay là lần thứ 20. Lễ trao giải diễn ra hôm 14/9. Mỗi năm, Tạp chí Văn học Điền Trì sẽ bình chọn những tác phẩm được đăng trên tạp chí năm trước để trao giải thưởng.

Năm 2023, ba truyện ngắn "Cố định một đám mây", "Một mùa sương thức", "Những biển" nằm trong tập truyện ngắn "Cố định một đám mây" của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư (Phanbook và Nhà xuất bản Đà Nẵng ấn hành, 2018) được hai dịch giả Cao Ngạt Kiều và Hồ Điệp dịch, in trên Tạp chí Văn học Điền Trì. Năm

nay, truyện ngắn "Những biển" được chọn để trao giải thưởng "Văn học Đông Nam Á xuất sắc năm 2024".

"Cố định một đám mây" bao gồm 10 truyện ngắn, được đơn vị phát hành giới thiệu sẽ "đưa độc giả bước vào một không gian mới trong chuyến viễn hành văn chương âm thầm nhưng đầy dấu ấn cá nhân", với những thay đổi trong văn phong, bút pháp của tác giả so với những tác phẩm trước đó.

Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư không thể đến tham dự Lễ trao giải vừa diễn ra tại thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Trong diễn từ gửi ban tổ chức, nhà văn viết "thiết nghĩ với một nhà văn, sự hiện diện quan trọng nhất của anh/chị ta chính là ở tác phẩm", bày tỏ rằng giải thưởng đã củng cố niềm tin nơi cô rằng "văn chương, nghệ thuật vốn không có biên giới nào".

Nguyễn Ngọc Tư bộc bạch cô thường tránh né việc đọc lại tác phẩm của mình sau khi đã in thành sách. Lý do một phần là cô "đã đọc chúng nhiều đến phát chán trong lúc sửa chữa hoàn thiện bản thảo, phần khác, tôi không cách nào đọc lại mà không thất vọng, không nhìn thấy những lỗi sai, những câu chữ vụng về - thứ luôn hiện rõ dần trước độ lùi của thời gian". Nhưng lý do quan trọng hơn là nhà văn "không muốn mất thời giờ quyến luyến những thứ đã viết xong, đã ở thì quá khứ, mà dành trọn tâm trí cho những gì đang và sẽ viết sắp tới đây".

Nhìn lại khoảng cách khá xa giữa mình và tác phẩm của mình, Nguyễn Ngọc Tư thường nghĩ: "Một khi tác phẩm đến với công chúng, nó phải tự thân trôi nổi ngoài kia, mình làm sao quản được".

Cô nghĩ vậy mà không chút nào áy náy, bởi "tôi biết tác phẩm của mình sẽ được người đọc bảo bọc". Những khoảnh khắc như khi được tin tạp chí Văn học Điền Trì trao giải cho chùm truyện ngắn của mình, cô "lại nghĩ những tác phẩm ấy vẫn nhận được hơi ấm, ánh sáng dẫu không được tôi thường xuyên hoài nhớ".

Do đó, nhà văn cảm ơn tạp chí "đã giúp sức cho những tác phẩm này chống lại sự xa cách của kẻ khai sinh ra chúng [...] nhắc nhớ rằng, dẫu tôi giả vờ như quên những gì mình từng viết, thì chúng cũng là những đứa con tinh thần mà tôi đã từng hoài thai, chăm chút".

Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư từng nhận nhiều giải thưởng văn học quốc tế: Giải thưởng văn học ASEAN năm 2018 với tác phẩm "Ngọn đèn không tắt" và "Cánh đồng bất tận", Giải thưởng LiBeraturpreis 2018 do Hiệp hội Quảng bá văn học châu Á, châu Phi, Mỹ Latin tại Đức (Litprom) bình chọn với tác phẩm "Cánh đồng bất tận". Năm 2019, Nguyễn Ngọc Tư thuộc Top 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất tại Việt Nam 2018 do tạp chí Forbes bình chọn.

Tháng 7 năm nay, bản dịch tác phẩm Biên sử nước của Nguyễn Ngọc Tư sang tiếng Anh với tựa đề Water: A Chronicle do dịch giả An Lý thực hiện đã giành giải PEN Translates của English PEN (Hiệp hội Văn bút Anh).

(Tâm Anh, theo https://baomoi.com/nguyen-ngoc-tu-nhan-giai-thuong-van-hoc-dien-tri-trung-quoc, 15/9/2024)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư được trao giải *"Văn học Đông Nam Á xuất sắc năm 2024"* với tác phẩm nào?

Câu 2. Theo văn bản, lí do quan trọng khiến nhà văn Nguyễn Ngọc Tư né tránh việc đọc lại tác phẩm của mình sau khi in thành sách là gì?

Câu 3. Chỉ ra sự phù hợp giữa nhan đề và nội dung của văn bản.

Câu 4. Nêu tác dụng của việc liệt kê các giải thưởng mà nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đã nhận được.

Câu 5. Anh/ Chị có đồng tình với ý kiến của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư *văn chương, nghệ thuật vốn không có biên giới nào?* Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư khẳng định: *"thiết nghĩ với một nhà văn, sự hiện diện quan trọng nhất của anh/chị ta chính là ở tác phẩm"*.

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về điều quan trọng nhất khẳng định sự hiện diện của con người trong cuộc đời.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/ Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá nét đặc sắc về chủ đề, nghệ thuật của bài thơ sau:

NHỮNG NGÔI SAO HÌNH QUANG GÁNH

(Nguyễn Phan Quế Mai)

Họ gánh về cho tôi mùa ổi mùa xoài mùa mận
Mùa sen mùa cốm trên vai
Cả nắng ban mai cả hoàng hôn tím
Ngày đi rưng rưng đôi dép lê.
Tôi mua được mùa ổi, mùa sen bằng đồng bạc lẻ

Những đồng bạc lặng lẽ
Thấm đẫm sương đêm, thấm đẫm mồ hôi

Sau lưng họ đồng làng mồ côi hun hút gió
Vòng tay ngỏ
Lời ru con căng sữa

Họ gánh về cổng tôi bao mùa trinh nguyên,
những mùa tôi sẽ quên nếu không có họ

Hương nhãn Hưng Yên vừa vào mùa, sen Tây Hồ vừa nở, cốm Làng Vòng
vừa trăn trở những hạt xanh
Họ gánh về tặng tôi ngọn gió mát lành đồng quê
Nơi mẹ, và con và chồng họ đứng chờ
Nơi những cơn mơ
Vùng vằng khát
[...]
Những ngôi sao của tôi
Gánh trên vai mình số phận
Vô danh giữa đời thường
Đặt vào mắt tôi bao tia nhìn mang hình dấu hỏi.

(*Tổ quốc gọi tên mình,*
Nguyễn Phan Quế Mai, NXB Phụ nữ, 2015, tr.38-39)

Chú thích:

- Nguyễn Phan Quế Mai (sinh năm 1973) là một nữ nhà văn, nhà thơ sáng tác bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt. Các tác phẩm tiếng Việt của cô đã đoạt được các giải thưởng như Giải thưởng thơ năm 2010 của Hội Nhà văn Hà Nội cho tập thơ *Cởi gió*, giải Nhất Cuộc thi Thơ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Thủ đô. Cô cũng có nhiều bài thơ được phổ nhạc, trong đó bài thơ Tổ quốc gọi tên được phổ nhạc thành bài hát nổi tiếng Tổ quốc gọi tên mình.

- Tác phẩm *Những ngôi sao hình quang gánh* đạt giải Nhất cuộc thi "Thơ về Hà Nội" 2010 do đài TH Hà Nội và báo Văn nghệ tổ chức.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư được trao giải *"Văn học Đông Nam Á xuất sắc năm 2024"* với tác phẩm *Những biển*.

Câu 2. Theo văn bản, lí do quan trọng khiến nhà văn Nguyễn Ngọc Tư né tránh việc đọc lại tác phẩm của mình sau khi in thành sách: không muốn mất thời giờ quyến luyến những thứ đã viết xong, đã ở thì quá khứ, mà dành trọn tâm trí cho những gì đang và sẽ viết sắp tới đây.

Câu 3.

- Nhan đề văn bản: Nguyễn Ngọc Tư nhận giải thưởng Văn học Điền Trì, Trung Quốc.

- Nội dung văn bản: tập trung viết về sự kiện Nguyễn Ngọc Tư được nhận giải thưởng do tạp chí Điền Trì trao tặng và những tâm sự, quan điểm của cô xung quanh sự kiện này.

- Sự phù hợp giữa nhan đề và nội dung của văn bản: Nhan đề làm nổi bật được nội dung bao trùm của văn bản.

Câu 4.

- Những giải thưởng mà nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đã nhận được: Giải thưởng văn học ASEAN năm 2018 với tác phẩm *Ngọn đèn không tắt* và *Cánh đồng bất tận*, Giải thưởng LiBeraturpreis 2018 do Hiệp hội Quảng bá văn học châu Á, châu Phi, Mỹ Latin tại Đức (Litprom) bình chọn với tác phẩm *Cánh đồng bất tận*, tạp chí Forbes bình chọn top 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất tại Việt Nam 2018.

- Tác dụng của việc liệt kê các giải thưởng đó:

+ Khẳng định tài năng của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư.

+ Cách diễn đạt sinh động, lập luận thuyết phục hơn.

Câu 5.

- Thí sinh có thể đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với ý kiến của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư. Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng:

+ Nếu đồng tình: văn chương nghệ thuật không có biên giới nào vì nó hướng đến cái chung mang tính phổ quát của con người ở mọi dân tộc, mọi thời đại. Những cảnh ngộ, số phận, cảm xúc, suy nghĩ của con người mà

văn học miêu tả có thể tìm được sự đồng cảm, chia sẻ của bạn đọc dù ở đất nước nào, thời đại nào.

+ Không đồng tình: văn chương nghệ thuật không thể không có biên giới bởi lẽ mỗi nhà văn đều thuộc về một đất nước, một dân tộc nhất định, sống trong bối cảnh một xã hội, thời đại nhất định. Những gì hiện diện trên trang viết của họ cũng không thể tách rời bối cảnh xã hội, thường gắn với những cảnh ngộ riêng tư của con người trong một không gian địa lí nhất định.

+ Đồng tình một phần: kết hợp hai hướng lập luận trên.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ về điều quan trọng nhất khẳng định sự hiện diện của con người trong cuộc đời*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Những thành tựu con người đó đóng góp cho cuộc đời (những sản phẩm của lao động nghề nghiệp, của trí tuệ và tình cảm)

- Dấu ấn riêng mà người đó tạo nên trong cái nhìn, trong trí nhớ của mọi người xung quanh ở hiện thời và cả ở mai sau.

- Nêu bài học với bản thân.

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích, đánh giá nét đặc sắc về chủ đề, nghệ thuật của bài thơ "Những ngôi sao mang hình quang gánh" (Nguyễn Phan Quế Mai)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Chủ đề:

+ Chủ đề bài thơ: viết về những người phụ nữ gánh hàng rong với thái độ đồng cảm, trân trọng.

+ Phân tích sự thể hiện của chủ đề trong tác phẩm:

++ Nhan đề: liên tưởng độc đáo xuất phát từ hình ảnh chiếc quang gánh. Khi gắn với hình ảnh ngôi sao, tác giả thể hiện thái độ ngợi ca với những người bán hàng rong.

++ Hình ảnh người bán hàng rong: bình dị (*đi đôi dép lê, vô danh giữa đời thường);* vất vả mưu sinh (*những đồng bạc lẻ thấm đẫm sương đêm, thấm đẫm mồ hôi; gánh trên vai mình số phận)*; tần tảo, chịu thương chịu khó, đem lại những điều giá trị, ý nghĩa cho cuộc sống (*gánh về những mùa ổi mùa xoài mùa mận, mùa sen mùa cốm trên vai, ngọn gió mát lành thổi về từ đồng quê, những mùa trinh nguyên,...).*

- Nghệ thuật:

+ Thể thơ tự do.

+ Sự kết hợp yếu tố miêu tả và yếu tố tự sự.

+ Ngôn ngữ bình dị, giàu sức gợi; các biện pháp tu từ so sánh, liệt kê,...

+ Hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm.

* Đánh giá

Bài thơ đặc sắc cả về chủ đề và nghệ thuật, tạo được ấn tượng sâu sắc với bạn đọc.

ĐỀ SỐ 25

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Trong tác phẩm "Tam quốc diễn nghĩa" của La Quán Trung có một đoạn như sau: Sau khi âm mưu ám sát Đổng Trác bị bại lộ, Tào Tháo liền cùng Trần Cung bỏ chạy tới nhà của Lã Bá Sa. Hai nhà Tào - Lã vốn quen biết từ lâu, thấy Tào Tháo đến, người trong nhà bèn thịt một con heo để tiếp đãi. Thế nhưng khi nghe thấy tiếng mài dao, rồi lại nghe thấy con cháu họ Lã nói chuyện với nhau rằng"Trói lại rồi giết!" Tào Tháo liền nổi cơn nghi ngờ rằng họ Lã muốn giết

mình. Vì thế, Tào Tháo lập tức buông kiếm giết toàn bộ người nhà họ Lã mà không hề hỏi rõ đâu đuôi.

Đây chính là một bi kịch do tính ngờ vực vô căn cứ gây nên. Nghi ngờ, hoài nghi là một trong những điểm yếu trong tính cách con người, từ trước đến nay luôn là mầm mống tai họa, hại mình hại người, thường trú ngụ trong những tâm hồn yếu hèn. Con người một khi đã có tính hoài nghi thì lúc nào cũng ngờ vực mọi thứ làm việc gì cũng dè dặt, không những không có niềm tin đối với người khác, mà thậm chí không dám tin cả bản thân mình, điều này không chỉ ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa người với người mà còn ảnh hưởng tới cả sức khỏe lẫn trạng thái tinh thần của bản thân.

Trong cuộc sống, chúng ta đôi lúc cũng gặp phải kiểu người mà lúc nào cũng nghi ngờ, nghiêm trọng hóa vấn đề, cho rằng tất cả mọi người đều không đáng tin cậy, không đáng kết giao. Trong xã hội hiện đại, không biết từ khi nào mà lòng tin giữa người với người trở thành một thứ xa xỉ. Có không biết bao nhiêu câu chuyện lừa đảo do người bị hại quá tin tưởng người khác được báo đài, tạp chí, truyền hình đưa tin, vì thế chúng ta luôn dùng ánh mắt nghi ngờ mà nhìn nhận những người xung quanh, lòng tin dường như đã cách quá xa với cuộc sống ngày nay. Nhưng đây lại là một điều không thể thiếu đối với chúng ta, vì nếu như lòng tin không còn nữa, thì cuộc sống sẽ mất đi ánh sáng, thế giới này sẽ thiếu vắng sự ấm áp.

Tuyệt đối tin tưởng, không nghi ngờ người khác có thể nói là chuyện không dễ dàng gì, phải mất rất nhiều thời gian mới có thể tin tưởng được một người, có những người thậm chí cả một đời cũng không hề tin tưởng bất kì ai. Nếu bạn chỉ tin tưởng những người luôn nịnh bợ bạn, muốn lấy lòng bạn, thì đó chắc chắn sẽ là mối nguy; nếu như bạn tin tưởng tất cả những người mà bạn đã gặp, thì bạn là người quá đơn giản; nếu như bạn không chút đắn đo mà vội vàng tin tưởng một người, có thể chẳng lâu sau bạn sẽ bị chính người đó phản bội; nếu như chỉ do nhu cầu tạm thời nào đó mà tin tưởng một người, vậy thì những thứ có thể xuất hiện bất cứ lúc nào chính là nỗi phiền muộn do lòng hoài nghi và sự phản bội gây ra; nhưng nếu bạn cứ do dự, có lẽ bạn sẽ mãi mãi không biết thế nào là sự ấm áp của tình người, cũng có thể vì nguyên nhân đó mà cuộc đời bạn sẽ trở nên u ám, buồn tẻ. Chính vì thế, đừng cứ mãi do dự nữa, hãy mạnh dạn tin tưởng người khác nhé!

Lòng tin mặc dù chỉ là một cảm giác, tình cảm của con người, nhưng lại là sợi dây kết nối giữa mọi người với nhau, nó quyết định sự thành bại của một đời người.

(*Mỗi lần vấp ngã là một lần trưởng thành* - Liêu Trí Phong, NXB Thanh niên, 2021, tr.238-239)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Một trong những điểm yếu của tính cách con người được nêu trong đoạn trích là gì?

Câu 2. Theo đoạn trích, điều gì xảy ra khi một người có tính hoài nghi?

Câu 3. Việc trích dẫn câu chuyện về Tào Tháo trong đoạn trích có ý nghĩa gì?

Câu 4. Phân tích tác dụng của phép điệp trong câu văn sau: *Nếu bạn chỉ tin tưởng những người luôn nịnh bợ bạn, muốn lấy lòng bạn, thì đó chắc chắn sẽ là môi nguy; nếu như bạn tin tưởng tất cả những người mà bạn đã gặp, thì bạn là người quá đơn giản; nếu như bạn không chút đắn đo mà vội vàng tin tưởng một người, có thể chẳng lâu sau bạn sẽ bị chính người đó phản bội; nếu như chỉ do nhu cầu tạm thời nào đó mà tin tưởng một người, vậy thì những thứ có thể xuất hiện bất cứ lúc nào chính là nỗi phiền muộn do lòng hoài nghi và sự phản bội gây ra; nhưng nếu bạn cứ do dự, có lẽ bạn sẽ mãi mãi không biết thế nào là sự ấm áp của tình người, cũng có thể vì nguyên nhân đó mà cuộc đời bạn sẽ trở nên u ám, buồn tẻ.*

Câu 5. *Lòng tin mặc dù chỉ là một cảm giác, tình cảm của con người, nhưng lại là sợi dây kết nối giữa mọi người với nhau, nó quyết định sự thành bại của một đời người.*

Ý kiến trên gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về lòng tin giữa người với người? Trình bày ngắn gọn những suy nghĩ đó (khoảng 7-10 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trả lời cho câu hỏi: cần xây cầu nối hay xây hàng rào giữa người với người?

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích nội dung, nghệ thuật của đoạn trích sau:

VIẾT CHO RẶNG BẰNG LĂNG TRƯỚC NHÀ

(Chu Văn Sơn)

Trong tuổi thơ xứ Thanh, mình chưa có bằng lăng. Hồi ấy, quẩn quanh trong không gian hẹp, thông tin nghèo, tri thức mỏng, thế giới thảo mộc quanh mình mới chỉ thưa thớt loanh quanh với vài ba sắc tím. Sắc tím mặt ao đầm của bèo tây. Sắc tím rau vườn của hoa cà. Sắc tím lưng giậu của bìm bìm. Và dây đây năm tháng khắp các ngón tay lúc nào cũng là sắc tím bầm hoen của mực học trò. Mãi đến những ngày cuối cấp hai, khi đất nước thống nhất, thì một làn điệu cải lương mới mang từ phương Nam ra xứ Thanh cho mình sắc tím của loài hoa này. Hình như bài cải lương ấy có tên

là "Hoa tím bằng lăng". Thực ra, sau này mình thấy nó sên sến, nhưng hồi ấy, những câu cải lương mùi mẫn đó đã chiếm mất tâm hồn cậu học trò ngu ngơ sắp rời cấp hai của mình. Chẳng hiểu sao quãng tuổi ấy người ta lại mùi mẫn thế kia chứ! Từ đó, trong mình cứ bảng lảng, tỏ mờ một bóng tím bằng lăng. Nó là bóng dáng xa vời của cái đẹp. Nó là bóng dáng vu vơ của những yêu mơ.

[...] Thật ít có loài hoa nào vừa được mong chờ vừa bị rẻ rúng, vừa được nâng niu vừa bị lãng quên nhanh như bằng lăng. Ngày cuối xuân, người ta khát tím. Khi những giọt tím nhú trên nụ hoa, người ta thắc thỏm. Khi hoa vừa cựa mình xòe từng cánh mỏng tựa con ve sầu non quẫy cựa trút bỏ xác già, vẫy đôi cánh tím rung rinh đầu cành như sắp sửa bay lên, thì các kiểu ống kính camera, mobile, ipad, galaxy tua tủa hướng về, lia lịa chộp lấy bao dáng tím thanh tân vào những khuôn hình. Rồi trầm trồ nhất, háo hức nhất là lúc hè đã về tới, bằng lăng nhất loạt khai hội trên khắp phố phường, một carnavan tím tưng bừng trên những vòm xanh. Mỗi bông hoa như một vũ nữ tím khỏa sắc xiêm y trong một festival đường phố của riêng chủng tộc bằng lăng. Người đa cảm đi dọc những tuyến đường đôi khi còn ngỡ tai mình nghe được những âm thanh tím, tiếng líu lo tím, râm ran tím của lễ hội bằng lăng vọng xuống từ chỏm những rặng xanh nữa. Mình từng thấy không ít cánh tay mơ mộng đã vin hái đôi ngọn bằng lăng như hái từng tháp hoa tím, rồi ấp e vào mái ngực như thể đã hái được đóa mộng của riêng rồi vậy. Cứ thế, bằng lăng đã dâng những mùa tím nguyên vẹn mỗi độ hè về để đem tặng cho nhân gian. Nhưng rồi sắc tím hoen nhanh.

Chỉ ít ngày là bợt bạc hết. Nếu mưa dông đầu mùa ập về thì bằng lăng tím sũng, váy áo mỗi cánh hoa như phẩm tím nhạt dần trôi theo mưa lặn vào đất. Còn bao cánh rụng thì bị nát dần dưới chân người và chân mưa. Cũng chẳng phải đợi đến lúc ấy, bằng lăng mới bị lãng quên. Ngay lúc bằng lăng đang ríu ran mở vũ hội tím của mình, nó đã bị quên rồi. Thói cả thèm chóng chán của con người đã nhanh chóng thấy ở bằng lăng một sắc tím thỏa thuê, một sắc tím nhàm rồi. Vì bằng lăng hữu sắc vô hương chăng? Thoả mãn thị giác không được sâu bền bằng hưởng thụ khứu giác chăng? Hình như không hẳn thế. Lẽ nào lại vì bằng lăng quá hào phóng? Chỉ mới chớm hè đã bùng phát một màu tím bạt ngàn, làm no nê nhanh chóng cả phố phường. Lúc người thụ hưởng mãn nhãn, thì cũng là lúc thấy rõ mùa hè đang tạo ra một cơn lạm phát tím. Lạm phát nào cũng làm mất giá, dù là lạm phát hoa. Ngân hàng tím của loài bằng lăng đã không biết kiềm chế mình, không biết tiết chế hoa. Cứ bật tỏa hết mình. Cứ rút hết ruột gan hồn vía ra mà tím. Ôi! Bằng lăng do quá hào phóng với đời mà đã tự làm rẻ mình đi chăng? Ừ, phải chi nở hiếm hoi hơn, nở tằn tiện hơn, nở dè xẻn hơn, nhỏ giọt hơn, để người đời luôn phải thòm thèm, luôn phải ngóng đợi, thì hẳn bằng lăng đã dạy cho đời

bài học về sự trân quý rồi. Đằng này... Có lúc mình đã nghĩ oái oăm: giá chi bằng lăng cứ mất mùa đi vài năm, để cho người đời thấm cái trống vắng thiếu hụt đi đã, rồi hãy đem hoa về, có khi lại hay. Thậm chí, bằng lăng thay đổi chu kì hoa đi, cứ bốn năm hãy cho hoa một lần, có khi lại hay. Bấy giờ, người ta sẽ phải dài cổ ngóng đợi, sẽ sốt ruột chờ trông, người ta sẽ hân hoan chào đón, sẽ ngậm ngùi tiễn đưa, và lúc nào cũng phải chi chút, nâng niu. Thói đời, cứ phải hiếm thì mới quý. Còn dù đẹp mà quá sẵn, quá gần, thì cũng dễ nhàm, dễ rẻ. Đôi khi kiêu sa một chút, kiêu kì một chút lại nuôi được cơn khát khao, giữ được sự trân quý, lại giúp được đời. Thật dại khờ làm sao, khi cái đẹp lại kèm thêm đức hào phóng! Nhưng nói là nói vậy. Hoa có đổi kì, hoa có tiết chế, chắc gì hồn người đã đổi thay. Nhân gian vốn dĩ là nhân gian mà. Mà bằng lăng nào có đòi hỏi gì. Vẫn nở yêu kiều thế, vẫn khai hội tưng bừng thế, vẫn ríu ran hào phóng thế, hồn nhiên khi trổ cành, điềm nhiên khi lìa cành, tỏa sáng một đời hoa, cháy tận một sắc tím, rồi băng. Bất chấp sự đơn bạc của nhân gian. Đó là phận hoa. Đó là kiếp hoa. Đó là lẽ hoa rồi...

(*Tự tình cùng cái đẹp*,

Chu Văn Sơn, NXB Hội Nhà văn 2019, tr.124-127)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Một trong những điểm yếu của tính cách con người được nêu trong đoạn trích: *Nghi ngờ, hoài nghi.*

Câu 2. Theo đoạn trích, khi một người có tính hoài nghi thì *lúc nào cũng ngờ vực mọi thứ, làm việc gì cũng dè dặt, không những không có niềm tin đối với người khác, mà thậm chí không dám tin cả bản thân mình.*

Câu 3. Việc trích dẫn câu chuyện về Tào Tháo trong đoạn trích có ý nghĩa:

- Nhấn mạnh hậu quả do tính nghi ngờ vô căn cứ gây nên.

- Tạo căn cứ vững vàng cho lập luận; giúp cho nội dung bàn luận trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.

Câu 4.

- Phép điệp trong câu văn: Điệp cấu trúc *Nếu...thì...*

- Tác dụng:

+ Lần lượt chỉ ra những hậu quả của nhiều lối, nhiều cách tin tưởng không đúng trong thực tế đời sống.

+ Tạo nên tính nhịp nhàng cho lời văn.

Câu 5.

- Ý kiến *Lòng tin mặc dù chỉ là một cảm giác, tình cảm của con người, nhưng lại là sợi dây kết nối giữa mọi người với nhau, nó quyết định sự thành bại của một đời người* khẳng định vai trò của lòng tin trong mối quan hệ giữa người với người. Đó là sợi dây kết nối mọi người với nhau, đem lại sức mạnh, lòng tự tin cho mỗi người, quyết định thành bại của con người trong sự nghiệp.

- Thí sinh bày tỏ suy nghĩ về lòng tin giữa người với người với lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trả lời cho câu hỏi: cần xây cầu nối hay xây hàng rào giữa người với người?*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Giải thích:

+ Xây cầu nối: để thuận tiện đi lại, trao đổi, gặp gỡ, kết nối giữa người với người.

+ Xây hàng rào: ngăn cách không gian, phân chia ranh giới, tạo khoảng cách giữa người với người

- Trả lời theo hướng tán thành một ý hoặc kết hợp cả hai ý trong câu hỏi:

+ Cần xây cầu nối giữa người với người: con người cần sống giữa cộng đồng, xã hội, không thể cô độc một mình; sự kết nối giúp con người cảm nhận được tình yêu thương, sự chia sẻ, quan tâm, giúp đỡ; kết nối đem đến niềm vui của giao lưu, gặp gỡ, làm tăng thêm sức mạnh của tập thể và cho mỗi cá nhân.

+ Cần xây hàng rào ngăn cách giữa người với người: mỗi người đều cần có không gian riêng tư; sự gặp gỡ, kết nối ồn ào, phù phiếm không thật sự cần thiết; con người cần mối liên hệ mật thiết, chất lượng hơn là kết nối xã giao hời hợt; không phải lúc nào kết nối cũng đem đến niềm vui.

+ Kết hợp hai hướng lập luận trên.

- Bài học với bản thân: chủ động kết nối với mọi người, có sự riêng tư cho chính mình.

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích nội dung, nghệ thuật của đoạn trích "Viết cho rặng bằng lăng trước nhà"(Chu Văn Sơn)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

***** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

***** Triển khai vấn đề nghị luận:

- Nội dung:

+ Vẻ đẹp hoa bằng lăng:

++ Sắc tím riêng biệt, quyến rũ: *giọt tím, dáng tím thanh tân, carnavan tím, vũ nữ tím,...*

++ Bung nở đồng loạt nhưng sắc chóng phai, hoa chóng tàn: *nhất loạt khai hội trên khắp phố phường, sắc tím hoen nhanh, chỉ ít ngày là bợt bạc hết, váy áo mỗi cánh hoa như phẩm tím nhạt dần, bao cánh rụng bị nát dần dưới chân người và chân mưa.*

++ Dâng hiến hết mình: *dâng những mùa tím nguyên vẹn mỗi độ hè về để đem tặng cho nhân gian, bật tỏa hết mình, rút hết ruột gan hồn vía ra mà tím, cháy tận một sắc tím rồi băng, bất chấp sự đơn bạc của nhân gian.*

+ Vẻ đẹp cái tôi người cầm bút:

++ Tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, tài hoa, yêu cái đẹp, giàu lòng trắc ẩn.

++ Suy ngẫm, chiêm nghiệm sâu sắc, nhiều phát hiện độc đáo về hoa bằng lăng: *ít có loài hoa nào vừa được mong chờ vừa bị rẻ rúng, vừa được nâng niu vừa bị lãng quên nhanh như bằng lăng; phận hoa, kiếp hoa, lẽ hoa rồi...*

- Nghệ thuật:

+ Sự kết hợp yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình.

+ Ngôn ngữ phong phú, cách dùng từ độc đáo, sáng tạo: *khát tím, lễ hội bằng lăng, chủng tộc bằng lăng, carnaval tím, lạm phát tím,..*

+ Vận dụng thành công các biện pháp tu từ: nhân hóa (*yêu kiều, khai hội tưng bừng, ríu ran hào phóng, hồn nhiên, điềm nhiên,...*), so sánh (*hoa vừa cựa mình xòe từng cánh mỏng tựa con ve sầu non quẫy cựa trút bỏ xác già, mỗi bông*

hoa như một vũ nữ tím khỏa sắc xiêm y trong một festival đường phố của riêng chủng tộc bằng lăng), điệp từ (*sắc tím),* liệt kê (*sắc tím mặt ao đầm của bèo tây, sắc tím rau vườn của hoa cà, sắc tím lưng giậu của bìm bìm, sắc tím bầm hoen của mực học trò*), câu hỏi tu từ (*Vì bằng lăng hữu sắc vô hương chăng?, Thoả mãn thị giác không được sâu bền bằng hưởng thụ khứu giác chăng?, Lẽ nào lại vì bằng lăng quá hào phóng?, Bằng lăng do quá hào phóng với đời mà đã tự làm rẻ mình đi chăng?*),...

+ Giọng điệu say mê, chiêm nghiệm xen lẫn ngậm ngùi.

* Đánh giá

- Đoạn trích đặc sắc cả về nội dung và nghệ thuật, tạo được ấn tượng sâu sắc với bạn đọc, thể hiện rõ dấu ấn cách viết tài hoa, giàu sức liên tưởng của tác giả.

- Đoạn trích đánh thức trong ta tình yêu thiên nhiên, thái độ trân trọng, biết tiếc xót trước sự mong manh, phai tàn của cái đẹp.

ĐỀ SỐ 26

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Các nghiên cứu xã hội học đã chỉ ra rằng, "tật muộn giờ" của người Việt Nam là do nền sản xuất nông nghiệp hàng nghìn năm tạo ra, khi người ta không cần phải chính xác từng phút như sản xuất công nghiệp. Nhưng "di chứng" này liệu vẫn còn rơi rớt đến tận ngày nay, ở những con người sinh ra và trưởng thành tại thành thị, hầu như không, hoặc rất ít chịu ảnh hưởng bởi văn hóa nông nghiệp?

Tôi cho rằng, ngoài yếu tố mang tính lịch sử, văn hóa này, "bệnh muộn giờ" ngày nay có phần xuất phát từ tâm lý đám đông - mọi người đều thế cả, mình việc gì phải đúng giờ. Ai đến sớm hơn, đợi lâu hơn, chỉ có thiệt. Mặt khác, với tâm lý ngại va chạm, muốn dĩ hòa vi quý, không mấy ai lên tiếng chỉ trích người đến muộn, vì tránh "chuyện bé xé ra to". Nhưng có thật muộn giờ chỉ là "chuyện bé"? Điều này thì những ai từng mất công việc, mất tiền, mất cơ hội, mất quan hệ vì muộn giờ, mới hiểu được.

Một căn nguyên khác của tật muộn giờ là thói ích kỷ, vô kỷ luật và thiếu tự trọng. Muộn giờ chính là chiếm dụng tài nguyên của người khác, bao gồm thời gian, công sức, sự hăng hái và cả những cơ hội.

Thói quen sử dụng "giờ cao su" của người lớn cũng có thể lây lan, ảnh hưởng đến trẻ nhỏ. Một đứa trẻ thường xuyên thấy cha mẹ muộn giờ sẽ khó mà rèn được tính kỷ luật. Bạn tôi - giám đốc một doanh nghiệp tư nhân - đề ra quy

định: muộn 5 phút, phạt 200.000 đồng, sung quỹ. Nhưng nhiều bạn trẻ Gen Z đòi "mua buôn" cả tháng với giá "mềm hơn". Anh nói "vừa buồn cười vừa buồn lòng", vì các bạn không coi việc đi làm đúng giờ là chuyện nghiêm túc.

Ở công sở, thói quen dễ dãi này còn thể hiện ở việc chậm deadline *(không hoàn thành công việc đúng hạn), chậm phản hồi, chậm đưa ra quyết định, và nghĩ ra đủ loại lý do cho những sự chậm trễ đó. Mà ở Việt Nam, lý do luôn có sẵn: mưa gió, lụt lội, nóng quá, lạnh quá, tắc đường, hỏng xe, đau đầu, đau bụng, thậm chí bị công an giao thông bắt phạt... Nếu là trong công việc, thì sự chậm trễ sẽ đi kèm phản xạ đổ lỗi: đối tác thiếu nhiệt tình, khách hàng quá khó tính, đồng nghiệp không hợp tác... Chỉ có cái lỗi thuộc về bản thân thì ít người thẳng thắn nói ra.*

Tôi từng đi nhiều quốc gia mà lịch sử có những nét tương đồng với Việt Nam - nền văn minh nông nghiệp. Nhưng hiện nay văn hóa của họ là đúng giờ từng phút, thậm chí đúng giờ từng giây. Tại Hàn Quốc, nhiều địa điểm công cộng luôn có các nhân viên đến sớm, đứng cạnh cửa giơ đồng hồ lên xem, khi đến giờ, không muộn hơn hay sớm hơn một giây nào, họ bấm nút mở cửa. Một công ty đối tác của Trung Quốc hẹn đến làm việc với doanh nghiệp Việt Nam từ trước đó 6 tháng, đúng ngày đúng giờ họ có mặt trước cửa, trong khi đối tác chủ nhà còn đang tập hợp đại diện các phòng ban...

Hồi tổ chức Thế vận hội 2020, ông Yoshitaka Sakurada - Bộ trưởng An ninh Mạng và đảm trách Olympics Tokyo, vì đi họp muộn ba phút đã bị chỉ trích dữ dội và phải công khai xin lỗi. Nhiều người có thể cảm thấy việc này là rất lạ vì muộn ba phút "thì có vấn đề gì?". Nhưng một báo cáo của Heathrow Express ở Anh năm 2017 cho thấy thói quen đi làm muộn gây thiệt hại 11,7 tỷ USD cho nước này. Ở Mỹ, việc người lao động đi muộn khiến bang New York mất 700 triệu USD mỗi năm, con số này ở bang California là một tỷ USD.

[...]

Đúng giờ, là tôn trọng, cũng là tự trọng. Đúng giờ không khiến ta thiệt đi xu nào, nhưng lại có thể mang về vô số "lợi nhuận" trong tương lai. Ngược lại, muộn giờ chính là rước lấy những "khoản lỗ" không thể đo lường được, dù trước mắt ta không coi là to tát.

(Việc gì phải đúng giờ,

Trịnh Hằng, theo https://vnexpress.net/viec-gi-phai-dung-gio-4797823.html, 28/9/2024)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định luận đề của văn bản.

Câu 2. Liệt kê các nguyên nhân dẫn đến "*tật muộn giờ*" của người Việt Nam được nêu trong văn bản.

Câu 3. Chỉ ra mối quan hệ giữa luận đề và luận điểm trong văn bản.

Câu 4. Nêu tác dụng của yếu tố tự sự trong văn bản.

Câu 5. Anh/ Chị có đồng tình với ý kiến "*Đúng giờ, là tôn trọng, cũng là tự trọng*."? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Trong cuộc sống, con người luôn phải đứng trước những sự lựa chọn. Có lựa chọn dễ dàng nhưng cũng có những lựa chọn đầy khó khăn.

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của những lựa chọn đúng đắn trong cuộc sống.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/ Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, so sánh tâm trạng của nhân vật trữ tình "*em*" trong hai đoạn thơ sau:

Thị trấn nào anh đến chiều nay
Mảnh tường vắng, mùa đông giá rét
Dẫu em biết không phải là vĩnh biệt
Vẫn thấy lòng da diết lúc chia xa
Xóm làng nào anh sẽ đi qua
Những đồng lúa, vườn cây, bờ bãi…
Dẫu em biết rằng anh trở lại
Ngọn gió buồn vẫn thổi phía không anh

(*Dẫu em biết chắc rằng anh trở lại,*
Xuân Quỳnh, *Thơ Xuân Quỳnh*, NXB Văn học, 2019, tr.22)

Và:

Xa một tuần có lâu quá không anh
Sao em thấy ngày cứ dài đến thế

Đêm Hà Nội thơm nghẹn lòng hoa sữa
Ngôi sao em ngân ngấn khóc chân trời

Ngày xa anh em bỗng hoá đơn côi
Gió cũng chẳng vô tình ngang cửa nữa
Một chiếc lá rơi cũng làm em nhớ
Áp mặt lên trăng mới biết trăng gầy

(*Đêm Hà Nội nhớ,*
Bùi Sim Sim, *Những mảnh ghép của huyền thoại*, Nguyễn Thanh Tâm tuyển chọn - giới thiệu 141 tác giả thơ Việt Nam đương đại, NXB Văn học, 2024, tr.63)

Chú thích:

- Xuân Quỳnh: Xuân Quỳnh (1942 - 1988), tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, quê ở làng La Khê, quận Hà Đông (nay thuộc Hà Nội), là một nhà thơ nữ nổi tiếng với các tác phẩm như *Thuyền và biển*, *Sóng*, *Thơ tình cuối mùa thu*, *Tiếng gà trưa*,... Bà được Nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Nhà nước và Giải thưởng Hồ Chí Minh vì những đóng góp cho nền văn học Việt Nam.

- Bùi Sim Sim: sinh năm 1969, hiện sống tại Hà Nội. Tác phẩm thơ đã xuất bản: *Thì thầm lá non*, *Ảo ảnh*, *Lời tiễn mùa thu*, *Đêm Hà Nội nhớ*, *Cõi lặng*, *Giữa hai chiều quên nhớ*. Chị từng đạt giải ba cuộc thi thơ báo Người Hà Nội, năm 2006.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Luận đề của văn bản: Tật muộn giờ của người Việt Nam.

Câu 2. Các nguyên nhân dẫn đến "*tật muộn giờ*" của người Việt Nam được nêu trong văn bản:

- Do nền sản xuất nông nghiệp hàng nghìn năm tạo ra, khi người ta không cần phải chính xác từng phút như sản xuất công nghiệp.

- Tâm lý đám đông - mọi người đều thế cả, mình việc gì phải đúng giờ. Ai đến sớm hơn, đợi lâu hơn, chỉ có thiệt.

- Tâm lý ngại va chạm, muốn dĩ hòa vi quý, không mấy ai lên tiếng chỉ trích người đến muộn.

- Thói ích kỷ, vô kỷ luật và thiếu tự trọng.

- Thói quen sử dụng "giờ cao su" của người lớn lây lan, ảnh hưởng đến trẻ nhỏ.

Câu 3. Mối quan hệ giữa luận đề và luận điểm trong văn bản:

- Luận đề "Tật muộn giờ của người Việt Nam" được triển khai thành hai luận điểm: nguyên nhân tật muộn giờ; hậu quả của tật muộn giờ.

- Mối quan hệ: cả hai luận điểm đều tập trung làm sáng tỏ luận đề, giúp người đọc nhận thức được muộn giờ là một thói quen xấu cần tránh.

Câu 4.

- Yếu tố tự sự trong văn bản:

+ Kể lại việc từng đi nhiều quốc gia mà lịch sử có nhiều nét tương đồng với Việt Nam nhưng văn hóa của họ là đúng giờ từng phút, thậm chí từng giây.

+ Kể lại sự việc ông Yoshitaka Sakurada - Bộ trưởng An ninh Mạng và đảm trách Olympics Tokyo 2020, vì đi họp muộn ba phút đã bị chỉ trích dữ dội và phải công khai xin lỗi.

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh sự cần thiết phải đúng giờ trong mọi công việc, hoàn cảnh; muộn giờ không phải chuyện nhỏ mà có thể gây hậu quả nặng nề.

+ Giúp cách diễn đạt thêm sinh động, tăng sức thuyết phục cho lập luận.

Câu 5.

- Học sinh có thể đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với ý kiến "*Đúng giờ, là tôn trọng, cũng là tự trọng*.".

- Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng:

+ Nếu đồng tình: Đúng giờ thể hiện sự tôn trọng của bản thân với người mình gặp mặt, đồng thời thể hiện ý thức tự trọng, giữ uy tín, hình ảnh bản thân.

+ Nếu không đồng tình: Đúng giờ chưa chắc đã là biểu hiện sự tôn trọng đối phương, người đúng giờ cũng chưa chắc đã có ý thức tự trọng.

+ Đồng tình một phần: Kết hợp cả hai hướng lập luận trên.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm

bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ về sự cần thiết của những lựa chọn đúng đắn trong cuộc sống*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Lựa chọn là quyết định của con người trong những tình huống cụ thể của đời sống và được biểu hiện qua cách bày tỏ thái độ, hành động.

- Sự cần thiết của những lựa chọn đúng đắn trong cuộc sống:

+ Trong cuộc sống, con người luôn phải đứng trước những sự lựa chọn. Có lựa chọn dễ dàng, đơn giản nhưng cũng có những lựa chọn khó khăn, thậm chí đặt chúng ta vào tình huống thử thách bản lĩnh, lí trí.

+ Lựa chọn sai lầm có thể khiến con người mất đi cơ hội, ảnh hưởng đến hình ảnh của bản thân, thậm chí phải trả giá rất đắt.

+ Lựa chọn đúng đem lại thuận lợi, may mắn, thành công; giúp nâng cao hình ảnh, vị thế bản thân; khiến chúng ta được mọi người yêu mến, tin tưởng.

- Phê phán những người không dám lựa chọn, luôn để người khác lựa chọn thay cho mình; bao biện, đổ lỗi cho hoàn cảnh khi có những lựa chọn sai lầm, phê phán những lựa chọn không phù hợp với các tiêu chuẩn đạo đức, pháp luật, gây ảnh hưởng đến người khác và làm xấu đi hình ảnh bản thân.

- Nâng cao năng lực bản thân, học hỏi kinh nghiệm những người xung quanh để có những lựa chọn đúng đắn; chịu trách nhiệm về sự lựa chọn của chính mình; biết rút ra bài học nếu lựa chọn sai lầm và tránh lặp lại sai lầm đó.

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích, so sánh tâm trạng của nhân vật trữ tình "em" trong hai đoạn thơ "Dẫu em biết chắc rằng anh trở lại" (Xuân Quỳnh)* và *"Đêm Hà Nội nhớ" (Bùi Sim Sim)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Tâm trạng của nhân vật trữ tình "em" trong hai đoạn thơ.

+ Tâm trạng nhân vật trữ tình "em" trong đoạn thơ của Xuân Quỳnh.

++ Băn khoăn về những nơi anh đi qua (*Thị trấn nào anh đến chiều nay, Xóm làng nào anh sẽ đi qua).*

++ Buồn da diết khi chia xa anh (*lòng da diết lúc chia xa*).

++ Cảm giác trống vắng vì không có anh ở bên (*Ngọn gió buồn vẫn thổi phía không anh*).

+ Tâm trạng nhân vật trữ tình "em" trong đoạn thơ của Bùi Sim Sim.

++ Cảm giác thời gian kéo dài vô tận, xúc động nghẹn ngào (*em thấy ngày cứ dài đến thế / Ngôi sao em ngân ngấn khóc chân trời).*

++ Cô đơn, nhớ mong đến hao gầy (*Ngày xa anh em bỗng hóa đơn côi / Áp mặt lên trăng mới biết trăng gầy*).

- So sánh, chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt trong tâm trạng nhân vật trữ tình ở hai đoạn thơ.

+ Tương đồng: đều thể hiện nỗi nhớ mong khắc khoải, cảm giác cô đơn, trống vắng khi xa người yêu.

+ Khác biệt:

++ Thơ Xuân Quỳnh: thời gian quay trở lại của người yêu không xác định cụ thể, chỉ có niềm tin (*Dẫu em biết rằng anh trở lại*); nỗi nhớ người yêu gắn với sự ngóng trông khắc khoải, mường tượng, hình dung về những nơi anh đi qua.

++ Thơ Bùi Sim Sim: nỗi nhớ khi xa cách gắn với mốc thời gian cụ thể (*một tuần*); mượn các hình ảnh thiên nhiên để thể hiện cảm xúc, nỗi nhớ thương (*hoa sữa, ngôi sao, gió, trăng*)

* Đánh giá

- Nguyên nhân điểm tương đồng, khác biệt:

+ Cả hai đoạn thơ đều thể hiện nỗi nhớ người yêu của người phụ nữ vì đó là những cảm xúc rất thực của con người trong tình yêu, gắn với tình huống xa cách khi yêu.

+ Mỗi đoạn thơ thể hiện nét riêng trong cảm xúc nhớ mong bởi lẽ hai đoạn thơ của hai tác giả khác nhau, sáng tác trong những hoàn cảnh khác nhau, do đó những cảm xúc cũng là riêng tư nhất, không thể gặp lại ở người nào khác; bản chất lao động nghệ thuật là sự sáng tạo, các nhà thơ không được phép sao chép, lặp lại.

- Hai đoạn thơ đặc sắc, góp phần tạo nên sức hấp dẫn của hai bài thơ, đóng góp vào kho tàng thơ ca dân tộc những vần thơ hay về tình yêu.

ĐỀ SỐ 27

I. ĐỌC HIỂU (4, 0 điểm)

Đọc văn bản:

VỀ

(Đàm Huy Đông)

Ta về cánh đồng mùa đông
Những gốc rạ rạc khô vì gió
Ngày xưa theo mẹ ra đồng, nhổ từng gốc rạ
Bật tung hoàng hôn rơm rớm sương mờ

Ta về với vạt sông quê
Cha kéo vó vớt bóng người lam lũ
Mẹ bòn nhặt từng con tôm cái cá
Buộc mảnh đò gầy dưới bến ca dao.

Ta về góc vườn chim bói quả lao xao
Cụm xương rồng nở hoa từ gai góc
Lũ sẻ tha những cọng rơm vàng xây hạnh phúc
Đất trời, cây cỏ ru ta.

Về bên sông nơi tình đầu đi qua
Nghe sóng hát những lời đưa tiễn
Ta về phía cây cầu dải yếm[1]
Cởi câu ca trả lại cho người.

(*Miền không có gió*,
Đàm Huy Đông, NXB Văn học, 2014, tr.25)

[1] Câu này lấy ý từ câu ca dao:

Bao giờ sông hẹp một gang
Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi

Trả lời câu hỏi:

Câu 1. Cảnh cánh đồng trong khổ đầu của bài thơ được miêu tả qua những hình ảnh nào?

Câu 2. Trong khổ thơ thứ hai, chủ thể trữ tình hoài niệm những công việc gì của cha mẹ nơi "*vạt bến sông quê*"?

Câu 3. Điệp ngữ "*Ta về*" trong bài thơ có ý nghĩa gì?

Câu 4. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?

Câu 5. Anh/ Chị nhận xét như thế nào về sự vận dụng các chất liệu ca dao của tác giả bài thơ?

II. VIẾT

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ *Về* (Đàm Huy Đông) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Chấp nhận gian nan, thử thách để được theo đuổi khát vọng của mình trong đời.

Hi sinh khát vọng của mình để có được cuộc sống an nhàn suốt đời.

Nếu được lựa chọn một trong hai con đường đời được nêu ở trên, anh/chị sẽ chọn con đường nào? Viết bài văn nghị luận khoảng 600 chữ bàn về vấn đề trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Cảnh cánh đồng trong khổ đầu của bài thơ được miêu tả qua các hình ảnh: *gốc rạ rạc khô, hoàng hôn, sương mờ.*

Câu 2. Chủ thể trữ tình hoài niệm về những công việc của cha mẹ nơi "*vạt bến sông quê*": nhổ từng gốc rạ, kéo vó, bòn nhặt từng con tôm cái cá, buộc đò dưới bến.

Câu 3. Điệp ngữ "*Ta về*" trong bài thơ có ý nghĩa:

- Nhấn mạnh khát khao được trở về với miền quê thân thuộc;
- Lần lượt mở ra những hình ảnh, kỉ niệm thân thương về quê hương, gia đình;
- Tạo nên tính nhịp nhàng, cân xứng cho lời thơ.

Câu 4. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ: niềm vui khi trở về với cội nguồn của cuộc đời, tình yêu thiết tha, sự gắn bó sâu sắc với quê hương và gia đình.

Câu 5.

- Những chất liệu ca dao được sử dụng trong bài thơ:

+ Sử dụng hình ảnh quen thuộc trong ca dao: *bến, đò*

+ Lấy ý từ câu ca dao: *Bao giờ sông hẹp một gang/ Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi*

- Việc vận dụng chất liệu ca dao giúp tác giả thể hiện tình cảm của nhân vật trữ tình với quê hương, gia đình một cách tự nhiên, sâu sắc; bài thơ đậm màu sắc dân gian, dễ đi vào lòng người.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ "Về" (Đàm Huy Đông)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ *Về:*

+ Khát khao trở về với quê nghèo nơi có cánh đồng, vạt sông quê, bến sông, con đò thân thuộc (*gốc rạ rạc khô vì gió hoàng hôn rơm rớm sương mờ, mảnh đò gầy dưới bến ca dao*); khát khao trở về với miền quê yên bình *(góc vườn chim bói quả lao xao, cụm xương rồng nở hoa, lũ sẻ tha những cọng rơm vàng xây hạnh phúc, Đất trời, cây cỏ ru ta).*

+ Thương cha mẹ tảo tần vất vả (*nhổ từng gốc rạ, kéo vó, bòn nhặt từng con tôm cái cá*).

+ Hoài niệm về mối tình đầu (*Về bên sông nơi tình đầu đi qua, về phía cây cầu dải yếm);* quyến luyến, tình tứ cùng kỉ niệm (khổ cuối).

- Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ được biểu hiện với nhiều cung bậc phong phú; thể hiện tấm lòng của một người con xa quê huôn hướng về quê hương, gia đình với tất cả tình cảm gắn bó chân thành, mộc mạc.

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ của bản thân về lựa chọn con đường đời*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích

+ Chấp nhận gian nan, thử thách: chấp nhận đương đầu với những khó khăn, vất vả.

+ Theo đuổi khát vọng: theo đuổi những điều tốt đẹp, những ước mơ cháy bỏng.

+ Cuộc sống an nhàn: cuộc sống bình yên, nhàn nhã, không có vất vả, sóng gió.

- Bàn luận

+ Chấp nhận gian nan, thử thách để được theo đuổi khát vọng của mình trong đời.

++ Gian nan, thử thách là một phần tất yếu của cuộc sống.

++ Trên con đường theo đuổi khát vọng, con người buộc phải chấp nhận thử thách, kiên trì vượt khó để đạt được thành công.

+ Hi sinh khát vọng của mình để có được cuộc sống an nhàn suốt đời.

++ Khát vọng là những điều tốt đẹp mà con người mong muốn đạt tới. Tuy nhiên, đạt được khát vọng không bao giờ là điều dễ dàng, cần đến rất nhiều công sức, sự kiên trì, nỗ lực.

++ Cuộc sống an nhàn là điều hầu như ai cũng mong muốn. Trong một số hoàn cảnh, con người chọn cuộc sống an nhàn, quên đi khát vọng bởi lẽ e ngại, sợ hãi thử thách, khó khăn.

+ Đề xuất cách lựa chọn con đường đời.

++ Con đường lựa chọn: dám chấp nhận thử thách, theo đuổi khát vọng.

++ Lí do lựa chọn: việc đương đầu với khó khăn, thử thách rèn luyện cho con người bản lĩnh, dũng khí, giúp mỗi người rút ra được nhiều bài

học quý báu từ thực tiễn; theo đuổi khát vọng giúp con người được sống với ước mơ, được thử thách bản thân, phá vỡ giới hạn của chính mình, thành công và tỏa sáng, từ đó có những đóng góp tích cực cho xã hội.

(Thí sinh nêu các bằng chứng phù hợp)

- Mở rộng, nâng cao vấn đề

+ Phê phán những người hèn nhát, không dám đối mặt với khó khăn, không dám theo đuổi khát vọng.

+ Tuy nhiên mỗi người cũng cần tỉnh táo, sáng suốt, biết đủ, biết điểm dừng, biết thời điểm nào cần theo đuổi khát vọng đến cùng, thời điểm nào cần từ bỏ, điều chỉnh để có cuộc sống bình yên, an nhàn.

- Bài học rút ra

+ Nhận thức được vai trò quan trọng của việc dám chấp nhận thử thách, theo đuổi khát vọng nhưng bên cạnh đó sống an nhàn cũng là mong muốn chính đáng của con người.

+ Có hành động cụ thể theo đuổi khát vọng, đồng thời biết tự cân bằng cuộc sống.

ĐỀ SỐ 28

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Có một sự thật là trong cuộc sống chúng ta có nhiều khuôn thước bó buộc, dễ thấy nhất là sự kỳ vọng. Chúng ta thực sự đã lớn lên trong quá nhiều sự kỳ vọng. Và nó cũng lớn dần lên cùng chúng ta.

Khi chúng ta bắt đầu xuất hiện, cả nhà thực sự rất vui sướng, bố mẹ, ông bà, cô dì chú bác đều hú hét (đại đa số) và bắt đầu có các ý tưởng đặt tên. Mỗi người sẽ có một cái tên dành cho chúng ta với hy vọng và mong muốn sau này chúng ta sẽ trở thành một người nào đó. Sự kỳ vọng bắt đầu.

Tiếp theo chúng ta học mẫu giáo, mẹ hoặc bố hoặc ông, bà sẽ ríu rít kể với hàng xóm về "sự thông minh, sự cá tính…" của chúng ta với ánh mắt đầy tự hào. Và trong lòng họ bắt đầu hình dung về tương lai của chúng ta.

Tiếp theo lớn thêm chút, mọi người sẽ tiếp tục kỳ vọng chúng ta sẽ học hành thế này thế kia, kỳ vọng nghe lời thế này thế kia.

Lớn hơn nữa là kỳ vọng yêu một người thế này, làm một công việc thế khác… Đi làm sếp sẽ kỳ vọng chúng ta phải đạt được hiệu quả tốt nhất.

Yêu đương người yêu sẽ kỳ vọng chúng ta phải làm được thật nhiều điều cho người yêu nhất, cho tình yêu nhất.

Chính chúng ta sẽ kỳ vọng vào bản thân mình:có được thành tựu, có được người yêu tuyệt vời, hay đơn giản mua được một món đồ yêu thích, ăn được một món ăn ngon và toàn gặp chuyện thuận lợi.

Chúng ta chạy theo một lối đi mà sự kỳ vọng vạch ra, mải miết, khó có thể quay đầu. Chúng ta để sự kỳ vọng "Đặt tên" "định danh" bản thân mình.

Khi chúng ta bắt đầu kỳ vọng là khi chúng ta bắt đầu khổ sở. Và chúng ta lạc lối vì đường đi hoàn toàn không phải tới từ con tim mình, từ bản thân mình.

Chúng ta đã sai ngay từ đầu. Mọi sự kỳ vọng thật sự vô nghĩa, vì không ai có thể đoán được tương lai, hai phút sau ngay cả bản thân chúng ta cũng không biết mình nghĩ gì nữa là…

(Trích *Hãy vứt bỏ sự kỳ vọng và khát khao làm hài lòng kẻ khác,* Nguyễn Anh Dũng, in trong *Tư duy ngược* - Nguyễn Anh Dũng, NXB Dân trí, 2024, tr.23-25)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Vấn đề nghị luận được đề cập đến trong đoạn trích là gì?

Câu 2. Đặc trưng tính lập luận chặt chẽ của thể loại nghị luận được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

Câu 3. Việc nêu ra những kì vọng theo trật tự thời gian trong đoạn trích có tác dụng gì?

Câu 4. Nội dung nghị luận trong đoạn trích có mối quan hệ như thế nào với nhan đề văn bản?

Câu 5. Theo anh/ chị, có phải mọi sự kì vọng của người khác đều khiến ta *lạc lối* không? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của sự tự lập trong cuộc sống.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá nội dung chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của văn bản sau:

YÊU

(Hướng Dương)

Chuyện ngày xưa vẫn còn nguyên trên giấy
Xác anh em, chồng vợ hóa trầu cau
Yêu say đắm, yêu dại khờ, trinh trắng
Máu Mị Châu nhuộm sắc biển đỏ ngầu.

Người chinh phụ ngóng mong chồng hóa đá
Chí Phèo yêu để được chết thành người
Lạc Long Quân và Âu Cơ mặn nồng bao năm tháng
Nhưng cuối cùng vẫn cách biệt đôi nơi…

Ôi nhân gian! Qua muôn ngàn thế kỷ
Chỉ một chữ Yêu vò xé cõi người
Bao huyền thoại, cảo thơm…thành vô nghĩa
Chỉ nỗi đau là có thật mà thôi.

(*Yêu*, Hướng Dương, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.14-15)

Chú thích:

Hướng Dương (tên thật là Trần Thanh Hà) sinh năm 1963, tại Hà Nội (quê quán Thừa Thiên - Huế), là tiến sĩ Văn học, nguyên là giáo viên Ngữ văn Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn, Khánh Hòa.

Bài thơ *Yêu* được in trong tập thơ cùng tên, xuất bản năm 2018.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Vấn đề nghị luận trong đoạn trích: Hậu quả của việc sống, hành động theo kì vọng của những người khác.

Câu 2. Tính lập luận chặt chẽ của đoạn trích được thể hiện qua lập luận logic theo mô hình tổng phân hợp: đoạn văn mở đầu nêu khái quát vấn đề nghị luận: chúng ta bị trói buộc trong sự kì vọng của người khác từ nhỏ đến lớn; những đoạn văn tiếp theo chứng minh cụ thể cho sự trói buộc ấy theo trật tự thời gian; hai đoạn cuối nhấn mạnh tác hại của sự kì vọng từ người khác đến cuộc sống của mỗi người.

Câu 3. Việc nêu ra những kì vọng theo trật tự thời gian trong đoạn trích có tác dụng:

- Tăng tính thuyết phục cho luận điểm: sự trói buộc đến từ sự kì vọng của người khác lớn dần lên trong ta trên đường đời.

- Nhấn mạnh sự vô nghĩa, đánh mất chính mình khi chỉ sống theo kì vọng của người khác mà không xác định được lối đi riêng cho bản thân.

Câu 4. Sự phù hợp của nội dung nghị luận trong đoạn trích với nhan đề văn bản:

- Nội dung nghị luận bàn về những biểu hiện và tác hại của việc sống và hành động theo kì vọng của kẻ khác, từ đó, giúp mỗi người nhận thức rõ cần phải thoát khỏi sự trói buộc này để nhận thức đúng đắn về bản thân và sống là chính mình. Mục đích của việc bàn luận cũng chính là ý nghĩa của nhan đề văn bản (*Hãy vứt bỏ sự kỳ vọng và khát khao làm hài lòng kẻ khác).*

- Nội dung nghị luận trong đoạn trích có mối quan hệ chặt chẽ với ý nghĩa nhan đề văn bản, góp phần tăng sức thuyết phục cho ý nghĩa nhan đề.

Câu 5. Học sinh bày tỏ suy nghĩ của bản thân; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, không trái với đạo đức và pháp luật. Có thể theo hướng:

- Đồng tình với ý kiến cho rằng mọi sự kì vọng của người khác đều khiến ta *lạc lối*. Vì mọi sự kì vọng xuất phát từ quan điểm, tính cách, sở thích, nguyện vọng của người khác vừa tạo áp lực cho cuộc sống của ta, vừa khiến ta mất phương hướng vì không hiểu được chính mình.

- Không đồng tình với ý kiến cho rằng mọi sự kì vọng của người khác đều khiến ta *lạc lối.* Vì mọi sự kì vọng đều là yếu tố bên ngoài, thể hiện niềm tin tưởng và ước muốn tốt đẹp của người khác đối với bản thân ta. Chúng có thể khiến ta ý thức hơn giá trị của bản thân mình, từ đó ra sức phấn đấu, hoàn thiện bản thân để có thể trở thành một người có ích. Quyết định sống như thế nào là câu chuyện bản lĩnh, lựa chọn của mỗi người, không thể đổ cho sự tác động đến từ người khác.

- Vừa đồng tình vừa không đồng tình: kết hợp hai lí lẽ trên.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương

thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự tự lập trong cuộc sống*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Sự tự lập giúp mỗi người không bị trói buộc, lệ thuộc vào nhận thức, quan điểm của người khác. Từ đó, bản thân phát huy năng lực tư duy chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm và tự chịu trách nhiệm về suy nghĩ và hành động của chính mình.

- Sự tự lập còn giúp mỗi người rèn luyện và phát huy bản lĩnh, tự tin thể hiện cá tính và biết tôn trọng quan điểm của người khác.

- Sự tự lập góp phần tạo ra tinh thần phản biện, tạo động lực thúc đẩy xã hội phát triển, văn minh.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích, đánh giá nội dung chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của văn bản Yêu (Hướng Dương)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Yêu* (Hướng Dương).

- Triển khai vấn đề nghị luận:

+ Chủ đề: những suy tư, chiêm nghiệm về nỗi đau trong tình yêu đôi lứa từ xưa đến nay, từ những huyền thoại dân gian, những điển hình văn học bác học cho đến thực tế đời sống.

++ Khổ 1 mở ra với những *chuyện ngày xưa*, qua những hình ảnh gợi nhắc tích truyện dân gian: xác anh em, chồng vợ, trầu cau (Sự tích Trầu Cau); Mị Châu (Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy). Những huyền tích dân gian đều phản ánh tình cảm sâu đậm của đôi lứa nhưng đều có chung cái kết bi kịch.

++ Khổ 2 tiếp nối mạch cảm xúc của khổ 1 với hệ thống hình ảnh có sự đan xen giữa văn học dân gian và văn học viết: *người chinh phụ ngóng mong chồng hóa đá, Chí Phèo yêu để được chết thành người, Lạc Long Quân và Âu Cơ mặn nồng bao năm tháng* nhưng *vẫn cách biệt đôi nơi.*

++ Khổ 3 như một lời cảm thán, đúc kết lại quy luật chung của cuộc đời về tình yêu: *chỉ nỗi đau là có thật mà thôi.*

+ Đặc sắc nghệ thuật:

++ Thể thơ tự do, giọng điệu suy tư sâu lắng;

++ Sử dụng nhuần nhuyễn chất liệu dân gian; hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa khái quát, vừa gợi nhắc những câu chuyện trong đời sống, trong văn học, văn hóa của dân tộc, vừa góp phần tô đậm mạch cảm xúc của bài thơ: nỗi đau trong tình yêu.

++ Bài thơ được cấu tứ theo cấu trúc tương đồng, tạo sự trùng điệp, cộng hưởng về cảm xúc, tô đậm nỗi đau của tình yêu đôi lứa trong nhân gian.

- Kết thúc vấn đề nghị luận: khẳng định lại cảm hứng chủ đạo của bài thơ và sức gọi của bài thơ đối với những ai đang yêu và đã yêu.

ĐỀ SỐ 29

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

GIỚI TRẺ THÍCH SỐNG THEO XU HƯỚNG VÀ CHẠY THEO TRÀO LƯU "CHỮA LÀNH"

(Mai Phương Thảo)

Thời gian gần đây, trào lưu "chữa lành" (healing) đang nở rộ trong giới trẻ. Không chỉ trên các diễn đàn mạng xã hội mà trong các buổi cafe, gặp mặt tán gẫu, cụm từ "đi chữa lành" cũng trở thành câu cửa miệng mỗi khi có chuyện không hài lòng.

"Đi chữa lành" khi… chưa kịp tổn thương

Trong xã hội phát triển với guồng xoáy của công việc cùng nhiều áp lực trong cuộc sống khiến cho nhu cầu được chữa lành, cần chữa lành ngày càng cao.

Cũng từ đó, các cụm từ liên quan đến hoạt động "chữa lành" xuất hiện khắp các trang mạng xã hội, từ "du lịch chữa lành", "âm nhạc chữa lành", đến "cách chữa lành vết thương tâm lý",... xuất hiện dày đặc trên mạng xã hội.

Xu hướng này phản ánh nhu cầu chăm sóc sức khỏe tinh thần của giới trẻ ngày càng tăng.

Áp lực công việc khiến Ngọc Mai luôn cảm thấy bản thân mình cần được nghỉ ngơi, chữa lành tâm hồn. (Ảnh: Mai Phương Thảo)

Bạn Ngọc Mai, sinh viên năm 4 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tâm sự: "Hiện tại mình vừa đi thực tập, vừa làm sáng tạo nội dung ở công ty. Áp lực đông trang lứa khiến mình cảm giác như đang thụt lùi và nghi ngờ về năng lực của bản thân. Ngày nào mình cũng cảm thấy quá tải, vì vậy mình thường tìm những phương pháp chữa lành mọi người thường chia sẻ để giúp tinh thần thoải mái hơn."

Để hồi phục lại năng lượng cho bản thân Mai chọn cách sống gần với thiên nhiên hơn, buông bỏ những suy nghĩ tiêu cực, làm những việc mà cô yêu thích…

Không phủ nhận, vai trò của "chữa lành" khi nhiều người tự xoa dịu được vết thương tâm lý, thoát khỏi lo âu, trầm cảm. Bên cạnh đó, việc nhà nhà, người người muốn được chữa lành tạo nên hiệu ứng đám đông, biến việc chữa lành tâm hồn trở thành trào lưu, sẵn sàng nghỉ bỏ công việc dang dở để nghỉ ngơi khi chưa thật cần thiết.

Cũng là một Gen Z, V.H.C, sinh năm 1997, một chuyên viên kinh doanh bất động sản chia sẻ cũng không ít lần anh tìm đến chữa lành.

"Thời gian gần đây cuộc sống của mình nhiều áp lực quá. Mình thường xuyên thức đêm đến 3 giờ sáng, sau đó ngủ đến 8 giờ dậy đi làm. Từ công việc với những deadline, rồi chuyện yêu đương không đâu vào đâu cả khiến mình mệt mỏi, mình thường xuyên tìm đến bạn bè để đi nhậu nhẹt, đi bar... để "giải quyết mọi chuyện", cô nói

Đối với C, đó là cách "chữa lành", và chi phí cho những lần"chữa lành" này đôi khi bằng cả tháng lương. Rất nhiều lần chưa hết tháng đã hết sạch tiền, phải đi vay mượn để "chữa lành" rồi lại rơi vào stress, trở thành một vòng luẩn quẩn.

Trên thực tế, một bộ phận Gen Z có điều kiện kinh tế gia đình khá giả, có công việc thu nhập ổn, không phải gánh nặng chuyện tiền nong nhưng hay làm quá mọi chuyện, luôn suy nghĩ mọi thứ theo chiều hướng tiêu cực, luôn cảm thấy bản thân bị tổn thương dù là chuyện chẳng đáng gì.

Bên cạnh đó, không ít trường hợp Gen Z xuất thân trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mưu sinh bằng đủ nghề để được tiếp tục con đường học vấn, những tưởng họ sẽ gai góc, mạnh mẽ hơn nhưng họ lại "tích cực" than vãn, gia nhập các hội nhóm "chữa lành" trên mạng xã hội.

Cũng có không ít trường hợp chạy theo trào lưu, tìm một góc thật chill để sống ảo, rồi đăng ảnh thở than lên mạng xã hội về cuộc sống không như ý. Đây không phải là bệnh tật, mà là một biểu hiện đáng quan ngại của việc thích sống theo xu hướng, tự huyễn hoặc bản thân bị những tổn thương không hề có từ thực tế.

Học cách tạo "kháng thể" tinh thần

Bên cạnh việc "ăn theo", hưởng ứng phong trào để được nghỉ ngơi, biện giải cho sự lười biếng, lấy cơ để hưởng thụ thì vẫn có một bộ phận người trẻ rất dễ bị tổn thương, không thể làm chủ cảm xúc của mình.

Họ dễ bị tác động, lung lay, thậm chí dẫn đến bế tắc chán chường, mệt mỏi, muốn rút lui khi bản thân không đạt được điều mong muốn.

Trên thực tế, có nhiều người tự "chữa lành" được cho bản thân mình và cũng có một số người "chữa lành" được cho người khác. Có một số người khi gặp những vấn đề về tâm lý thì cảm thấy rất nặng nề, đau khổ, mỏi mệt nhưng cùng vấn đề đó người khác lại diễn ra với cường độ thấp hơn.

"Chữa lành" thực chất là cơ chế tự nhiên của cơ thể con người, chúng ta cần hướng vào bên trong, lắng nghe cơ thể và tâm hồn mình, để luôn cảm thấy an yên, cân bằng dù bên ngoài xảy ra bất cứ điều gì.

Vì vậy cần có những biện pháp xây dựng đề kháng cho sức khỏe tinh thần giúp người trẻ lạc quan, tự tin, có tư duy định hướng đúng đắn. Nhận thức rõ trách nhiệm của tuổi trẻ, xây dựng tinh thần vượt khó, nhiệt huyết tìm tòi sáng tạo, khát khao "bùng nổ" để khẳng định bản thân.

Điều quan trọng là các bạn trẻ phải tập làm chủ cảm xúc, hình thành các kỹ năng quản lý cảm xúc, cùng lan tỏa điều tích cực và phủ xanh cuộc sống bằng những hình mẫu đẹp, có lý tưởng, lối sống lành mạnh.

(Mai Phương Thảo, https://dansinh.dantri.com.vn/dien-dan-dan-sinh/gioi-tre-thich-song-theo-xu-huong-va-chay-theo-trao-luu-chua-lanh-20240424233717489.htm)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định bố cục của văn bản.

Câu 2. Nêu những nguyên nhân dẫn đến thực trạng giới trẻ thích sống theo xu hướng và chạy theo trào lưu *chữa lành* trong văn bản.

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của việc sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản.

Câu 4. Phần Sapo của văn bản có ý nghĩa gì?

Câu 5. Anh/ chị hãy trình bày suy nghĩ về tầm quan trọng của việc *hình thành các kỹ năng quản lý cảm xúc* được nêu trong văn bản.

II. VIẾT

Câu 1.

Gần đây giới trẻ thường hay dùng từ "chữa lành" như một trào lưu, đặc biệt là những ảnh hưởng từ dịch bệnh, sự "ném đá" trên mạng xã hội,…

Theo bạn, có thật cuộc sống hiện đại nhiều tổn thương khiến con người cần "chữa lành" hay "chữa lành" chỉ là một từ mang tính thời thượng?

Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi này.

Câu 2.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích bài thơ sau:

MÀU HOA ĐỎ

(Nguyễn Đức Mậu)

Có người lính mùa Thu ấy ra đi từ mái tranh nghèo
Có người lính mùa Xuân ấy ra đi từ đó không về.
Dòng tên anh khắc vào đá núi,
Mây ngàn hoá bóng cây che
Chiều biên cương trắng trời sương núi
Mẹ già mỏi mắt nhìn theo.

Việt Nam ơi Việt Nam
Núi cao như tình mẹ bốn mùa tóc bạc nỗi thương con.
Việt Nam ơi Việt Nam
Ngọn núi nơi anh ngã xuống
Rực cháy lên màu hoa đỏ phía rừng xa
Rực cháy lên màu hoa đỏ trước hoàng hôn…

(*Thơ Việt Nam tìm tòi và cách tân 1975-2015*,
NXB Hội Nhà văn, 2016, tr.542)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Văn bản được bố cục thành 2 phần: nêu thực trạng người trẻ chạy theo xu hướng đi chữa lành ngày cả khi chưa kịp "tổn thương" và giải pháp học cách tạo "kháng thể" tinh thần của mỗi người.

Câu 2. Những nguyên nhân dẫn đến thực trạng giới trẻ thích sống theo xu hướng và chạy theo trào lưu "chữa lành": xã hội phát triển với guồng xoáy của công việc cùng nhiều áp lực trong cuộc sống; thích sống theo xu hướng, tự huyễn hoặc bản thân bị những tổn thương không hề có từ thực tế; một bộ phận người trẻ rất dễ bị tổn thương, không thể là chủ cảm xúc của mình.

Câu 3. Tác dụng của việc sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ:

- Yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng: hình ảnh về người trẻ chịu áp lực công việc và cô đơn.

- Tác dụng: làm rõ hơn các thông tin của bài viết về thực trạng người trẻ chịu nhiều căng thẳng áp lực và tìm cách "chữa lành" hàn gắn tâm hồn, tâm lý, vượt qua những căn bệnh tâm lí của thời đại; tăng tính sinh động và hấp dẫn cho bài viết.

Câu 4. Phần Sapo của văn bản có ý nghĩa:

- Đối với văn bản: nêu khái quát phần nội dung sẽ triển khai trong bài viết về thực trạng người trẻ chạy theo xu hướng chữa lành đang phổ biến trong xã hội hiện đại.

- Đối với người đọc: định hướng cho người đọc trong việc tìm kiếm thông tin của văn bản.

Câu 5. Thí sinh trình bày suy nghĩ về tầm quan trọng của việc "hình thành các kỹ năng quản lý cảm xúc", phù hợp đạo đức và pháp luật. Lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng: con người biết làm chủ các cảm xúc của bản thân, biết cân bằng những nỗi niềm, giữ sự chủ động trước mọi hoàn cảnh; cảm xúc không bộc lộ một cách bản năng, tự nhiên, có sự điều chỉnh của lý trí;...

II. VIẾT

Câu 1.

a. Yêu cầu chung: Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương

thức biểu đạt phù hợp để trả lời câu hỏi *có thật cuộc sống hiện đại nhiều tổn thương khiến con người cần "chữa lành" hay "chữa lành" chỉ là một từ mang tính thời thượng?*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể: xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Cuộc sống hiện đại có nhiều tổn thương khiến con người cần chữa lành: nhịp sống nhanh, khẩn trương với sự phát triển của khoa học công nghệ, quy luật cạnh tranh,... khiến con người, đặc biệt là người trẻ vốn thiếu kinh nghiệm, sự từng trải dễ cảm thấy căng thẳng, áp lực từ công việc đến cuộc sống; cuộc sống hiện đại với guồng quay vội vã, khiến con người cách xa nhau, không có điều kiện quan tâm, chia sẻ, vun đắp các giá trị bền vững và thưởng thức cái hay, cái đẹp của cuộc sống, con người. Từ các lí do đó đặt ra yêu cầu cần quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe tinh thần của người trẻ - những con người đang bị guồng quay gấp gáp của cuộc sống cuốn vào.

- Chữa lành chỉ là một tính từ mang tính thời thượng: người trẻ là những người nhanh nhạy với cái mới, với các xu hướng nổi bật nên chạy theo hiện tượng chữa lành; người trẻ thiếu kinh nghiệm sống, dễ chạy theo đám đông và do tâm lý sợ lạc hậu, lỗi thời nên thường chạy theo xu hướng, trong đó có xu hướng chữa lành.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: cuộc sống hiện đại không phải bao giờ cũng căng thẳng, gây ra những tổn thương cho con người.

- Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để phân tích *bài thơ Màu hoa đỏ (Nguyễn Đức Mậu)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Phân tích đánh giá đặc sắc về nội dung của tác phẩm

+ Đề tài: người lính trong chiến tranh.

+ Chủ đề đặc sắc: ngợi ca hình tượng người lính bất tử trong những năm tháng chiến tranh gian khổ, hi sinh vì đất nước.

++ Người lính ra đi từ những miền quê nghèo, ngã xuống trên miền biên cương trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

++ Hình ảnh màu hoa đỏ xuất hiện nhiều lần, gắn liền với hình tượng người lính trong bài thơ (*những người lính vào mặt trận, hi sinh tuổi trẻ cho đất nước*).

++ Câu chuyện về người lính ra đi và hi sinh được kể gắn với các chi tiết, hình ảnh không gian, thời gian cụ thể (*tên anh, đá núi, mây ngàn, cây cỏ, sương núi, núi cao, tình mẹ..*);

- Phân tích đánh giá đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm

+ Thể thơ: tự do

+ Tứ thơ độc đáo (sự chuyển hóa, hòa quyện của mây ngàn hóa bóng mẹ và mẹ hóa thành sông núi: "*Mây ngàn hóa bóng cây che*" và "*Núi cao như tình mẹ, bốn mùa tóc bạc nỗi thương con*", linh hồn người lính đã hóa thành "*màu hoa đỏ"* rực cháy trong thời gian, không gian linh thiêng và bất tử khiến người đọc xúc động và cảm phục sâu sắc.

+ Xây dựng hình ảnh "màu hoa đỏ" vừa mang ý nghĩa tả thực vừa giàu ý nghĩa biểu tượng, có sức khái quát cao.

+ Biện pháp tu từ đặc sắc: so sánh (*núi cao như tình mẹ*), hình ảnh ẩn dụ (*màu hoa đỏ*); điệp từ, điệp cấu trúc….tăng hiệu quả biểu đạt cho bài thơ; khắc hoạ vẻ đẹp hình tượng người lính vừa cụ thể, chi tiết vừa mang tính biểu tượng, khái quát.

* Đánh giá:

- Khẳng định giá trị bài thơ.

- Sự tác động của ý thơ tới người đọc trong hoạt động tiếp nhận: sống xứng đáng với thế hệ đi trước, cống hiến và hi sinh cho đất nước.

ĐỀ SỐ 30

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

VIẾT TỪ MẢNH VƯỜN CỦA MẸ

(Trang Thanh)

mẹ yêu vườn như thể cả xuân xanh
chưa bao giờ chăm bẵm chính mình bây giờ chăm
hôi hả
những cây mít cây na cây xoài cây nhãn cây bơ...
những rau húng rau răm thì là rau đỗ...
chúng lớn nhỏ mẹ con cháu chắt
không có lối hàng, lúc dịu dàng, khi rối rít
chúng quấn bện thương nhau
bởi tình yêu của mẹ không trật tự bao giờ
mẹ yêu vườn hồn nhiên như đất đai yêu cây cỏ

con mãi như đứa trẻ lên mười
ngơ ngác trước tất thảy điều bình dị
muốn cây lá dịu êm tơ lụa
con như hoa như quả mọng trên cành
muốn ôm lấy căn nhà ôm lấy mẹ
mẹ ôm con ôm trọn đất vườn xanh

(Trích *Viết từ mảnh vườn của mẹ*,
Trang Thanh,Tập thơ *Thanh không*,
NXB Hội Nhà văn, 2023, tr.80-81)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra những dấu hiệu xác định thể thơ trong đoạn trích trên.

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

Câu 3. Nêu hiệu quả nghệ thuật của cách trình bày các dòng thơ sau:

những cây mít cây na cây xoài cây nhãn cây bơ...
những rau húng rau răm thì là rau đỗ...

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong dòng thơ: *mẹ yêu vườn hồn nhiên như đất đai yêu cây cỏ*

Câu 5. Trình bày nhận xét của anh/chị về hình ảnh người mẹ được khắc họa trong khổ thơ đầu của đoạn trích.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh người con được thể hiện trong những dòng thơ sau:

con mãi như đứa trẻ lên mười
ngơ ngác trước tất thảy điều bình dị
muốn cây lá dịu êm tơ lụa
con như hoa như quả mọng trên cành
muốn ôm lấy căn nhà ôm lấy mẹ
mẹ ôm con ôm trọn đất vườn xanh

Câu 2 (4,0 điểm)

Trong thời đại 4.0 hiện nay, các bạn trẻ đang phải chịu khá nhiều áp lực.

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh chị về vấn đề trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Dấu hiệu nhận biết thể thơ tự do: số chữ trong một dòng thơ không bằng nhau.

Câu 2. Nhân vật trữ tình: người con.

Câu 3. Hiệu quả nghệ thuật của cách trình bày các dòng thơ: tạo ra sự phá cách, sáng tạo trong cách trình bày; nhịp thơ nhanh, mạnh; liệt kê một loạt các hình ảnh (*mít, na, xoài, nhãn, bơ, rau húng, răm, thì là, đỗ*) gợi ra khu vườn trù phú là thành quả lao động của mẹ; tạo cho người đọc cảm nhận về sự "quấn bện thương nhau" của những loài cây, loại rau trong khu vườn.

Câu 4. Tác dụng của biện pháp tu từ trong dòng thơ:

- Biện pháp tu từ: so sánh (vế A "mẹ yêu vườn", từ so sánh "như", vế B "đất đai yêu cây cỏ")

- Tác dụng: nhấn mạnh tình yêu, sự gắn bó của mẹ với khu vườn, với công việc mẹ làm; làm cho câu thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, tăng giá trị biểu đạt.

Câu 5. Nhận xét của anh/chị về hình ảnh người mẹ được khắc họa trong khổ thơ đầu của đoạn trích: Hình ảnh mẹ hiện lên gần gũi, chân thực, giản dị với vẻ đẹp cần cù, yêu lao động, yêu khu vườn và công việc của mình; giàu tình yêu thương, mang tấm lòng chở che, nhân hậu.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

a. **Yêu cầu chung:** Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành nhưng cần đảm bảo yêu

cầu của đoạn văn nghị luận; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *phân tích hình ảnh người con được thể hiện trong những dòng thơ trong bài "Viết từ mảnh vườn của mẹ" (Trang Thanh)*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; đảm bảo tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn.

b. **Yêu cầu cụ thể:** xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

- Người con cảm nhận, ước mong bản thân mãi bé nhỏ, ngây thơ như thủa lên mười, ngây thơ trước bao điều trong cuộc sống, gắn bó với khu vườn bình yên, với ngôi nhà và mãi bên mẹ: *muốn cây lá dịu êm tơ lụa, như hoa như quả mọng, ôm lấy căn nhà và ôm mẹ,...* Đó là tình yêu thương những điều bình dị, thân thiết và thiêng liêng.

- Người con mong ước mãi sống trong vòng tay mẹ, được mẹ yêu thương, chăm sóc như chính khu vườn nhà: *mẹ ôm con ôm trọn đất vườn xanh.*

- Hình tượng người con được thể hiện qua giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng, biện pháp tu từ điệp, so sánh, ngôn ngữ giản dị, hình ảnh gần gũi, giản dị, thân thuộc.

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội; xác định được các ý chính của bài viết; sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận; lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để *trình bày suy nghĩ gì về vấn đề "Trong thời đại 4.0 hiện nay, các bạn trẻ đang phải chịu khá nhiều áp lực"*; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

b. Yêu cầu cụ thể:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích vấn đề nghị luận:

+ *Áp lực* là những vấn đề mà con người phải đối mặt trong cuộc sống hàng ngày. Đó là những khó khăn, thách thức đến từ gia đình, xã hội, công việc, tài chính, quan hệ cá nhân, sức khỏe và từ cảm giác, cảm nhận tinh thần từ chính bản thân mình. Áp lực cuộc sống có thể ảnh hưởng đến tâm trạng, sức khỏe và hiệu suất làm việc của mỗi người

+ *Thời đại 4.0* (còn được gọi là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư) là thuật ngữ được sử dụng để mô tả thời kỳ hiện tại khi các công nghệ mới như: trí tuệ nhân tạo (AI), Internet,..đang thay đổi nhanh chóng cách chúng ta sống và làm việc.

- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:

+ Khẳng định thời đại 4.0 có nhiều ưu thế, thuận lợi để phát triển khoa học công nghệ, nâng cao hiệu suất làm việc cũng như sự kết nối nhưng cũng tạo ra nhiều áp lực cho người trẻ (áp lực từ phía gia đình, nhà trường, xã hội; áp lực từ chính bản thân,..).

+ Xác định nguyên nhân gây ra những áp lực đối với người trẻ (kì vọng của gia đình, khát vọng của bản thân, nhu cầu công việc, quy luật cạnh tranh…).

+ Chỉ ra những hậu quả tiêu cực đến từ những áp lực.

- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: thời đại 4.0 không chỉ tạo ra những áp lực mà còn mở ra những cơ hội cho người trẻ.

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Biết cách vượt qua những áp lực để phát triển bản thân.

NHÀ XUẤT BẢN
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
nxbthongtintruyenthong.vn; book365.vn, ebook365.vn
Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 024.35772141/35772143/35772138
Email: nxb.tttt@mic.gov.vn

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
nxb.tnu.edu.vn
Địa chỉ: Phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
ĐT: 0208.3546116; Fax: 0208.3840017
Email: nxb.dhtn@gmail.com

HƯỚNG DẪN

LÀM BÀI THI TỐT NGHIỆP THPT TỪ NĂM 2025

Môn Ngữ văn

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. Trần Chí Đạt - *Giám đốc - Tổng Biên tập NXB Thông tin và Truyền thông*

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Phạm Quốc Tuấn - *Giám đốc - Tổng Biên tập NXB Đại học Thái Nguyên*

Biên tập:	Hoàng Đức Nguyên – Nguyễn Thị Lê Nguyễn Kiều Minh Trang
Chế bản:	Lê Thành Nguyên
Sửa bản in:	Lê Thành Nguyên
Thiết kế bìa:	Lê Thành Nguyên

In 5.015 bản, khổ 17x24cm tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Tiên Phong
Địa chỉ: Số 25-27 đường Trương Định, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4318-2024/CXBIPH/3-147/TTTT
Số quyết định xuất bản: 558/QĐ-NXB TTTT ngày 12 tháng 11 năm 2024
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2024
ISBN: 978-604-80-8412-7